KING BLUE®

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

ĐÁ CẮT - ĐÁ MÀI - NHÁM XẾP

Website: www.kingblue.vn/Email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
				ĐÁ CẮT					
1	**Đá cắt Sắt, inox KingBlue (Hộp sắt)**	D1-107x1.2 (hộp sắt)	107*1.2mm Ølỗ 16mm	**3.600**	5.600	100v/H	800v/T		
2	**Đá cắt Sắt, inox KingBlue (Hộp nhựa)**	D1-125x1.6	125*1.6mm Ølỗ 22.23mm	**7.500**	10.900	50v/H	600v/T		
3	**Đá cắt Sắt, inox KingBlue (Hộp sắt)**	D3-107x1.2 (hộp sắt)	107*1.2mm Ølỗ 16mm	**4.200**	6.600	100v/H	800v/T		
4	**Đá cắt sắt, inox KingBlue**	D3-125x1.8	125*1.8mm Ølỗ 22.23mm	**8.800**	12.200	50v/H	600v/T		
5	**Đá cắt sắt, inox KingBlue**	D3-150x2.0	150*2.0mm Ølỗ 22.23mm	**15.000**	21.000	25v/H	200v/T		
6		D3-180x2.0	180*2.0mm Ølỗ 22.23mm	**21.000**	30.000	25v/H	100v/T		
7	**Đá cắt Sắt, inox KingBlue S (Thùng carton)**	D3-300x2.8S	300*2.8mm Ølỗ 25.4mm	**35.000**	46.000		30v/T		
8		D3-350x3.0S	350*3.0mm Ølỗ 25.4mm	**41.000**	53.000		30v/T		
9		D3-400x3.0S	400*3.0mm Ølỗ 25.4mm	**61.000**	79.000		25v/T		
10	**Đá cắt inox KingBlue D (ĐÁ ĐỎ)**	D4-107x1.2	107*1.2mm Ølỗ 16mm	**3.800**	5.600	100v/H	800v/T		
11		D4-350x3.0	350*3.0mm Ølỗ 25.4mm	**39.000**	51.000		30v/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
ĐÁ MÀI									
12	**Đá Mài inox King Blue**	D3-103x2.8	103*2.8mm Ølỗ 16mm	**8.300**	12.200	50v/H	200v/T		
13	**Đá Mài Sắt KingBlue**	D3-100x6.0	100*6mm Ølỗ 16mm	**10.000**	14.000	25v/H	200v/T		
14		D3-125x6.0	125*6mm Ølỗ 22.23mm	**18.000**	25.000	25v/H	100v/T		
NHÁM XẾP									
15	**Nhám Xếp BlueBird BA 40/60/80/100/120/150/180/240/320**	BA-40/60/80 100/120/150 180/240/320	100*16mm	**8.600**	12.200	10c/Lốc	200c/T		
16	**Nhám xếp KingBlue KZ (NEW)** **thay thế cho nhám BA**	KZ-040/060/080/100/120/150	100*16mm	**8.600**	12.200	10c/Lốc	200c/T		*Chất liệu đầu nhám: hạt mài chất lượng Dùng mài sắt Tốc độ tối đa: 13700RPM Tốc độ cắt tối đa: 80m/s Dùng để đánh bóng kim loại*

KING BLUE®
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

LƯỠI CẮT ĐA NĂNG/ ĐÁ HOA CƯƠNG/ BÊ TÔNG/ GẠCH BÀN/ CHÉN MÀI

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
				LƯỠI CẮT ĐA NĂNG					
1	**Lưỡi cắt KingBlue E2-110X20**	E2-110X20	110*20mm	**46.000**	65.000	10c/H	200c/T		*Chất liệu: Hợp kim thép cứng Chuyên cắt: Kính, gạch bóng kính, đá cẩm thạch. Max.14000 RPM*
2	**Lưỡi cắt Kingblue E3-105DN**	E3-105DN	105*20mm	**67.000**	90.000	10c/H	200c/T		*Chất liệu: Hợp kim thép cứng Chuyên cắt các vật liệu như: Sắt, đá, thép, gỗ, ống nhựa,...*
3	**Lưỡi cắt Kingblue E3-125DN**	E3-125DN	125*22.23mm	**84.000**	112.000	10c/H	200c/T		
4	**Lưỡi cắt KingBlue V1 110DN**	V1-110DN	105*10*1.3 mm Ølỗ 20/16 mm	**56.000**	78.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt đá Granite, Marble*
5	**Lưỡi cắt KingBlue V2 110DN**	V2-110 NEW	110*10*1.3 mm Ølỗ 20/16 mm	**81.000**	114.000	10c/H	200c/T		
6	**Lưỡi cắt KingBlue V3-110DN (NEW)**	V3-110DN NEW	110*10*1.3 mm Ølỗ 20/16 mm	**105.000**	146.000	10c/H	200c/T		
7	**Lưỡi cắt KingBlue V3-125DN**	V3-125DN	125*10*1.8 mm Ølỗ 22.2/20 mm	**122.000**	160.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt đá Granite, Marble, đá trắng sứ*
8	**Lưỡi cắt KingBlue V3-150DN**	V3-150DN	150*10*2.0 mm Ølỗ 22.2 mm	**156.000**	202.000		100c/T		
9	**Lưỡi cắt KingBlue V3 180DN**	V3-180DN	180*12*2.0 mm Ølỗ 22.2 mm	**182.000**	237.000		50c/T		
10	**Lưỡi cắt KingBlue V3-230DN**	V3-230DN	230*10*2.4 mm Ølỗ 25.4/22.2 mm	**256.000**	333.000		25c/T		
11	**Lưỡi cắt KingBlue S1-105DN**	S1-105DN	105*10*1.3 mm Ølỗ 20/16 mm	**57.000**	80.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt gạch bóng kiếng, đá Marble*
12	**Lưỡi cắt KingBlue S1-125DN**	S1-125DN	125*10*1.6 mm Ølỗ 22.2/20 mm	**76.000**	107.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt đá Granite, đá trắng sứ, Marble*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
13	**Lưỡi cắt KingBlue S2-105DN**	S2-105DN	105*10*1.3 mm Ølỗ 20/16 mm	**73.000**	102.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt gạch bóng kiếng, đá Marble , trắng sứ*
14	**Lưỡi cắt KingBlue S2-125DN**	S2-125DN-NEW	125*10*1.6 mm Ølỗ 22.2/20 mm	**94.000**	131.000	10c/H	200c/T		
15	**Lưỡi cắt KingBlue S3-105DN**	S3-105DN NEW	105*10*1.3 mm Ølỗ 20/16 mm	**94.000**	131.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt gạch bóng kiếng đá Marble , trắng sứ*
16	**Lưỡi cắt KingBlue ĐN S4**	S4-105DN	105*10*1.3 mm Ølỗ 20/16 mm	**119.000**	155.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt đá trắng sứ, đá bóng kiếng, đá marble*
17		S4-125DN	125*10*1.8 mm Ølỗ 22.2/20 mm	**143.000**	186.000	10c/Lốc	200c/T		
18		S4-150DN	150*10*2.0 mm Ølỗ 22.2 mm	**171.000**	222.000	10c/Lốc	200c/T		
19	**Lưỡi cắt KingBlue ĐN F1**	F1-110DN	110*10*1.4 mm Ølỗ 20/16 mm	**88.000**	123.000	10c/Lốc	200c/T		*Chất liệu hợp kim thép cứng đạt chuẩn ISO9001-2000 được dùng để cắt gạch men, đá Marble, đá Granite, đá trắng sứ.*
20		F1-125DN	125*10*1.8 mm Ølỗ 22.2/20 mm	**102.000**	143.000	10c/H	200c/T		
21		F1-150DN	150*10*2.0 mm Ølỗ 22.2 mm	**134.000**	175.000		100c/T		
22		F1-180DN	180*12*2.0 mm Ølỗ 22.2 mm	**161.000**	208.000		50c/T		
LƯỠI CẮT BÊ TÔNG / NHỰA ĐƯỜNG									
1	**Lưỡi cắt KingBlue G1**	G1-156R	156*15*2.5mm Ølỗ 22.2mm	**119.000**	155.000		100c/T		*chất liệu hợp kim thép cứng, cắt khô tốt bê tông sỏi, bê tông cốt thép, cắt tường.*
2	**Lưỡi cắt Kingblue G1**	G1-133R	133*15*2.4mm Ølỗ 22.2/20 mm	**88.000**	116.000		100c/T		*Chuyên cắt tường, bê tông.*
3		G1-125R	125*15*2.4mm Ølỗ 22.2/20 mm	**79.000**	102.000		200c/T		
4		G1-350R	14 inch (350*12*3.2*50)	**525.000**	604.000		10c/T		*Chất liệu: hợp kim thép cứng Chuyên cắt tường, bê tông Tính năng nổi bật: - Cắt ngọt và êm, tốc độ cắt nhanh. - Độ bền và tuổi thọ cao. - Sản lượng vượt trội. - An toàn khi sử dụng. - Chất lượng theo tiêu chuẩn Đức*
5		G1-400R	16 inch (400*12*3.6*50)	**758.000**	872.000		10c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
6	Lưỡi cắt King Blue G3	G3-300R	300*12*3.2mm Ølỗ 25.4mm	898.000	1.033.000		10c/T	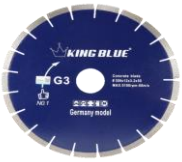	*Chuyên cắt bê tông, nhựa đường*
7		G3-350R	350*12*3.2mm Ølỗ 25.4mm	1.125.000	1.295.000		10c/T		
8		G3-400R	400*12*3.6mm Ølỗ 25.4mm	1.458.000	1.676.000		10c/T		
9		G3-450R	450*12*4.0mm Ølỗ 50mm	1.918.000	2.207.000		5c/T		
10		G3-500R	500*12*4.0mm Ølỗ 25.4mm	2.350.000	2.702.000		5c/T		
11		G3-600R	600*12*4.6mm Ølỗ 50mm	2.915.000	3.353.000		5c/T		
LƯỠI CẮT GẠCH/ MARBLE									
1	Lưỡi cắt BlueBird C1	LC BB C1-109L	109*1.5*9mm Ølỗ 20/16mm	79.000	111.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt gạch bóng kính , đá marble* *Mua 20 tặng 10*
		LC BB C1-125L	125*1.8*9mm Ølỗ 20/16mm	86.000	121.000	10c/H	200c/T		*Mua 20 tặng 10*
2	Lưỡi cắt King Blue C2	C2-305R	305*8*2.4mm Ølỗ 50mm	927.000	1.113.000	1c/H	10c/T		*Chuyên cắt đá Marble, trắng sứ*
3		C2-350R-NEW	350*8*3.0mm Ølỗ 50mm	1.174.000	1.408.000	1c/H	10c/T		
4		C2-400R	400*8*3.0mm Ølỗ 50mm	1.546.000	1.855.000		10c/T		
5	Lưỡi cắt King Blue C3	C3-120R	120*12*1.8mm Ølỗ 20mm	94.000	112.000		200c/T	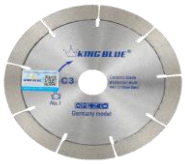	*Chất liệu hợp kim thép cứng đạt chuẩn ISO9001-2000 được dùng để cắt đá Marble.*
6		C3-130R	130*12*1.8mm Ølỗ 20mm	97.000	117.000		200c/T		
7		C3-150R	150*12*1.8mm Ølỗ 20mm	132.000	158.000		100c/T		
8		C3-180Rx25.4	180*12*1.8mm Ølỗ 25.4mm	252.000	303.000		50c/T		
9		C3-180Rx60	180*12*1.8mm Ølỗ 60mm	252.000	303.000		50c/T		
10		C3-200R	120*12*1.8mm Ølỗ 20mm	550.000	660.000		40c/T		
11		C3-230R	230*10*1.8mm Ølỗ 25.4mm	647.000	777.000		25c/T		
12		C3-250R	250*10*2.0mm Ølỗ 60mm	859.000	1.031.000		40c/T		
13		C3-300R	300*10*2.2mm Ølỗ 60mm	1.174.000	1.408.000		20c/T		
LƯỠI CẮT ĐÁ HOA CƯƠNG									
1	Lưỡi cắt King Blue GT	GT-110L/R	110*12*1.9mm Ølỗ 20/16mm	65.000	90.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt đá Granite, bê tông*
2		TS-110L	110*12*2.0mm Ølỗ 20/16mm	50.000	69.000	10c/H	200c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
3	Lưỡi cắt Kingblue TS	TS-114R/L	114*12*2.0mm Ølỗ 20/16mm	50.000	69.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt đá Granite, bê tông*
4		TS-125R (KB)	125*12*2.0mm Ølỗ 22.2/20mm	70.000	99.000	10c/H	200c/T		
5		TS-125L	125*12*2.0mm Ølỗ 22.2/20mm	70.000	99.000	10c/H	200c/T		
6		TS-150R/L	150*12*2.2mm Ølỗ 22.2mm	91.000	128.000	10c/H	100c/T		
7		TS-180R/L	180*12*2.2mm Ølỗ 22.2mm	105.000	146.000	10c/H	50c/T		
8	Lưỡi cắt KingBlue T1	T1-114R/L	114*12*2.0mm Ølỗ 20/16mm	58.000	81.000	10c/H	200c/T		*Chất liệu: hợp kim thép cứng* *Chuyên cắt đá Granite, bê tông*
9		T1-125R/L	125*12*2.0mm Ølỗ 22.2/20mm	79.000	111.000	10c/H	200c/T		
10		T1-150R/L	150*12*2.2mm Ølỗ 22.2mm	111.000	145.000	10c/H	200c/T		
11		T1-180R/L	180*12*2.2mm Ølỗ 22.2mm	134.000	175.000	10c/H	50c/T		
12		T1-230R/L	230*12*2.4mm Ølỗ 25.4/22.2mm	228.000	297.000		25c/T		
13		T1-250R/L	250*12*2.6mm Ølỗ 25.4/22.2mm	256.000	308.000		25c/T		
14		T1-300R/L	300*12*3.0mm Ølỗ 32/25.4mm	408.000	490.000		25/T		
15		T1-350R	350*15*3.2mm Ølỗ 50mm	618.000	741.000		10c/T		
16		T1-400R	400*15*3.3mm Ølỗ 50mm	816.000	979.000		10c/T		
17	Lưỡi cắt KingBlue T2	T2-114R/L	114*14*2.0mm Ølỗ 20/16mm	77.000	108.000	10c/H	200c/T		*Chuyên cắt đá Granite, bê tông*
18		T2-125R/L	125*14*2.0mm Ølỗ 22.2/20mm	89.000	124.000	10c/H	200c/T		
19	Lưỡi cắt KingBlue GT	GT-230R	230*10*2.6mm Ølỗ 25.4/22.2mm	248.000	297.000		25c/T	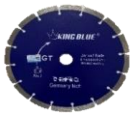	
20	Lưỡi cắt KingBlue V2	V2-230R	230*12*2.6mm Ølỗ 25.4mm	256.000	308.000		25c/T	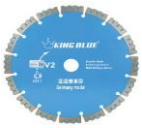	
21		V2-250R	250*14*2.6mm Ølỗ 25.4mm	355.000	427.000		40c/T		
22		V2-300R	300*12*3.2mm Ølỗ 32mm	569.000	683.000		40c/T	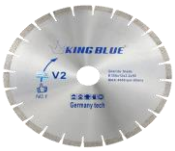	*Chuyên cắt đá Granite*
23		V2-350RX50	350*12*3.2mm Ølỗ 50mm	693.000	832.000		10c/T		
24		V2-350RX70	350*12*3.2mm Ølỗ 70mm	693.000	832.000		10c/T		
25		V2-400RX50	400*12*3.2mm Ølỗ 50mm	902.000	1.082.000		10c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
26	Lưỡi cắt King Blue V3	V3-230R	230*12*2.6mm Ølỗ 25.4mm	325.000	389.000		40c/T	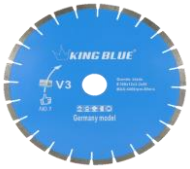	*Chuyên cắt đá Granite*
27		V3-250R	250*14*2.6mm Ølỗ 25.4mm	403.000	483.000		40c/T		
28		V3-300R	300*12*3.2mm Ølỗ 50mm	723.000	867.000		20c/T		
29		V3-350X50R	350*12*3.2mm Ølỗ 50mm	866.000	1.038.000		10c/T		
30		V3-400R	400*12*3.2mm Ølỗ 50mm	1.162.000	1.394.000		10c/T		
31		V3-500R	500*12*3.4mm Ølỗ 50mm	1.816.000	2.180.000		10c/T		
32		V3-600R	600*12*4.6mm Ølỗ 50mm	2.620.000	3.144.000		10c/T		
LƯỠI CẮT GẠCH BÀN									
1	Lưỡi cắt gạch bàn	VJ01	22*6*6mm	67.000	94.000	25c/H	400c/T		*lưỡi cắt gạch bàn đẩy*
2		VJ02	23*6*6mm	84.000	118.000	25c/H	400c/T		
CHÉN MÀI BÊ TÔNG / ĐÁ HOA CƯƠNG									
1	Chén mài KingBlue MS - Mài Khô	MS-110x4R	110*4mm Ølỗ 20/16mm	57.000	80.000		100c/T		*Mài đá hoa cương, bê tông*
2		MS-125x4R	125*4mm Ølỗ 22.2/20mm	89.000	124.000		50c/T		
3	Chén mài KingBlue MS - Mài Nước	MS-110x4L	110*4mm Ølỗ 20/16mm	57.000	80.000		100c/T		*Mài đá hoa cương, bê tông*
4	Chén mài KingBlue M1 - Mài Nước	M1-110x5L	110*5mm Ølỗ 20/16mm	73.000	102.000		100c/T		*Mài đá hoa cương.*
5	Chén mài KingBlue M1 -Mài Khô	M1-110x5R	110*5mm Ølỗ 20/16mm	73.000	102.000		100c/T		*Mài đá hoa cương, bê tông*
6		M1-125x5R	125*5mm Ølỗ 22.2/20mm	105.000	146.000		50c/T		
7	Chén mài KingBlue M2 - Mài Nước	M2-110x5L	110*5mm Ølỗ 20/16mm	88.000	123.000		100c/T		*Mài đá hoa cương*
8	Chén mài KingBlue M2 - Mài Khô	M2-110x5R	110*5mm Ølỗ 20/16mm	88.000	123.000		100c/T		*Mài đá hoa cương, bê tông*
9		M2-125x5R	125*5mm Ølỗ 22.2/20mm	119.000	166.000		50c/T		
10	Chén mài BlueBird M2 - Mài Khô	M2-150x5R	150*5mm Ølỗ 22.2mm	362.000	453.000		25c/T		
11		M2-180x5R	180*5mm Ølỗ 22.2mm	454.000	569.000		25c/T		

KING BLUE®
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

LƯỠI CƯA - LƯỠI CƯA THÉP GIÓ HSS

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
				LƯỠI CƯA ĐA NĂNG					
1	Lưỡi cưa ĐN KingBlue	K2-110X30T	110*20mm 30T	113.000	147.000	10c/H	100c/T		*Cắt gỗ, cắt nhựa, cắt nhôm, sắt hộp mỏng < 1mm*
2		K2-110X40T	110*20mm 40T	120.000	156.000	10c/H	100c/T		
				LƯỠI CƯA GỖ					
3	Lưỡi cưa KingBlue XS	XS-110X30T-NEW	110*20mm 30T	60.000	85.000	10c/H	100c/T		
4		XS-125x40T	125*20mm 40T	70.000	98.000	10c/H	100c/T		
5	Lưỡi cưa Bluebird X1	X1-150x40T	150*25.4*2.0mm 40T	129.000	168.000		100c/T		
6		X1-150x60T	150*25.4*2.0mm 60T	124.000	162.000		100c/T		
7		X1-300x60T	300*25.4*2.0mm 60T	560.000	729.000		25c/T		
8	Lưỡi cưa KingBlue X1	X1-110x30T-NEW	110*20*1.5mm 30T	80.000	110.000	10c/H	200c/T		
9		X1-110x40T	110*20*1.8mm 40T	83.000	107.000		300c/T		
10		X1-125x40T-NEW	125*20mm 40T	95.000	122.000		100c/T		
11		X1-150x40T-NEW	150*25.4*2.0mm 40T	117.000	140.000		40c/T		
12		X1-180x40T-NEW	180*25.4*2.0mm 40T	152.000	183.000		40c/T		
13		X1-230x40T-NEW	230*25.4*2.0mm 40T	266.000	319.000		30c/T		
14		X1-250x40T-NEW	250*25.4*2.5mm 40T	339.000	407.000		30c/T		
15		X1-300x40T-NEW	300*30*3.0mm 40T	484.000	581.000		10c/T		
16		X1-350X40T-NEW	350*30mm 40T	545.000	653.000		10c/T		
17		X1-350X60T-NEW	350*30mm 60T	581.000	697.000		10c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
18	Lưỡi cưa KingBlue X2	X2-125x40T	125*20mm 40T	**111.000**	133.000	10c/H	200c/T		
19		X2-150x40T	150*25.4*2.0mm 40T	**136.000**	164.000	10c/H	100c/T		
20		X2-150x60T	150*25.4*2.0mm 60T	**164.000**	197.000	10c/H	100c/T		
21		X2-180x60T	180*25.4*2.5mm 60T	**204.000**	244.000	10c/H	50c/T		
22		X2-230x40T	230*25.4mm 40T	**278.000**	334.000	10c/H	50c/T		
23		X2-300x40T	300*30*3.2mm 40T	**472.000**	567.000	10c/H	25c/T		
24		X2-300x60T	300*30*3.2mm 60T	**593.000**	712.000	10c/H	25c/T		
25		X2-120x24T	120*20*3.2mm 24T	**605.000**	726.000		200c/T		*Cắt MDF , MFC*
26		X2-300x96T	300*30*3.0mm 96T	**990.000**	1.188.000		25c/T		
27		X2-350x60T	350*30*3.4mm 60T	**787.000**	944.000		10c/T		*Cắt gỗ có đinh*
28		X2-350x80T	350*30*3.4mm 80T	**883.000**	1.060.000		10c/T		
29		X2-455x40T	455*30*4.0mm 40T	**1.452.000**	1.742.000		10c/T		
30	Lưỡi cưa KingBlue X2	X2-305x96T	305*30mm 96T	**1.029.000**	1.234.000		10c/T		*Chất liệu: hợp kim thép cứng cáp, chống gỉ . Chuyên cắt gỗ MDF. Max 5500 P.R.M-50m/s.*
LƯỠI CƯA NHÔM									
33	Lưỡi cưa nhôm KingBlue Y1	Y1-254x120T-NEW	254*25.4mm 120T	**666.000**	799.000		30c/T		*Cắt nhôm*
34		Y1-305X120T-NEW	305*30*3.0mm 120T	**1.029.000**	1.234.000		10c/T		
35		Y1-355X120T-NEW	355*30*3.0mm 120T	**1.392.000**	1.670.000		10c/T		
36		Y1-405x120T	405*30*3.6mm 120T	**2.118.000**	2.541.000		5c/T		
37		Y1-450x120T	450*30*4.0mm 120T	**2.662.000**	3.194.000		5c/T		
38		Y1-500x120T	500*30*4.4mm 120T	**3.509.000**	4.211.000		5c/T		
39	Lưỡi cưa nhôm KingBlue YZ	YZ-254X120T	254*25.4mm 120T	**508.000**	609.000		30c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
LƯỠI CẮT HỢP KIM									
40	**Lưỡi cưa hợp kim KingBlue K1**	K1-110x24T	110*20*1.8mm 24T	**193.000**	231.000		200c/T		*Mua 5 tặng 1* *Mua 10 tặng 3*
41		K1-305x80T	305*25.4*2.5mm 80T	**1.411.000**	1.693.000		25c/T		*Cắt kim loại (tua chậm) MAX 1500R.P.M* *Mua 5 tặng 1* *Mua 10 tặng 3*
42		K1-305x80T-NEW	305*25.4*2.5mm 80T	**1.634.000**	1.960.000		10c/T		*Cắt kim loại (tua chậm) MAX 1500R.P.M*
43		K1-355x80T	355*25.4*2.5mm 80T	**1.682.000**	2.019.000		10c/T		*Cắt kim loại (tua chậm) MAX 1500R.P.M* *Mua 5 tặng 1* *Mua 10 tặng 3*
44		K1-355x80T-NEW	355*25.4*2.5mm 80T	**1.936.000**	2.323.000		10c/T		*Cắt kim loại (tua chậm) MAX 1500R.P.M*
45		K1-405x100T	405*25.4*2.5mm 100T	**1.997.000**	2.396.000		10c/T		*Cắt kim loại (tua chậm) MAX 1500R.P.M* *Mua 5 tặng 1* *Mua 10 tặng 3*
46		K1-455x100T	455*25.4*2.5mm 100T	**2.904.000**	3.485.000		10c/T		
47		K1-150*20*32T	150*20mm 32T	**273.000**	328.000	1c/H	50c/T		*Chất liệu: Hợp kim thép cứng. Chuyên cắt kim loại. Max 3900 vòng/phút (RPM)*
48		K1-185X32T	185*20mm 32T	**273.000**	328.000	1c/H	50c/T		*Chất liệu: Hợp kim thép cứng. Chuyên cắt kim loại. Max 5500 P.R.M.*
LƯỠI CƯA THÉP GIÓ HSS									
49	**Lưỡi cưa KingBlue M2**	HSS-M2-275x2.0	275*32*2mm 220T	**1.089.000**	1.307.000	1c/H			*Cắt kim loại (tua chậm)*
50		HSS-M2-300x2.0	300*32*2mm 220T	**1.271.000**	1.525.000	1c/H			
51		HSS-M2-350x2.5	350*32*2mm 220T	**2.299.000**	2.759.000	1c/H			
52	**Lưỡi cưa KingBlue**	HSS-M42A-250x1.2	250*32*1.2mm 220T	**1.065.000**	1.278.000	1c/H			*Cắt inox (tua chậm)*
53		HSS-M42A-275x1.6	275*32*1.6mm 220T	**1.452.000**	1.742.000	1c/H			
54		HSS-M42A-300x1.6	300*32*1.6mm 220T	**1.634.000**	1.960.000	1c/H			
55		HSS-M42A-350x2.0	350*32*2.0mm 220T	**2.844.000**	3.412.000	1c/H			
56		HSS-M42A-350x2.5	350*32*2.5mm 220T	**3.146.000**	3.775.000	1c/H			
57		HSS-M42A-350x3.0	350*32*3.0mm 220T	**3.509.000**	4.211.000	1c/H			
58		HSS-M42A-400x2.0	400*32*2.0mm 320T	**4.054.000**	4.864.000	1c/H			
59		HSS-M42A-400x2.5	400*32*2.5mm 320T	**4.429.000**	5.314.000	1c/H			
60		HSS-M42A-400x3.0	400*32*3.0mm 320T	**4.961.000**	5.953.000	1c/H			
61		HSS-M42A-450x2.5	450*32*2.5mm 320T	**6.534.000**	7.841.000	1c/H			
62		HSS-M42A-450x3.0	450*32*3.0mm 320T	**7.502.000**	9.002.000	1c/H			
63		HSS-M42A-500x3.0	500*32*3.0mm 320T	**11.495.000**	13.794.000	1c/H			

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

LƯỠI CẮT OMEGA VÀ RỒNG

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	ĐƠN GIÁ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Lưỡi cắt OMG ĐN AA**	OMG-110AA	110*1.4mm	**85.000**	10v/H	200v/T		
2	**Lưỡi cắt OMG ĐN A**	OMG-110A	110*1.4mm	**75.000**	10v/H	200v/T		
3	**Lưỡi cắt OMG ĐN B**	OMG-110B	110*1.4mm	**62.000**	10v/H	200v/T		
4	**Lưỡi cắt OMG ĐN A**	OMG-125A	125*1.5mm	**90.000**	10v/H	200v/T		
5	**Lưỡi cắt OMG ĐN B**	OMG-125B	125*1.5mm	**72.000**	10v/H	200v/T		
6	**Lưỡi cắt Rồng ĐN AA**	LCR DN AA105	105*1.4mm	**83.000**	10v/H	200v/T		
7	**Lưỡi cắt Rồng ĐN A**	LCR DN A 105	105*1.4mm	**63.000**	10v/H	200v/T		
8	**Lưỡi cắt Rồng ĐN B**	LCR DN B 105	105*1.4mm	**50.000**	10v/H	200v/T		
9	**Lưỡi cắt Rồng ĐN A**	LCR DN A 125	125*1.5mm	**90.000**	10v/H	200v/T		
10	**Lưỡi cắt Rồng ĐN B**	LCR DN B 125	125*1.5mm	**72.000**	10v/H	200v/T		
11	**Lưỡi cắt Rồng AA**	LCRXAA114R/L	114*2.0mm	**68.000**	10v/H	200v/T		
12	**Lưỡi cắt Rồng A**	LCRX A114R/L	114*2.0mm	**56.000**	10v/H	200v/T		
13	**Lưỡi cắt Rồng B**	LCRX B 114R/L	114*2.0mm	**44.000**	10v/H	200v/T		
14	**Lưỡi cắt Rồng AA**	LCR AA 125 x 2 R/L	125*2.0mm	**81.000**	10v/H	200v/T		
15	**Lưỡi cắt Rồng A**	LCRX A 125R/L	125*2.0mm	**70.000**	10v/H	200v/T		
16	**Lưỡi cắt Rồng B**	LCRX B 125R/L	125*2.0mm	**56.000**	10v/H	200v/T		
17	**Lưỡi cắt Rồng A**	LCRX A 150R/L	150*2.2mm	**91.000**	10v/H	100v/T		
18	**Lưỡi cắt Rồng A**	LCRX A 180R/L	180*2.2mm	**106.000**	10v/H	50v/T		

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

CƯA CẦM TAY - KÉO

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP - SIZE		GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
CƯA CẦM TAY									
1	**Cưa Kingblue**	KB-E350	350mm	**230.000**	287.000	12c/H	48c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Mua 46 tặng 2*
2	**Cưa Kingblue**	KB-S330	330mm	**250.000**	313.000	12c/H	48c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Mua 46 tặng 2*
3	**Lưỡi Cưa Kingblue**	KB-LE350	350mm	**150.000**	188.000	50c/H	200c/T		*Thép SK5 JAPAN*
4	**Lưỡi Cưa Kingblue**	KB-LS330	330mm	**175.000**	219.000	50c/H	200c/T		*Thép SK5 JAPAN*
5	**Cưa gấp Kingblue**	ES180i	180mm	**132.000**	166.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 JAPAN*
6	**Cưa gấp Kingblue**	ES250	250mm	**176.000**	221.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 JAPAN*
7	**Cưa Kingblue**	KB-D300	300mm	**198.000**	248.000	20c/H	80c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Mua 78 tặng 2*
8	**Lưỡi cưa Kingblue**	QLE300	300mm	**105.000**	131.000	40c/H	320c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Lắp bổ sung cho kéo QE*
9	**Lưỡi cưa Kingblue**	CLE-300	300mm	**93.000**	117.000	40c/H	320c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Thay cho cưa CE*
10	**Cưa cành trên cao**	CE215	2,1m	**444.000**	555.000	1c/H	24c/T		*Thép SK5 JAPAN*
11	**Cưa cành trên cao**	CE280	2,8m	**467.000**	584.000	1c/H	24c/T		
12	**Cưa tay KJC300**	KJC300	300mm 12"*1/2" *24T	**97.000**	125.000	6c/H	36c/T		*Chất liệu thân: Hợp kim nhôm cao cấp* *Chất liệu lưỡi: Lưỡi thép cao cấp siêu bền* *Mua 10 tặng 1*
KÉO LÀM VƯỜN									
13	**Kéo cắt cành Kingblue**	KB001-B7	7"	**93.000**	117.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Lưỡi made in Taiwan* *Mua 10 tặng 2*
14		KB002-E7	8"	**138.000**	171.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 Japan*

STT	TÊN SP	MÃ SP - SIZE		GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
15	**Kéo cắt cành Kingblue**	KB002-E8	8"	**135.000**	170.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Lưỡi made in Taiwan*
16		KB004-S8	8"	**232.000**	291.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 JAPAN*
17	**Kéo cắt cành cây màu đỏ**	S8-PA đỏ	Kích thước lưỡi kéo: 8mm, 5/16" Tổng chiều dài: 200mm, 8"	**588.000**	683.000	10c/H	60c/T	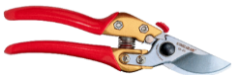 KING BLUE	*Lưỡi thép SK5 Nhật Bản sắc bén và chống gỉ.* *Tay cầm nhôm đúc nguyên khối, bọc nhựa chống trượt.* *Lò xo trợ lực êm nhẹ, giảm lực tay* *Thiết kế chốt khóa an toàn, phù hợp người dùng chuyên nghiệp.* *Độ hoàn thiện sản phẩm cao, kèm hộp đựng*
18	**Kéo cắt cành cây màu xanh**	S8-PA xanh		**588.000**	683.000	10c/H	60c/T	 KING BLUE	
19	**Kéo cắt cành Kingblue**	KB001-Q1	8"	**75.000**	97.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 cao cấp*
20		KB003-Q2	7"	**93.000**	122.000	12c/H	72c/T		
21		KB004-Q3	8"	**98.000**	127.000	12c/H	72c/T		
22		KB006-Q5	8"	**122.000**	159.000	12c/H	72c/T		
23		KB006-Q6	8"	**134.000**	175.000	12c/H	72c/T		
24	**Kéo Kingblue**	Q8	8"	**138.000**	180.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 JAPAN* *Mua 10 tặng 2*
25	**Kéo cắt cành Kingblue**	Q9	8"	**176.000**	229.000	12c/H	72c/T		*Thép SK5 Japan* *Mua 10 tặng 2*
26	**Kéo cắt trái cây**	QC1	8"	**36.000**	47.000	20c/H	160c/T		*Thép carbon*
27		QC2	8"	**62.000**	81.000	20c/H	160c/T		*Thép carbon*
28	**Kéo cắt đa năng**	QC3	8"	**76.000**	99.000	12c/H	96c/T		*Thép Carbon*
29		QC4	7.5"	**98.000**	127.000	12c/H	72c/T		*Thép Carbon*
30	**Kéo cắt trên cao**	QE320	3m	**678.000**	814.000		6c/T		*Cán nhôm* *Lưỡi kéo Thép SK5 JAPAN*
31		QE420	4m	**759.000**	911.000		6c/T		
32	**Mài kéo**	MK-150		**95.000**	95.000	12c/H	144c/T		*Lưỡi mài hợp kim cứng, độ bền cao*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

SIẾT TÔN - MŨI VÍT KINGBLUE

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Siết tôn KingBlue KB8*48G**	KB8x48G	8*48mm	**7.500**	12.000	10C/V	1000c/T 100c/H		*Thép S2 Taiwan, Chống rớt lõi từ*
2	**Siết tôn KingBlue**	ST08x65G	8*65mm	**8.500**	12.000	5C/V	500c/T 50c/H		*Thép S2 Taiwan*
3		ST10x65G	10*65mm	**9.000**	14.000	5C/V	500c/T 50c/H		
4		ST12x65G	12*65mm	**11.000**	17.000	5C/V	400c/T 40c/H		
5		ST13x65G	13*65mm	**13.500**	20.000	5C/V	400c/T 40c/H		
6		ST14x65G	14*65mm	**13.500**	20.000	5C/V	400c/T 40c/H		
7		ST17x65G	17*65mm	**21.500**	32.000	3C/V 18C/H	180c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
8	**Vít KingBlue KB4x65**	KB4*65	65mm	**7.500**	11.000	10C/V	1000c/T		*Thép S2 Taiwan cao cấp*
9	**Vít KingBlue KB4x100**	KB4*100	100mm	**11.000**	16.000	5C/V	500c/T		
10	**Vít KingBlue KB4x65T (Trắng)**	KB4x65T	65mm	**7.000**	11.000	10C/V	1000c/T		*Thép S2 Taiwan cao cấp*
11	**Vít KingBlue KB4x100T**	KB4*100T	100mm	**10.000**	15.000	5C/V	500c/T		
12	**Vít KingBlue KB4x65S**	KB4*65S	65mm	**11.000**	17.000	10C/V	1000c/T		*Thép S2 Taiwan cao cấp siêu hít*
13	**Vít KingBlue KB4x100S**	KB4*100S	100mm	**15.000**	22.000	10C/V			
14	**Đầu vít lục giác KingBlue**	V65E	65mm	**8.000**	13.000	10C/V	1000c/T 100c/H		*Thép S2 cao cấp siêu hít*
15		V100E	100mm	**11.000**	17.000	5C/V	500c/T 50c/H		
16	**Mũi bắn vít PH2**	V50S	1/4 inch, 50mm	**28.000**	46.000	2C/V Giá tính theo Vỉ	100c/H 1000c/T		*Chất liệu: Thép S2 - Taiwan, đầu vít phủ kim cương siêu cứng ,siêu hít*
17		V65S	1/4 inch, 65mm	**30.000**	48.000	2C/V Giá tính theo Vỉ	100c/H 1000c/T		*Chất liệu: Thép S2 Taiwan, đầu vít phủ kim cương Từ tính cao siêu hít Đầu vít chuẩn PH2 Chuôi lục giác (chuẩn ngắn và dài)*
18		V100S	1/4 inch, 100mm	**44.000**	69.000	2C/V Giá tính theo Vỉ	100c/H 1000c/T		*Chất liệu: Thép S2 - Taiwan, đầu vít phủ kim cương siêu cứng ,siêu hít*
19		V150S	1/4 inch, 150mm	**54.000**	79.000	2C/V Giá tính theo Vỉ	40c/H 400c/T		*Chất liệu: Thép S2 Taiwan, đầu vít phủ kim cương Từ tính cao siêu hít Đầu vít chuẩn PH2 Chuôi lục giác (chuẩn ngắn và dài)*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
20	**Mũi bắn vít chống trượt**	V65R	1/4 inch, 65mm	**20.000**	31.000	2C/V Giá tính theo Vỉ	100c/H 1000c/T		*Vật liệu: Thép S2 Taiwan Chống trượt hạn chế tối đa tuôn đầu, từ tính cao, siêu cứng Đầu vít chuẩn PH2 Chuôi lục giác chuẩn ngắn*
21		V100R	1/4 inch, 100mm	**29.000**	42.000	2C/Vỉ Giá tính theo Vỉ	50c/H 500c/T		
22		V150R	1/4 inch, 150mm	**40.000**	56.000	2C/V Giá tính theo Vỉ	50c/H 500c/T		
23	**Bộ đầu hoa thị T9100E**	T9100E		**86.000**	116.000	10B/H	100B/T		*Thép S2 siêu cứng Bao gồm các đầu: T6, T8, T10, T15,T20, T25, T27, T30, T40*
24	**Bộ đầu lục giác L8100E**	L8100E		**86.000**	116.000	10B/H	100B/T		*Thép S2 siêu cứng Bao gồm các đầu: H1.5, H2, H2.5, H3, H4, H5, H6, H8*
25	**Đầu vít hoa thị T265E**	T265E-T10	T10*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		*Chất liệu: Thép S2 Taiwan cao cấp, chống trượt và có tính từ cao. Độ cứng HRC 59-61 Kích thước: 65mm Bao gồm các đầu: T10, T15,T20, T25, T27, T30, T40, T50* **Đơn giá được thể hiện theo giá vỉ, bán theo đơn vị vỉ*
26		T265E-T15	T15*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
27		T265E-T20	T20*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
28		T265E-T25	T25*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
29		T265E-T27	T27*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
30		T265E-T30	T30*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
31		T265E-T40	T40*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
32		T265E-T50	T50*65mm	**41.000**	68.000	5C/V	60c/H 360c/T		
33	**Đầu vít lục giác L265E**	L265E-H3	H3*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		*Chất liệu: Thép S2 Taiwan cao cấp, chống trượt và có tính từ cao. Độ cứng HRC 59-61 Kích thước: 65mm Bao gồm các đầu: H3, H4, H5, H6, H8* **Đơn giá được thể hiện theo giá vỉ, bán theo đơn vị vỉ*
34		L265E-H4	H4*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
35		L265E-H5	H5*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
36		L265E-H6	H6*65mm	**17.000**	28.000	2C/V 16C/dây	160c/H 960c/T		
37		L265E-H8	H8*65mm	**41.000**	68.000	5C/V	60c/H 360c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
38	**Đầu chụp bulon sâu lòng KingBlue**	CM07	07mm	**143.000**	198.000	10C/H nhỏ	100c/H lớn 500c/T		*Đầu chụp Bulon sâu lòng chất liệu: Thép CR-V cao cấp* *Kích thước đầu chụp: 07 / 08 / 10 / 12 / 13 / 14 / 17 / 19mm* *Kích thước độ dài: 80mm* *Sản phẩm được bán theo đơn vị tối thiểu là 1 hộp nhỏ (không bán lẻ từng chiếc)* **đơn giá được thể hiện theo giá hộp nhỏ*
39		CM08	08mm	**154.000**	209.000	10C/H nhỏ	100c/H lớn 500c/T		
40		CM10	10mm	**176.000**	242.000	10C/H nhỏ	100c/H lớn 500c/T		
41		CM12	12mm	**99.000**	132.000	5C/H nhỏ	50c/H lớn 250c/T		
42		CM13	13mm	**105.000**	138.000	5C/H nhỏ	50c/H lớn 250c/T		
43		CM14	14mm	**105.000**	138.000	5C/H nhỏ	50c/H lớn 250c/T		
44		CM17	17mm	**110.000**	154.000	4C/H nhỏ	40c/H lớn 200c/T		
45		CM19	19mm	**86.000**	119.000	3C/H nhỏ	30c/H lớn 150c/T		

KING BLUE®

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

MŨI KHOAN ĐA NĂNG/ KHOAN GỖ/KHOAN SẮT THÉP, INOX

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOAN GẠCH ĐA NĂNG CHUÔI KẸP								
1	~~KBG2-06*100~~	Ø6*100	12.000	16.500	10C/V	1000C/T		
2	KBG2-08*100	Ø8*100	16.000	23.500	10C/V	1000C/T		
3	KBG2-10*120	Ø10*120	19.000	26.500	5C/V	1000C/T		
4	KBG2-12*120	Ø12*120	24.000	35.000	5C/V	1000C/T		
MŨI KHOAN GẠCH ĐA NĂNG CHUÔI LỤC								
1	~~KBG2S-06*100~~	Ø6*100	17.000	23.000	10C/V	1000C/T		*1 hộp 10 vỉ*
2	KBG2S-08*100	Ø8*100	21.000	28.500	10C/V	1000C/T		
3	KBG2S-10*120	Ø10*120	25.500	36.000	5C/V	1000C/T		
4	KBG2S-12*120	Ø12*120	32.000	44.000	5C/V	1000C/T		
MŨI KHOAN ĐA NĂNG LỤC GIÁC 2 CẠNH								
1	KBH2-06*100	Ø6*100	16.000	23.500	10C/V	1000C/T		*1 hộp 10 vỉ*
2	KBH2-08*100	Ø8*100	21.000	29.000	10C/V	1000C/T		
3	KBH2-10*120	Ø10*120	25.500	36.000	10C/V	1000C/T		
4	KBH2-12*120	Ø12*120	31.000	43.000	5C/V	1000C/T		
5	KBH2E-03*120	Ø3*120	25.500	37.000	1C/V 100C/H	500C/T		
6	KBH2E-3.2*120	Ø3.2*120	25.500	37.000	1C/V 100C/H	500C/T		
7	KBH2E-04*150	Ø4*150	25.500	37.000	1C/V 100C/H	500C/T		
8	KBH2E-06*150	Ø6*150	28.500	40.000	1C/V 100C/H	500C/T		*Sử dụng tốt trên nhiều vật liệu như: nhựa, gỗ, bê tông, tường,…*
9	KBH2E-08*150	Ø8*150	37.000	52.000	1C/V 100C/H	500C/T		
10	KBH2E-10*150	Ø10*150	44.000	62.000	1C/V 25C/H	300C/T		
11	KBH2E-12*150	Ø12*150	57.000	80.000	1C/V 25C/H	300C/T		
12	KBH2F-03*95	Ø3*95	24.000	35.000	1C/V 100C/H	600C/T		*Chất liệu: hợp kim cao cấp* *Sử dụng tốt trên nhiều vật liệu như: sắt, nhựa, gỗ, gạch men, bê tông, tường,…*
13	KBH2F-04*95	Ø4*95	24.000	35.000	1C/V 100C/H	600C/T		
14	KBH2F-05*95	Ø5*95	24.000	35.000	1C/V 100C/H	600C/T		
15	KBH2F-06*95	Ø6*95	24.000	35.000	1C/V 100C/H	500C/T		
16	KBH2F-08*95	Ø8*95	30.000	43.000	1C/V 100C/H	500C/T		
17	KBH2F-10*95	Ø10*95	38.000	53.000	1C/V 50C/H	500C/T		
18	KBH2F-12*95	Ø12*95	48.000	68.000	1C/V 50C/H	500C/T		

STT	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUÔI GÀI 2 CẠNH								
1	**KBL2S-06*160**	Ø6*160	**23.000**	32.000	10C/H	300C/T		
2	**KBL2S-08*160**	Ø8*160	**26.500**	37.000	10C/H	300C/T		
3	**KBL2S-10*160**	Ø10*160	**32.000**	44.000	10C/H	200C/T		
4	**KBL2S-12*160**	Ø12*160	**37.000**	52.000	10C/H	200C/T		
MŨI KHOAN ĐA NĂNG LỤC GIÁC 4 CẠNH								
1	**KBH4S-3*92**	Ø03*92	**22.500**	32.000	10C/V 100C/H	500C/T		
2	**KBH4S-06*100**	Ø06*100	**22.500**	32.000	1C/V 100C/H	500C/T		
3	**KBH4S-08*117**	Ø08*117	**29.000**	41.000	1C/V 100C/H	500C/T		
4	**KBH4S-10*123**	Ø10*122	**36.000**	51.000	1C/V 100C/H	500C/T		
5	**KBH4S-12*123**	Ø12*123	**44.000**	62.000	1C/V 50C/H	500C/T		
BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG LỤC GIÁC 4 CẠNH								
1	**KBH4-05**	Ø6,Ø6,Ø8, Ø10,Ø12	**146.000**	191.000	7C/H	126C/T		
BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG								
1	**KLJ015**	Chuôi:1/4"shank 15 chi tiết gồm: 2 đầu lục giác 65 mm: L4, L5 1 đầu dẹp 65 mm: SL6 1 đầu bake 65 mm: PH2 (phủ kim cương) 2 đầu sao 65 mm: T20, T50 3 đầu siết tôn: 48 mm (7 mm), 65 mm (8 mm, 10 mm) 1 đầu chuyển 1/4" sang 1/2" 5 mũi khoan không tacke: 3.2 ×2 / 4.2 / 6.0 / 8.0 mm	**310.000**	350.000	10b/H nhỏ	40B/T		*Dành cho lĩnh vực điện lạnh* *Chất liệu: Thép S2 cao cấp*
2	**KHF015**	Chuôi:1/4"shank 15 chi tiết gồm: 5 đầu lục giác 65 mm: 3 / 4 / 5 / 6 / 8 mm 1 đầu vít dẹp 65 mm: SL6 2 đầu vít bake 65 mm: PH1, PH2 (phủ kim cương) 2 đầu siết tôn 65 mm: 8 mm, 10 mm 5 mũi khoan lệch tâm: 3 / 4 / 6 / 8 / 10 mm	**290.000**	320.000	10b/H nhỏ	40B/T		*Dành cho thợ điện nước , dân dụng* *Chất liệu: Thép S2 cao cấp*

STT	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOAN TƯỜNG KHÔNG TẮC KÊ								
1	**KBLJ-03*100**	03*100	**27.000**	35.000	10C/H	500C/T		
2	**KBLJ-03.2*100**	3.2*100	**27.000**	35.000	10C/H	500C/T		
3	**KBLJ-03.5*100**	3.5*100	**27.000**	35.000	10C/H	500C/T		
4	**KBLJ-04*100**	04*100	**27.000**	35.000	10C/H	500C/T		
5	**KBLJ-04.2*100**	4.2*100	**27.000**	35.000	10C/H	500C/T		
6	**KBLJ-04.5*100**	4.5*100	**27.000**	35.000	10C/H	500C/T		
7	**KBLJ-05*100**	05*100	**27.000**	35.000	10C/H	500C/T		
8	**KBLJ-05.5*100**	5.5*100	**27.000**	35.000	10c/H nhỏ 100c/H lớn	500c/T nhỏ 600c/T lớn		
9	**KBLJ-06*125**	06*125	**33.000**	43.000	10C/H	500C/T		
10	**KBLJ-06.5*125**	6.5*125	**36.000**	46.000	10C/H	500C/T		
11	**KBLJ-07*125**	07*125	**39.000**	52.000	10C/H	500C/T		
12	**KBLJ-08*125**	08*125	**42.000**	53.000	10c/H nhỏ 100c/H lớn	500c/T nhỏ 600c/T lớn		
13	**KBLJ-10*148**	10*148	**49.000**	63.000	10C/H	250C/T		
VÍT BÊ TÔNG KHÔNG DÙNG TẮC KÊ								
1	**KFJ-432**	Ø4*32	**74.000**	86.000	150C/H	18H/T		**Đơn giá bán theo ĐVT: hộp*
2	**KFJ-438**	Ø4*38	**74.000**	86.000	125CH	18H/T		
3	**KFJ-445**	Ø4*45	**74.000**	86.000	100C/H	18H/T		
4	**KFJ-535**	Ø5*35	**74.000**	86.000	70C/H	18H/T		
5	**KFJ-545**	Ø5*45	**74.000**	86.000	60C/H	18H/T		
MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUÔI GÀI 4 CẠNH								
1	**KBL4S-06*160**	Ø06*160	**25.500**	36.000	10C/H	300C/T		
2	**KBL4S-08*160**	Ø08*160	**29.500**	40.000	10C/H	300C/T		
3	**KBL4S-10*160**	Ø10*160	**36.000**	49.000	10C/H	200C/T		
4	**KBL4S-12*160**	Ø12*160	**42.000**	59.000	10C/H	200C/T		
MŨI KHOAN GỖ CHUÔI LỤC GIÁC								
1	**KBX1-06*200**	Ø06*200	**30.000**	44.000	10C/H	250C/T		
2	**KBX1-08*200**	Ø08*200	**37.000**	52.000	10C/H	250C/T		
3	**KBX1-10*200**	Ø10*200	**41.000**	57.000	10C/H	250C/T		
4	**KBX1-12*200**	Ø12*200	**48.000**	68.000	10C/H	250C/T		

STT	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOAN THÉP/ INOX (M2)								
1	**KBY1-010**	Ø1.0	**4.000**	5.800	20C/H	200C/HG		
2	**KBY1-015**	Ø1.5	**4.600**	6.900	20C/H	200C/HG		
3	**KBY1-020**	Ø2.0	**5.200**	6.900	20C/H	200C/HG		
4	**KBY1-025**	Ø2.5	**5.800**	8.100	20C/H	200C/HG		
5	**KBY1-030**	Ø3.0	**6.900**	9.200	20C/H	200C/HG		
6	**KBY1-032**	Ø3.2	**8.100**	10.500	20C/H	200C/HG		
7	**KBY1-035**	Ø3.5	**9.200**	13.000	20C/H	200C/HG		
8	**KBY1-040**	Ø4.0	**10.500**	14.000	20C/H	200C/HG		
9	**KBY1-042**	Ø4.2	**11.500**	16.000	20C/H	200C/HG		
10	**KBY1-045**	Ø4.5	**12.500**	17.500	20C/H	200C/HG		
11	**KBY1-050**	Ø5.0	**15.000**	22.000	20C/H	200C/HG		
12	**KBY1-052**	Ø5.2	**17.000**	23.000	10C/H	100C/HG		
13	**KBY1-055**	Ø5.5	**18.000**	25.500	10C/H	100C/HG		
14	**KBY1-060**	Ø6.0	**22.500**	32.000	10C/H	100C/HG		
15	**KBY1-065**	Ø6.5	**24.000**	35.000	10C/H	100C/HG		
16	**KBY1-070**	Ø7.0	**28.500**	40.500	10C/H	100C/HG		
17	**KBY1-075**	Ø7.5	**32.000**	45.000	10C/H	100C/HG		
18	**KBY1-080**	Ø8.0	**42.000**	59.000	10C/H	100C/HG		
19	**KBY1-085**	Ø8.5	**44.000**	62.000	10C/H	100C/HG		
20	**KBY1-090**	Ø9.0	**51.000**	71.000	5C/H	50C/HG		
21	**KBY1-095**	Ø9.5	**56.000**	78.000	5C/H	50C/HG		
22	**KBY1-100**	Ø10.0	**61.000**	85.000	5C/H	50C/HG		
23	**KBY1-105**	Ø10.5	**68.000**	97.000	5C/H	50C/HG		
24	**KBY1-110**	Ø11.0	**77.000**	107.000	5C/H	50C/HG		
25	**KBY1-115**	Ø11.5	**85.000**	120.000	5C/H	50C/HG		
26	**KBY1-120**	Ø12.0	**94.000**	132.000	5C/H	50C/HG		
27	**KBY1-125**	Ø12.5	**100.000**	140.000	5C/H	50C/HG		
28	**KBY1-130**	Ø13.0	**109.000**	153.000	5C/H	50C/HG		
29	**KBY1-140**	Ø14.0	**164.000**	230.000	1C/H	10C/HG		
30	**KBY1-160**	Ø16.0	**236.000**	330.000	1C/H	10C/HG		
31	**KBY1-B10**	Ø1.0-Ø10.0	**244.000**	293.000	10B/H	60B/T		
32	**KBY1-B13**	Ø1.5-Ø6.5	**199.000**	238.000	10B/H	100B/T		

STT	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOAN INOX -5% COBALT (M35)								
1	KBY2-010CO	Ø1.0	5.800	8.100	20C/H	200C/HG		
2	KBY2-015CO	Ø1.5	6.900	9.200	20C/H	200C/HG		
3	KBY2-020CO	Ø2.0	7.500	10.500	20C/H	200C/HG		
4	KBY2-025CO	Ø2.5	8.600	12.500	20C/H	200C/HG		
5	KBY2-030CO	Ø3.0	9.800	14.000	20C/H	200C/HG		
6	KBY2-032CO	Ø3.2	10.900	15.000	20C/H	200C/HG		
7	KBY2-035CO	Ø3.5	12.500	18.500	20C/H	200C/HG		
8	KBY2-040CO	Ø4.0	15.000	22.000	20C/H	200C/HG		
9	KBY2-042CO	Ø4.2	17.500	24.500	20C/H	200C/HG		
10	KBY2-045CO	Ø4.5	19.000	26.500	20C/H	200C/HG		
11	KBY2-050CO	Ø5.0	23.000	32.000	20C/H	200C/HG		
12	KBY2-052CO	Ø5.2	26.000	37.000	10C/H	100C/HG		
13	KBY2-055CO	Ø5.5	27.500	38.000	10C/H	100C/HG		
14	KBY2-060CO	Ø6.0	30.000	41.000	10C/H	100C/HG		
15	KBY2-065CO	Ø6.5	34.000	48.000	10C/H	100C/HG		
16	KBY2-070CO	Ø7.0	41.000	57.000	10C/H	100C/HG		
17	KBY2-075CO	Ø7.5	44.000	62.000	10C/H	100C/HG		
18	KBY2-080CO	Ø8.0	48.000	68.000	10C/H	100C/HG		
19	KBY2-085CO	Ø8.5	56.000	78.000	10C/H	100C/HG		
20	KBY2-090CO	Ø9.0	63.000	89.000	5C/H	50C/HG		
21	KBY2-095CO	Ø9.5	70.000	98.000	5C/H	50C/HG		
22	KBY2-100CO	Ø10.0	84.000	117.000	5C/H	50C/HG		
23	KBY2-105CO	Ø10.5	97.000	135.000	5C/H	50C/HG		
24	KBY2-110CO	Ø11.0	109.000	153.000	5C/H	50C/HG		
25	KBY2-120CO	Ø12.0	135.000	187.000	5C/H	50C/HG		
26	KBY2-125CO	Ø12.5	150.000	209.000	5C/H	50C/HG		
27	KBY2-130CO	Ø13.0	158.000	222.000	5C/H	50C/HG		
28	KBY2-140CO	Ø14.0	221.000	311.000	1C/H	20C/HG		
29	KBY2-B10	Ø1.0-Ø10.0	329.000	394.000	10B/H	60B/T		

STT	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOAN INOX CHUÔI LỤC GIÁC -5% COBALT (M35)								
1	**KBY3-020CO**	Ø2.0	**25.500**	36.000	2C/V	50C/H		*Giá được tính theo vỉ*
2	**KBY3-025CO**	Ø2.5	**25.500**	36.000	2C/V	50C/H		
3	**KBY3-030CO**	Ø3.0	**28.500**	40.000	2C/V	50C/H		
4	**KBY3-032CO**	Ø3.2	**32.000**	45.000	2C/V	50C/H		
5	**KBY3-035CO**	Ø3.5	**33.000**	45.000	2C/V	50C/H		
6	**KBY3-040CO**	Ø4.0	**36.000**	49.000	2C/V	50C/H		
7	**KBY3-042CO**	Ø4.2	**41.000**	57.000	2C/V	50C/H		
8	**KBY3-045CO**	Ø4.5	**42.000**	59.000	2C/V	50C/H		
9	**KBY3-050CO**	Ø5.0	**48.000**	68.000	2C/V	50C/H		
10	**KBY3-055CO**	Ø5.5	**53.000**	75.000	2C/V	50C/H		
11	**KBY3-060CO**	Ø6.0	**59.000**	82.000	2C/V	50C/H		
12	**KBY3-065CO**	Ø6.5	**38.000**	53.000	1C/V	25C/H		
13	**KBY3-070CO**	Ø7.0	**41.000**	57.000	1C/V	25C/H		
14	**KBY3-080CO**	Ø8.0	**53.000**	75.000	1C/V	25C/H		
15	**KBY3-090CO**	Ø9.0	**66.000**	93.000	1C/V	25C/H		
16	**KBY3-100CO**	Ø10	**82.000**	115.000	1C/V	25C/H		
MŨI KHOAN THÁP CHUÔI LỤC GIÁC M2								
1	**KBT-04*12**	04*12mm	**84.000**	106.000	1C/H	20C/H		*Thép M2*
2	**KBT-04*20**	04*20mm	**162.000**	202.000	1C/H	10C/H		*Thép M2*
3	**KBT-04*32**	04*32mm	**304.000**	379.000	1C/H	5C/H		*Thép M2*
MŨI KHOAN TARO KBR								
1	**KBR-M3*0.5**	M3*0.5mm	**53.000**	75.000	10C/V			*Thép M2*
2	**KBR-M4*0.7**	M4*0.7mm	**53.000**	75.000	10C/V			
3	**KBR-M5*0.8**	M5*0.8mm	**53.000**	75.000	10C/V			
4	**KBR-M6*1.0**	M6*1.0mm	**53.000**	75.000	10C/V			
5	**KBR-M8*1.25**	M8*1.25mm	**68.000**	95.000	10C/V			
6	**KBR-M10*1.5**	M10*1.5mm	**81.000**	113.000	5C/V			

KING BLUE®
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

MŨI KHOAN BÊ TÔNG 2 CẠNH/ 4 CẠNH/MŨI ĐỤC/RÚT LÕI BÊ TÔNG

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI LỤC GIÁC									
1	Mũi khoan bê tông chuôi lục giác	KBM2-06*160	Ø6	21.000	29.000	10C/H	300C/T		
2		KBM2-08*160	Ø8	23.000	32.000	10C/H	300C/T		
3		KBM2-10*160	Ø10	26.500	37.000	10C/H	200C/T		
4		KBM2-12*160	Ø12	30.000	43.000	10C/H	200C/T		
MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI 4 CẠNH									
1	Mũi khoan bê tông 4 cạnh	KBL4-06*160	Ø6*160	22.000	31.000	10C/H	300C/T		*Đuôi gài 4 cạnh*
2		KBL4-08*160	Ø8*160	24.500	35.000	10C/H	300C/T		
3		KBL4-10*160	Ø10*160	27.500	39.000	10C/H	200C/T		
4		KBL4-12*160	Ø12*160	30.000	43.000	10C/H	200C/T		
5		KBL4-14*160	Ø14*160	46.000	64.000	10C/H	200C/T		
6		KBL4-16*160	Ø16*160	54.000	76.000	10C/H	200C/T		
MŨI KHOAN XUYÊN TƯỜNG 4 CẠNH									
1	Mũi khoan xuyên tường 4 cạnh	KBL4-10*350	Ø10*350	54.000	76.000	10C/H	100C/T		
2		KBL4-12*350	Ø12*350	59.000	82.000	10C/H	100C/T		
3		KBL4-14*350	Ø14*350	70.000	98.000	10C/H	100C/T		
4		KBL4-16*350	Ø16*350	84.000	117.000	10C/H	100C/T		
5		KBL4-18*350	Ø18*350	97.000	135.000	10C/H	50C/T		
6		KBL4-20*350	Ø20*350	122.000	170.000	10C/H	50C/T		
7		KBL4-22*350	Ø22*350	152.000	213.000	10C/H	50C/T		
8		KBL4-25*350	Ø25*350	190.000	266.000	10C/H	50C/T		
MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI 2 CẠNH									
1	Mũi khoan bê tông không tắc kê	KBL2-3.2*90	Ø3.2*90	21.000	33.000	10C/H	300C/T		
2		KBL2-3.5*110	Ø3.5*110	21.000	33.000	10C/H	300C/T		
3		KBL2-4.2*110	Ø4.2*110	21.000	33.000	10C/H	300C/T		
5	Mũi khoan bê tông gài 2 cạnh	KBL2-06*110	Ø6	18.000	24.000	10C/H	300C/T		
6		KBL2-08*110	Ø8	20.000	27.500	10C/H	300C/T		
7		KBL2-06*160	Ø6	19.500	27.500	10C/H	300C/T		
8		KBL2-08*160	Ø8	21.000	29.000	10C/H	300C/T		
9		KBL2-10*160	Ø10	23.000	32.000	10C/H	200C/T		
10		KBL2-12*160	Ø12	25.500	36.000	10C/H	200C/T		
11		KBL2-14*160	Ø14	32.000	45.000	10C/H	200C/T		
12		KBL2-16*160	Ø16	38.000	53.000	10C/H	200C/T		
13		KBL2-18*160	Ø18	53.000	75.000	10C/H	100C/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
14	Mũi khoan bê tông gài 2 cạnh	KBL2-06*210	Ø06	23.000	32.000	10C/H	250C/T		
15		KBL2-08*210	Ø08	25.500	36.000	10C/H	250C/T		
16		KBL2-10*210	Ø10	27.500	39.000	10C/H	250C/T		
17		KBL2-12*210	Ø12	30.000	43.000	10C/H	200C/T		
18		KBL2-14*210	Ø14	38.000	53.000	10C/H	200C/T		
19		KBL2-16*210	Ø16	46.000	64.000	10C/H			
20		KBL2-18*210	Ø18	61.000	85.000	10C/H	100C/T		
21		KBL2-20*210	Ø20	71.000	99.000	10C/H	50C/T		
22		KBL2-08*260	Ø08	30.000	43.000	10C/H	250C/T		
23		KBL2-10*260	Ø10	33.000	46.000	10C/H	250C/T		
24		KBL2-12*260	Ø12	37.000	52.000	10C/H	200C/T		
25		KBL2-14*260	Ø14	41.000	57.000	10C/H	150C/T		
26		KBL2-16*260	Ø16	54.000	76.000	10C/H	100C/T		
27	Mũi khoan bê tông gài 2 cạnh	KBL2-18*260	Ø18	66.000	92.000	10C/H	100C/T		
28		KBL2-20*260	Ø20	83.000	116.000	10C/H			
29		KBL2-22*260	Ø22	99.000	138.000	10C/H			
30		KBL2-25*260	Ø25	121.000	169.000	10C/H			
31		KBL2-08*310	Ø8	36.000	49.000	10C/H	200C/T		
32		KBL2-10*310	Ø10	40.000	56.000	10C/H	200C/T		
33		KBL2-12*310	Ø12	41.000	57.000	10C/H			
34		KBL2-14*310	Ø14	48.000	68.000	10C/H			
35		KBL2-16*310	Ø16	61.000	85.000	10C/H	100C/T		
36		KBL2-18*310	Ø18	76.000	106.000	10C/H	50C/T		
37		KBL2-20*310	Ø20	89.000	124.000	10C/H	50C/T		
38		KBL2-22*310	Ø22	109.000	153.000	10C/H	50C/T		
39		KBL2-25*310	Ø25	139.000	194.000	10C/H	50C/T		
MŨI KHOAN BÊ TÔNG GÀI 2 CẠNH (CHUYÊN KHOAN ĐÁ)									
1	Mũi khoan BT chuyên khoan đá	KBL2-14*160 (NEW)	Ø14	32.000	45.000	10C/H	200C/T		*khoan bê tông*
2		KBL2-16*160 (NEW)	Ø16	38.000	53.000	10C/H	200C/T		*khoan bê tông*
MŨI KHOAN ĐÁ CHUÔI LỤC GIÁC									
1	Mũi khoan đá chuôi lục giác	KBS-12*280	Ø12	55.000	78.000	10C/H	50C/T		
2		KBS-14*280	Ø14	74.000	102.000	10C/H	50C/T		
3		KBS-16*280	Ø16	81.000	113.000	10C/H	50C/T		
4		KBS-18*280	Ø18	86.000	121.000	10C/H	50C/T		
5		KBS-20*280	Ø20	89.000	124.000	10C/H	50C/T		
6		KBS-22*280	Ø22	101.000	141.000	10C/H	50C/T		
7		KBS-25*280	Ø25	124.000	174.000	10C/H	50C/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI ĐỤC BÊ TÔNG									
1	**Mũi đục bê tông**	KBVn-14*250	Ø14	**45.000**	63.000	10C/H			*Nhọn - Chuôi gài*
2		KBVd-14*250*22	Ø14	**45.000**	63.000	10C/H			*Dẹp - Chuôi gài*
3		KBVn-17*280	Ø17	**59.000**	82.000	10C/H			*Nhọn - Chuôi tròn*
4		KBVd-17*280*25	Ø17	**59.000**	82.000	10C/H			*Dẹp - Chuôi tròn*
5		KBVn-30*420	Ø30	**236.000**	307.000	5C/ H			*Nhọn - Chuôi tròn*
6		KBVd-30*420*37	Ø30	**236.000**	307.000	5C/ H			*Dẹp - Chuôi tròn*
KHOAN RÚT LÕI BÊ TÔNG									
1	**Khoan rút lõi bê tông**	KRL-96*350	Ø96*350	**527.000**	685.000	1C/H	10C/T		*Khoan nước*
2		KRL-102*350	Ø102*350	**583.000**	758.000	1C/H	10C/T		*Khoan nước*
3		KRL-114*350	Ø114*350	**629.000**	818.000	1C/H	10C/T		*Khoan nước*
4		KRL-120*350	Ø120*350	**666.000**	866.000	1C/H	10C/T		*Khoan nước*
5		KRL-127*350	Ø127*350	**693.000**	901.000	1C/H	10C/T		*Khoan nước*
6		KRL-132*350	Ø132*350	**718.000**	934.000	1C/H	10C/T		*Khoan nước*
7		KRL-140*350	Ø140*350	**783.000**	1.018.000	1C/H	5C/T		*Khoan nước*
8		KRL-152*350	Ø152*350	**834.000**	1.085.000	1C/H	5C/T		*Khoan nước*
9		KRL-159*350	Ø159*350	**859.000**	1.117.000	1C/H	6C/T		*Khoan nước*
10		KRL-168*350	Ø168*350	**1.052.000**	1.367.000	1C/H	6C/T		*Khoan nước*
11		KRL-180*350	Ø180*350	**1.180.000**	1.535.000	1C/H	5C/T		*Khoan nước*
12		KRL-200*350	Ø200*350	**1.346.000**	1.750.000	1C/H	4C/T		*Khoan nước*
13		KRL-254*350	Ø254*350	**2.373.000**	3.084.000	1C/H	2C/T		*Khoan nước*
14		KRL-300*350	Ø300*350	**2.758.000**	3.585.000	1C/H	1C/T		*Khoan nước*
15		KRL-22*370	Ø22*370	**161.000**	209.000	1C/H	50C/T		*Khoan nước*
16		KRL-25*370	Ø25*370	**179.000**	232.000	1C/H	40C/T		*Khoan nước*
17		KRL-27*370	Ø27*370	**186.000**	241.000	1C/H	40C/T		*Khoan nước*
18		KRL-32*370	Ø32*370	**206.000**	267.000	1C/H	40C/T		*Khoan nước*
19		KRL-36*370	Ø36*370	**231.000**	300.000	1C/H	40C/T		*Khoan nước*
20		KRL-40*370	Ø40*370	**251.000**	326.000	1C/H	40C/T		*Khoan nước*
21		KRL-44*370	Ø44*370	**270.000**	351.000	1C/H	30C/T		*Khoan nước*
22		KRL-51*370	Ø51*370	**282.000**	366.000	1C/H	30C/T		*Khoan nước*
23		KRL-56*370	Ø56*370	**295.000**	383.000	1C/H	30C/T		*Khoan nước*
24		KRL-63*370	Ø63*370	**307.000**	398.000	1C/H	28C/T		*Khoan nước*
25		KRL-76*370	Ø76*370	**391.000**	508.000	1C/H	18C/T		*Khoan nước*
26		KRL-83*370	Ø83*370	**436.000**	567.000	1C/H	15C/T		*Khoan nước*
27		KRL-89*370	Ø89*370	**474.000**	617.000	1C/H	10C/T		*Khoan nước*
28	**Khoan rút lõi bê tông**	KRLK-27*370	Ø27*370	**145.000**	189.000	1C/H	50C/T		*Khoan nước + Khô*
29		KRLK-32*370	Ø32*370	**154.000**	200.000	1C/H	50C/T		*Khoan nước + Khô*
30		KRLK-36*370	Ø36*370	**173.000**	224.000	1C/H	40C/T		*Khoan nước + Khô*
31		KRLK-40*370	Ø40*370	**193.000**	251.000	1C/H	40C/T		*Khoan nước + Khô*
32		KRLK-44*370	Ø44*370	**212.000**	276.000	1C/H	30C/T		*Khoan nước + Khô*
33		KRLK-51*370	Ø51*370	**231.000**	300.000	1C/H	30C/T		*Khoan nước + Khô*
34		KRLK-56*370	Ø56*370	**244.000**	318.000	1C/H	30C/T		*Khoan nước + Khô*
35		KRLK-63*370	Ø63*370	**282.000**	366.000	1C/H	28C/T		*Khoan nước + Khô*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
36	**Khoan rút lõi bê tông khô**	KRLK-63*250	Ø63*250	**303.000**	394.000	1C/H	48C/T		*Khoan rút lõi Khô*
37	**Mũi khoan rút lõi khô KRS**	KRS-27*155	Ø27*155	**590.000**	590.000	1C/H		*Kèm chuôi dài mặc định*	*Mũi khoan KRS: chân lục giác và đầu chuyển SDS* *Me kim cương khoan ngọt, siêu bền* *Lưu ý: Không khoan ở chế độ có búa* *Chỉ khoan khô để đảm bảo độ bền của kim cương* *Không ngoái hay bẻ mũi khi khoan* *Không làm rơi mũi khoan từ trên cao* ***Giảm 15%***
38		KRS-32*155	Ø32*155	**690.000**	690.000	1C/H			
39		KRS-36*155	Ø36*155	**790.000**	790.000	1C/H			
40		KRS-40*155	Ø40*155	**890.000**	890.000	1C/H			
41		KRS-50*155	Ø50*155	**1.190.000**	1.190.000	1C/H			
42		KRS-55*155	Ø55*155	**1.390.000**	1.390.000	1C/H			
43		KRS-60*155	Ø60*155	**1.490.000**	1.490.000	1C/H			
44	**Mũi khoan rút lõi KRS-55 New**	KRS-55*155 (New)	Ø55*155	**1.190.000**	1.290.000	1C/H	20C/T	*Kèm chuôi dài mặc định*	*Mũi khoan rút lõi KRS-New gồm mũi khoan rút lõi + chuôi mũi rút lõi (loại đầu kẹp, dài 150cm) + định tâm* *Kích thước: Ø55*155 (tổng chiều dài 300mm) / Ø60*155 (tổng chiều dài 300mm)* *Mũi khoan được hàn nhiều lớp, bền chắc, me kim cương khoan ngọt, siêu bền, hạn chế rụng me ở mức tối đa.* *Lưu ý: Không khoan ở chế độ có búa* *Chỉ khoan khô để đảm bảo độ bền của kim cương* *Không ngoái hay bẻ mũi khi khoan* *Không làm rơi mũi khoan từ trên cao* ***Mua 1C mũi khoan rút lõi New*** ***Tặng 1C dao KJH-05+1V vít V50S***
45	**Mũi khoan rút lõi KRS-60 New**	KRS-60*155 (New)	Ø60*155	**1.290.000**	1.390.000	1C/H	20C/T		
46	**Mũi khoan rút lõi KRS-63 New**	KRS-63*155	Ø63*155	**1.350.000**	1.450.000	1C/H	20c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
CHUÔI KHOAN RÚT LÕI									
1	**Chuôi khoan rút lõi gài SDST-M22**	SDST-M22		**24.000**	34.000	1C/H	200C/T		*Đầu gài*
2	**Chuôi khoan rút lõi lục giác SDSV**	SDSV		**24.000**	34.000	1C/H	200C/T		*Đầu vuông*
3	**Chuôi khoan rút lõi lục giác LGST**	LGST		**24.000**	34.000	1C/H	200C/T		*Đầu lục giác*
4	**Chuôi khoan rút lõi lục giác DLG-M22**	DLG-M22		**24.000**	34.000	1C/H	200C/T		*Đầu lục giác*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

MŨI KHOÉT HỢP KIM BLUE BIRD - KINGBLUE MŨI KHOÉT GỖ

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOÉT GỖ									
1	MŨI KHOÉT GỖ	KBX-25	Ø25*78.5	34.000	47.000	20c/H			*giảm 40%*
2		KBX-28	Ø28*78.5	38.000	54.000	20c/H			
3		KBX-30	Ø30*78.5	40.000	57.000	15c/H			
4		KBX-45	Ø45*80	60.000	85.000	6c/H			
5		KBX-55	Ø55*80	74.000	105.000	6c/H			
MŨI KHOÉT GỖ (NEW)									
1	MŨI KHOÉT GỖ NEW	KBX-20 NEW	Ø20*78.5	22.000	31.000	10c/H			*giảm 40%*
2		KBX-22 NEW	Ø22*78.5	23.500	33.000	10c/H			
3		KBX-25 NEW	Ø25*78.5	27.000	38.000	10c/H			
4		KBX-28 NEW	Ø28*78.5	30.000	43.000	10c/H			
5		KBX-30 NEW	Ø30*78.5	32.000	45.000	10c/H			
6		KBX-45 NEW	Ø45*80	48.000	68.000	10c/H			
7		KBX-55 NEW	Ø55*80	59.000	83.000	5c/H			
8		KBX-60 NEW	Ø60*80	64.000	90.000	5c/H			
9	MŨI KHOÉT GỖ KBX-2	KBX2-15	Ø15*90	33.000	46.000	10c/H	240c/T		*Cán thép A3 , Hợp kim YG8*
10		KBX2-16	Ø16*90	33.000	46.000	10c/H	240c/T		
11		KBX2-18	Ø18*90	33.000	46.000	10c/H	240c/T		
12		KBX2-19	Ø19*90	36.000	49.000	10c/H	240c/T		
13		KBX2-20	Ø20*90	37.000	52.000	10c/H	240c/T		
14		KBX2-21	Ø21*90	38.000	53.000	10c/H	240c/T		
15		KBX2-24	Ø24*90	45.000	63.000	10c/H	160c/T		
16		KBX2-25	Ø25*90	46.000	64.000	10c/H	160c/T		
17		KBX2-27	Ø27*90	51.000	71.000	10c/H	160c/T		
18		KBX2-30	Ø30*90	57.000	81.000	10c/H	160c/T		
19		KBX2-32	Ø32*90	61.000	85.000	10c/H	120c/T		
20		KBX2-35	Ø35*90	66.000	92.000	10c/H	120c/T		
21		KBX2-40	Ø40*90	74.000	102.000	10c/H	80c/T		
22		KBX2-42	Ø42*90	78.000	109.000	10c/H	80c/T		
23		KBX2-50	Ø50*90	91.000	128.000	6c/H	60c/T		
24		KBX2-60	Ø60*90	106.000	148.000	6c/H	60c/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC	HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOÉT HỢP KIM KINGBLUE - R1								
1	Mũi khoét hợp kim King Blue	TCT-R1-16/25	Ø16	51.000	71.000	10c/H		
2		TCT-R1-17/25	Ø17	54.000	76.000	10c/H		
3		TCT-R1-18/25	Ø18	59.000	82.000	10c/H		
4		TCT-R1-19/25	Ø19	61.000	85.000	10c/H		
5		TCT-R1-20/25	Ø20	63.000	89.000	10c/H		
6		TCT-R1-21/25	Ø21	67.000	93.000	10c/H		
7		TCT-R1-22/25	Ø22	71.000	99.000	10c/H		
8		TCT-R1-23/25	Ø23	74.000	102.000	10c/H		
9		TCT-R1-24/25	Ø24	76.000	106.000	10c/H		
10		TCT-R1-25/25	Ø25	79.000	110.000	10c/H		
11		TCT-R1-26/25	Ø26	84.000	117.000	10c/H		
12		TCT-R1-27/25	Ø27	86.000	121.000	10c/H		
13		TCT-R1-28/25	Ø28	89.000	124.000	10c/H		
14		TCT-R1-30/25	Ø30	97.000	135.000	10c/H		
15		TCT-R1-32/25	Ø32	101.000	141.000	10c/H		
16		TCT-R1-34/25	Ø34	108.000	152.000	10c/H		
17		TCT-R1-35/25	Ø35	112.000	156.000	10c/H		
18		TCT-R1-36/25	Ø36	114.000	160.000	10c/H		
19		TCT-R1-38/25	Ø38	122.000	170.000	10c/H		
20		TCT-R1-40/25	Ø40	126.000	177.000	10c/H		
21		TCT-R1-42/25	Ø42	133.000	186.000	5c/H		
22		TCT-R1-45/25	Ø45	141.000	198.000	5c/H		
23		TCT-R1-50/25	Ø50	159.000	222.000	5c/H		
24		TCT-R1-55/25	Ø55	175.000	245.000	5c/H		
25		TCT-R1-60/25	Ø60	190.000	266.000	5c/H		
26		TCT-R1-65/25	Ø65	205.000	286.000	3c/H		
27		TCT-R1-70/25	Ø70	228.000	319.000	3c/H		
28		TCT-R1-75/25	Ø75	240.000	337.000	3c/H		
29		TCT-R1-90/25	Ø90	285.000	399.000	2c/H		
30		TCT-R1-95/25	Ø95	311.000	435.000	2c/H		
MŨI KHOÉT HỢP KIM KING BLUE (GERMANY)								
1	Mũi khoét hợp kim King Blue	TCT-R3-14/25	Ø14	273.000	300.000	1c/H		
2		TCT-R3-15/25	Ø15	273.000	300.000	1c/H		
3		TCT-R3-16/25	Ø16	275.100	302.000	1c/H		
4		TCT-R3-17/25	Ø17	275.100	302.000	1c/H		
5		TCT-R3-18/25	Ø18	275.100	302.000	1c/H		
6		TCT-R3-19/25	Ø19	275.100	302.000	1c/H		
7		TCT-R3-20/25	Ø20	275.100	302.000	1c/H		
8		TCT-R3-21/25	Ø21	336.000	370.000	1c/H		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC	HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
9		TCT-R3-22/25	Ø22	336.000	370.000	1c/H		
10		TCT-R3-23/25	Ø23	336.000	370.000	1c/H		
11		TCT-R3-24/25	Ø24	336.000	370.000	1c/H		
12		TCT-R3-25/25	Ø25	336.000	370.000	1c/H		
13		TCT-R3-26/25	Ø26	344.400	379.000	1c/H		
14		TCT-R3-27/25	Ø27	344.400	379.000	1c/H		
15		TCT-R3-28/25	Ø28	344.400	379.000	1c/H		
16		TCT-R3-29/25	Ø29	344.400	379.000	1c/H		
17		TCT-R3-30/25	Ø30	344.400	379.000	1c/H		
18		TCT-R3-31/25	Ø31	357.000	393.000	1c/H		
19		TCT-R3-32/25	Ø32	357.000	393.000	1c/H		
20		TCT-R3-33/25	Ø33	357.000	393.000	1c/H		
21		TCT-R3-34/25	Ø34	357.000	393.000	1c/H		
22		TCT-R3-35/25	Ø35	357.000	393.000	1c/H		
23		TCT-R3-36/25	Ø36	386.400	425.000	1c/H		
24		TCT-R3-37/25	Ø37	386.400	425.000	1c/H		
25		TCT-R3-38/25	Ø38	386.400	425.000	1c/H		
26		TCT-R3-39/25	Ø39	386.400	425.000	1c/H		
27	Mũi khoét hợp kim King Blue	TCT-R3-40/25	Ø40	386.400	425.000	1c/H		
28		TCT-R3-41/25	Ø41	435.800	480.000	1c/H		
29		TCT-R3-42/25	Ø42	435.800	480.000	1c/H		
30		TCT-R3-43/25	Ø43	435.800	480.000	1c/H		
31		TCT-R3-44/25	Ø44	435.800	480.000	1c/H		
32		TCT-R3-45/25	Ø45	435.800	480.000	1c/H		
33		TCT-R3-46/25	Ø46	465.200	511.000	1c/H		
34		TCT-R3-47/25	Ø47	465.200	511.000	1c/H		
35		TCT-R3-48/25	Ø48	465.200	511.000	1c/H		
36		TCT-R3-49/25	Ø49	465.200	511.000	1c/H		
37		TCT-R3-50/25	Ø50	465.200	511.000	1c/H		
38		TCT-R3-51/25	Ø51	629.000	692.000	1c/H		
39		TCT-R3-52/25	Ø52	634.200	697.000	1c/H		
40		TCT-R3-53/25	Ø53	634.200	697.000	1c/H		
41		TCT-R3-54/25	Ø54	656.300	722.000	1c/H		
42		TCT-R3-55/25	Ø55	656.300	722.000	1c/H		
43		TCT-R3-56/25	Ø56	697.200	767.000	1c/H		
44		TCT-R3-57/25	Ø57	718.200	790.000	1c/H		
45		TCT-R3-58/25	Ø58	723.500	796.000	1c/H		
46		TCT-R3-59/25	Ø59	729.800	803.000	1c/H		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC	HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
47	Mũi khoét hợp kim King Blue	TCT-R3-60/25	Ø60	743.400	818.000	1c/H		
48		TCT-R3-61/25	Ø61	779.100	857.000	1c/H		
49		TCT-R3-62/25	Ø62	785.400	864.000	1c/H		
50		TCT-R3-63/25	Ø63	785.400	864.000	1c/H		
51		TCT-R3-64/25	Ø64	834.800	919.000	1c/H		
52		TCT-R3-65/25	Ø65	868.400	956.000	1c/H		
53		TCT-R3-66/25	Ø66	868.400	956.000	1c/H		
54		TCT-R3-67/25	Ø67	868.400	956.000	1c/H		
55		TCT-R3-68/25	Ø68	873.600	961.000	1c/H		
56		TCT-R3-69/25	Ø69	895.700	985.000	1c/H		
57		TCT-R3-70/25	Ø70	915.600	1.007.000	1c/H		
58		TCT-R3-75/25	Ø75	1.024.800	1.128.000	1c/H		
59		TCT-R3-76/25	Ø76	1.024.800	1.128.000	1c/H		
60		TCT-R3-80/25	Ø80	1.165.500	1.282.000	1c/H		
61		TCT-R3-85/25	Ø85	1.168.700	1.285.000	1c/H		
62		TCT-R3-90/25	Ø90	1.285.200	1.413.000	1c/H		
63		TCT-R3-95/25	Ø95	1.613.900	1.776.000	1c/H		
64		TCT-R3-100/25	Ø100	1.769.300	1.947.000	1c/H		
65		TCT-R3-120/25	Ø120	2.393.000	2.632.000	1c/H		
MŨI KHOÉT KIM LOẠI KING BLUE R2								
1	Mũi khoét kim loại KingBlue R2	R2-16mm	Ø16	29.000	38.000	10c/H 200c/T		*Chất liệu: Thép gió HSS cao cấp, hạn chế tối đa sự mài mòn khi khoan ở tốc độ cao* *Khoan tốt các chất liệu: Tole, thép tấm, inox, nhựa* *Có kèm 1 lục giác*
2		R2-17mm	Ø17	32.000	43.000	10c/H 200c/T		
3		R2-18mm	Ø18	35.000	45.000	10c/H 200c/T		
4		R2-19mm	Ø19	37.000	48.000	10c/H 200c/T		
5		R2-20mm	Ø20	40.000	53.000	10c/H 200c/T		
6		R2-21mm	Ø21	41.000	54.000	10c/H 200c/T		
7		R2-22mm	Ø22	45.000	59.000	10c/H 200c/T		
8		R2-23mm	Ø23	47.000	61.000	10c/H 200c/T		
9		R2-25mm	Ø25	49.000	64.000	10c/H 200c/T		
10		R2-27mm	Ø27	53.000	69.000	10c/H 100c/T		
11		R2-32mm	Ø32	66.000	86.000	10c/H 100c/T		
12		R2-34mm	Ø34	68.000	87.000	10c/H 100c/T		
13		R2-40mm	Ø40	79.000	103.000	10c/H 100c/T		
14		R2-42mm	Ø42	84.000	109.000	10c/H 100c/T		
15		R2-50mm	Ø50	99.000	128.000	5c/H 50c/T		
16		R2-55mm	Ø55	109.000	143.000	5c/H 50c/T		
17		R2-60mm	Ø60	124.000	161.000	5c/H 50c/T		

KING BLUE®

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

MŨI KHOAN / KHOAN KÍNH

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOÉT KÍNH KING BLUE KBB									
1	Khoan kính King Blue KBB	KBB-006	Ø6	6.300	10.500	10c/H	280c/H		*Khoét kính, gạch men*
2		KBB-008	Ø8	7.900	12.600	10c/H	280c/H		*Khoét kính, gạch men*
3		KBB-010	Ø10	10.000	18.000	10c/H	280c/H		*Khoét kính, gạch men*
4		KBB-012	Ø12	12.000	19.000	10c/H	150c/H		*Khoét kính, gạch men*
5		KBB-014	Ø14	14.000	22.000	6c/H	168c/H		*Khoét kính, gạch men*
6		KBB-016	Ø16	16.000	26.000	6c/H	108c/H		*Khoét kính, gạch men*
7		KBB-018	Ø18	18.000	28.000	6c/H	90c/H		*Khoét kính, gạch men*
8		KBB-020	Ø20	20.000	33.000	6c/H	72c/H		*Khoét kính, gạch men*
9		KBB-021	Ø21	21.000	34.000	6c/H	72c/H		*Khoét kính, gạch men*
10		KBB-022	Ø22	22.000	35.000	6c/H	72c/H		*Khoét kính, gạch men*
11		KBB-025	Ø25	24.000	39.000	6c/H	36c/H		*Khoét kính, gạch men*
12		KBB-027	Ø27	26.000	42.000	6c/H	36c/H		*Khoét kính, gạch men*
13		KBB-030	Ø30	29.000	46.000	2c/H	30c/H		*Khoét kính, gạch men*
14		KBB-032	Ø32	32.000	50.000	2c/H	30c/H		*Khoét kính, gạch men*
15		KBB-034	Ø34	33.000	53.000	2c/H	30c/H		*Khoét kính, gạch men*
16		KBB-035	Ø35	34.000	54.000	2c/H	30c/H		*Khoét kính, gạch men*
17		KBB-040	Ø40	39.000	62.000	2c/H	24c/H		*Khoét kính, gạch men*
18		KBB-042	Ø42	41.000	66.000	2c/H	24c/H		*Khoét kính, gạch men*
19		KBB-045	Ø45	44.000	71.000	2c/H	12c/H		*Khoét kính, gạch men*
20		KBB-048	Ø48	46.000	75.000	2c/H	12c/H		*Khoét kính, gạch men*
21		KBB-049	Ø49	47.000	76.000	2c/H	12c/H		*Khoét kính, gạch men*
22		KBB-050	Ø50	48.000	77.000	2c/H	12c/H		*Khoét kính, gạch men*
23		KBB-055	Ø55	54.000	86.000	2c/H	12c/H		*Khoét kính, gạch men*
24		KBB-060	Ø60	58.000	92.000	2c/H	12c/H		*Khoét kính, gạch men*
25		KBB-065	Ø65	63.000	102.000	2c/H	12c/H		*Khoét kính, gạch men*
26		KBB-070	Ø70	85.000	137.000	2c/H	6c/H		*Khoét kính, gạch men*
27		KBB-075	Ø75	91.000	146.000	2c/H	4c/H		*Khoét kính, gạch men*
28		KBB-080	Ø80	97.000	155.000	2c/H	4c/H		*Khoét kính, gạch men*
29		KBB-090	Ø90	109.000	175.000	2c/H	4c/H		*Khoét kính, gạch men*
30		KBB-095	Ø95	116.000	185.000	2c/H	4c/H		*Khoét kính, gạch men*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOÉT ĐÁ KING BLUE KKB									
1	**Khoan kính King Blue KKB**	KKB-006	Ø6	**8.400**	13.700	10c/H	280c/H		*Khoét đá, gạch men*
2		KKB-008	Ø8	**10.500**	17.000	10c/H	280c/H		*Khoét đá, gạch men*
3		KKB-010	Ø10	**14.000**	22.000	10c/H	180c/H		*Khoét đá, gạch men*
4		KKB-012	Ø12	**16.000**	25.000	10c/H	150c/H		*Khoét đá, gạch men*
5		KKB-014	Ø14	**19.000**	30.000	5c/H	90c/H		*Khoét đá, gạch men*
6		KKB-016	Ø16	**21.000**	34.000	5c/H	75c/H		*Khoét đá, gạch men*
7		KKB-017	Ø17	**22.000**	36.000	5c/H	75c/H		*Khoét đá, gạch men*
8		KKB-018	Ø18	**24.000**	39.000	5c/H	75c/H		*Khoét đá, gạch men*
9		KKB-020	Ø20	**26.000**	43.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
10		KKB-021	Ø21	**27.000**	43.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
11		KKB-022	Ø22	**29.000**	47.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
12		KKB-024	Ø24	**32.000**	50.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
13		KKB-025	Ø25	**33.000**	53.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
14		KKB-026	Ø26	**35.000**	56.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
15		KKB-027	Ø27	**36.000**	57.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
16		KKB-028	Ø28	**37.000**	59.000	1c/H	28c/H		*Khoét đá, gạch men*
17		KKB-030	Ø30	**40.000**	64.000	1c/H	18c/H		*Khoét đá, gạch men*
18		KKB-032	Ø32	**42.000**	68.000	1c/H	15c/H		*Khoét đá, gạch men*
19		KKB-034	Ø34	**45.000**	72.000	1c/H	15c/H		*Khoét đá, gạch men*
20		KKB-035	Ø35	**46.000**	75.000	1c/H	15c/H		*Khoét đá, gạch men*
21		KKB-040	Ø40	**53.000**	84.000	1c/H	12c/H		*Khoét đá, gạch men*
22		KKB-042	Ø42	**56.000**	89.000	1c/H	12c/H		*Khoét đá, gạch men*
23		KKB-045	Ø45	**59.000**	95.000	1c/H	6c/H		*Khoét đá, gạch men*
24		KKB-049	Ø49	**64.000**	103.000	1c/H	6c/H		*Khoét đá, gạch men*
25		KKB-050	Ø50	**66.000**	107.000	1c/H	6c/H		*Khoét đá, gạch men*
26		KKB-055	Ø55	**72.000**	117.000	1c/H	6c/H		*Khoét đá, gạch men*
27		KKB-060	Ø60	**79.000**	127.000	1c/H	6c/H		*Khoét đá, gạch men*
28		KKB-065	Ø65	**86.000**	139.000	1c/H	6c/H		*Khoét đá, gạch men*
29		KKB-070	Ø70	**114.000**	183.000	1c/H	3c/H		*Khoét đá, gạch men*
30		KKB-075	Ø75	**123.000**	197.000	1c/H	2c/H		*Khoét đá, gạch men*
31		KKB-080	Ø80	**131.000**	210.000	1c/H	3c/H		*Khoét đá, gạch men*
32		KKB-090	Ø90	**148.000**	237.000	1c/H	2c/H	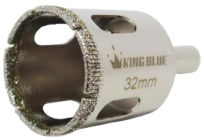	*Khoét đá, gạch men*
33		KKB-100	Ø100	**254.000**	407.000	1c/H	2c/H		*Khoét đá, gạch men*
34		KKB-110	Ø110	**279.000**	447.000	1c/H	4c/H		*Khoét đá, gạch men*
35		KKB-115	Ø115	**292.000**	468.000	1c/H	4c/H		*Khoét đá, gạch men*
36		KKB-120	Ø120	**305.000**	488.000	1c/H	3c/H		*Khoét đá, gạch men*
37		KKB-130	Ø130	**331.000**	531.000	1c/H	3c/H		*Khoét đá, gạch men*
38		KKB-140	Ø140	**356.000**	571.000	1c/H	2c/H		*Khoét đá, gạch men*
39		KKB-150	Ø150	**381.000**	611.000	1c/H	2c/H		*Khoét đá, gạch men*
40		KKB-160	Ø160	**406.000**	651.000	1c/H	2c/H		*Khoét đá, gạch men*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MŨI KHOÉT ĐÁ KING BLUE									
1	**Mũi khoan đá KBK**	KBK-06	Ø6	**21.000**	28.000	20c/H	500c/T		*Chất liệu: Thép hợp kim cao cấp, độ cứng cao, chống gỉ* *Chuyên dụng cho các loại máy khoan cầm tay* *Sử dụng khoan: đá, gạch men, tường …*
2		KBK-08	Ø8	**24.000**	31.000	20c/H	500c/T		
3		KBK-10	Ø10	**30.000**	39.000	20c/H	500c/T		
4		KBK-12	Ø12	**35.000**	46.000	10c/H	250c/T		
5		KBK-14	Ø14	**43.000**	56.000	10c/H	250c/T		
6		KBK-16	Ø16	**46.000**	59.000	10c/H	250c/T		
7		KBK-18	Ø18	**54.000**	70.000	10c/H	250c/T		
8		KBK-20	Ø20	**58.000**	76.000	10c/H	250c/T		
9		KBK-21	Ø21	**61.000**	79.000	10c/H	250c/T		
10		KBK-22	Ø22	**64.000**	84.000	10c/H	240c/T		
11		KBK-25	Ø25	**73.000**	95.000	10c/H	200c/T		
12		KBK-27	Ø27	**80.000**	105.000	10c/H	100c/T		
13		KBK-28	Ø28	**81.000**	107.000	10c/H	100c/T		
14		KBK-30	Ø30	**87.000**	112.000	10c/H	100c/T		
15		KBK-32	Ø32	**91.000**	119.000	10c/H	100c/T		
16		KBK-34	Ø34	**97.000**	127.000	10c/H	100c/T		
17		KBK-35	Ø35	**99.000**	129.000	10c/H	100c/T		
18		KBK-38	Ø38	**109.000**	142.000	10c/H	100c/T		
19		KBK-40	Ø40	**114.000**	150.000	10c/H	100c/T		
20		KBK-42	Ø42	**123.000**	161.000	5c/H	50c/T		
21		KBK-45	Ø45	**133.000**	173.000	5c/H	50c/T		
22		KBK-50	Ø50	**146.000**	189.000	5c/H	50c/T		
23		KBK-55	Ø55	**161.000**	209.000	5c/H	50c/T		
24		KBK-60	Ø60	**173.000**	224.000	5c/H	50c/T		
25		KBK-65	Ø65	**186.000**	242.000	1c/H	50c/T		
26		KBK-70	Ø70	**222.000**	288.000	1c/H	30c/T		
27		KBK-75	Ø75	**235.000**	307.000	1c/H	30c/T		
28		KBK-80	Ø80	**248.000**	322.000	1c/H	20c/T		
29		KBK-85	Ø85	**287.000**	373.000	1c/H	20c/T		
30		KBK-90	Ø90	**300.000**	389.000	1c/H	15c/T		
31		KBK-100	Ø100	**326.000**	424.000	1c/H	20c/T		
32		KBK-110	Ø110	**369.000**	480.000	1c/H	10c/T		
33		KBK-120	Ø120	**394.000**	512.000	1c/H	10c/T		

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

MŨI KHOAN TỪ KINGBLUE

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	SIZE	35mm	50mm	HÌNH ẢNH	QUY CÁCH
MŨI KHOAN TỪ KINGBLUE							
1	Mũi khoan từ Kingblue	TCT-M3-12	Ø12	409.000	507.000		1C/H
2		TCT-M3-13	Ø13	409.000	507.000		1C/H
3		TCT-M3-14	Ø14	409.000	507.000		1C/H
4		TCT-M3-15	Ø15	409.000	507.000		1C/H
5		TCT-M3-16	Ø16	409.000	507.000		1C/H
6		TCT-M3-17	Ø17	409.000	507.000		1C/H
7		TCT-M3-18	Ø18	409.000	507.000		1C/H
8		TCT-M3-19	Ø19	409.000	507.000		1C/H
9		TCT-M3-20	Ø20	409.000	507.000		1C/H
10		TCT-M3-21	Ø21	409.000	507.000		1C/H
11		TCT-M3-22	Ø22	409.000	507.000		1C/H
12		TCT-M3-23	Ø23	409.000	507.000		1C/H
13		TCT-M3-24	Ø24	409.000	507.000		1C/H
14		TCT-M3-25	Ø25	409.000	507.000		1C/H
15		TCT-M3-26	Ø26	452.000	558.000		1C/H
16		TCT-M3-27	Ø27	452.000	558.000		1C/H
17		TCT-M3-28	Ø28	452.000	558.000		1C/H
18		TCT-M3-29	Ø29	452.000	558.000		1C/H
19		TCT-M3-30	Ø30	452.000	558.000		1C/H
20		TCT-M3-31	Ø31	535.000	685.000		1C/H
21		TCT-M3-32	Ø32	535.000	685.000		1C/H
22		TCT-M3-33	Ø33	535.000	685.000		1C/H
23		TCT-M3-34	Ø34	535.000	685.000		1C/H
24		TCT-M3-35	Ø35	535.000	685.000		1C/H
25		TCT-M3-36	Ø36	600.000	774.000		1C/H
26		TCT-M3-37	Ø37	600.000	774.000		1C/H

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	SIZE	35mm	50mm	HÌNH ẢNH	QUY CÁCH
27		TCT-M3-38	Ø38	600.000	774.000		*1C/H*
28		TCT-M3-39	Ø39	600.000	774.000		*1C/H*
29		TCT-M3-40	Ø40	600.000	774.000		*1C/H*
30		TCT-M3-41	Ø41	642.000	827.000		*1C/H*
31		TCT-M3-42	Ø42	642.000	827.000		*1C/H*
32		TCT-M3-43	Ø43	642.000	827.000		*1C/H*
33		TCT-M3-44	Ø44	642.000	827.000		*1C/H*
34		TCT-M3-45	Ø45	642.000	827.000		*1C/H*
35		TCT-M3-46	Ø46	706.000	912.000		*1C/H*
36		TCT-M3-47	Ø47	706.000	912.000		*1C/H*
37		TCT-M3-48	Ø48	706.000	912.000		*1C/H*
38		TCT-M3-49	Ø49	706.000	912.000		*1C/H*
39		TCT-M3-50	Ø50	706.000	912.000		*1C/H*
40	**Mũi khoan từ Kingblue**	TCT-M3-51	Ø51	-	996.000		*1C/H*
41		TCT-M3-52	Ø52	-	996.000		*1C/H*
42		TCT-M3-53	Ø53	-	996.000		*1C/H*
43		TCT-M3-54	Ø54	-	996.000		*1C/H*
44		TCT-M3-55	Ø55	-	996.000		*1C/H*
45		TCT-M3-56	Ø56	-	1.082.000		*1C/H*
46		TCT-M3-57	Ø57	-	1.082.000		*1C/H*
47		TCT-M3-58	Ø58	-	1.082.000		*1C/H*
48		TCT-M3-59	Ø59	-	1.082.000		*1C/H*
49		TCT-M3-60	Ø60	-	1.082.000		*1C/H*
50		TCT-M3-61	Ø61	-	1.293.000		*1C/H*
51		TCT-M3-62	Ø62	-	1.293.000		*1C/H*
52		TCT-M3-63	Ø63	-	1.293.000		*1C/H*
53		TCT-M3-64	Ø64	-	1.293.000		*1C/H*
54		TCT-M3-65	Ø65	-	1.293.000		*1C/H*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

MÁY PIN CẦM TAY

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Bộ Máy Bắn Vít 16V KB16VB2**	KB16VB2	**1.700.000**	1.790.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2100/2700/3500r/m* *Tốc độ búa: 0-2600/3200/3700/m* *Momen xoắn: 100/140/160N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Pin: 16.8V 2.0Ah x2* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 0.9 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 2 pin 16V-2Ah, Sạc, Túi)* ***Mua 8 tặng 1***
2	**Máy Bắn Vít 16V KB16VB**	KB16VB	**1.020.000**	1.080.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2100/2700/3500r/m* *Tốc độ búa: 0-2600/3200/3700/m* *Momen xoắn: 100/140/160N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 0.67 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
3	**Bộ Máy Vặn Vít Cấp Trượt 16V KB16VA2**	KB16VA2	**1.540.000**	1.590.000	1c/H	10c/T		*Momen xoắn: 40N.m* *Thiết lập cấp trượt: 20+1* *Nhông cơ khí 2 tốc độ: 0-500/1800r/min* *Đầu gài: 6.35mm - 1/4"* *Pin: 16.8V 2.0Ah x2* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 0.8 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 2 pin 16V-2Ah, Sạc, Túi)* ***Mua 8 tặng 1***
4	**Bộ Máy Khoan Pin 16V KB16QA2**	KB16QA2	**1.540.000**	1.590.000	1c/H	10c/T		*Momen xoắn: 40N.m* *Thiết lập cấp trượt: 20+1* *Nhông cơ khí 2 tốc độ: 0-500/1800r/min* *Đầu kẹp: 10mm - khóa trục* *Pin: 16.8V 2.0Ah x2* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 0.95 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 2 pin 16V-2Ah, Sạc, Túi)* ***Mua 8 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
5	**Máy khoan Pin 16V KB16QA**	KB16QA	**720.000**	760.000	1c/H	10c/T		*Momen xoắn: 40N.m* *Thiết lập cấp trượt: 20+1* *Nhông cơ khí 2 tốc độ: 0-500/1800r/min* *Đầu kẹp: 10mm - khóa trục* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 0.72 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
6	**Máy Khoan Pin 20V KB20QB**	KB20QB	850.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải:0-500/1750r/m* *Thiếp lập cấp trượt: 20+1* *Momen xoắn: 50N.m* *Đầu kẹp: 10mm-khóa trục* *Động cơ:20V-không chổi than* *Trọng lượng: 0.85 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
7	**Bộ máy Khoan Pin 20V KB20QB2**	KB20QB2	1.850.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải:0-500/1750r/m* *Thiếp lập cấp trượt: 20+1* *Momen xoắn: 50N.m* *Đầu kẹp: 10mm-khóa trục* *Động cơ không chổi than* *Pin: 20V 2.0Ah x2* *Trọng lượng: 1.2 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 2 pin 20V-2Ah, Sạc, Túi)* ***Mua 6 tặng 1***
8	**Máy Khoan Bê Tông 20V KB20QF**	KB20QF	1.920.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải:0-1400r/m* *Tốc độ búa: 0-4500/m* *Lực đập: 1.7J* *Động cơ:20V-không chổi than* *Trọng lượng: 1.98 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
9	**Bộ Máy Khoan Bê Tông 20V KB20QF1**	KB20QF1	2.800.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải:0-1400r/m* *Tốc độ búa: 0-4500/m* *Lực đập: 1.7J* *Pin: 20V - 4.0Ah* *Động cơ: không chổi than* *Trọng lượng: 2.6 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
10	**Máy Mài Góc 20V KB20MG**	KB20MG	1.200.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-8500r/m* *Đường kính mài đĩa: 100mm* *Đường kính ren trục: M10* *Công tắc: Công tắc trượt* *Động cơ: 20V-không chổi than* *Trọng lượng: 1.58 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
11	**Bộ Máy Mài Góc 20V KB20MG1**	KB20MG1	2.100.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-8500r/m* *Đường kính mài đĩa: 100mm* *Đường kính ren trục: M10* *Công tắc: Công tắc trượt* *Động cơ: không chổi than* *Pin: 20V - 4.0Ah* *Trọng lượng: 2.2 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah,Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
12	**Máy Khoan 3 Chức Năng 20V KB20QE**	KB20QE	1.920.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-500/2200r/m* *Tốc độ búa:0-8250/31500/m* *Thiếp lập búa cấp trượt: 21+3* *Momen xoắn:130N.m* *Đầu kẹp:13mm- Auto lock* *Động cơ: 20V-không chổi than* *Trọng lượng: 1.98 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
13	**Bộ Máy Khoan 3 Chức Năng 20V KB20QE1**	KB20QE1	2.780.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-500/2200r/m* *Tốc độ búa:0-8250/31500/m* *Thiếp lập búa cấp trượt: 21+3* *Momen xoắn:130N.m* *Đầu kẹp:13mm - Auto lock* *Động cơ: không chổi than* *Pin: 20V 4.0Ah* *Trọng lượng: 2.6 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
14	**Máy Bắn Vít 20V KB20VC**	KB20VC	1.060.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2300r/m* *Tốc độ búa: 0-3300/m* *Momen xoắn: 250N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Động cơ: 20V-không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
15	**Bộ Máy Bắn Vít 20V KB20VC1**	KB20VC1	1.860.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2300r/m* *Tốc độ búa: 0-3300/m* *Momen xoắn: 250N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Động cơ: không chổi than* *Pin:20V 4.0Ah* *Trọng lượng: 1.7 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi)* ***Mua 6 tặng 1***
16	**Máy Cưa Kiếm 20V KB20CK**	KB20CK	1.890.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-3050/m* *Độ dài cắt tối đa(mm):* *Gỗ:130/Thép:18/Ống:220* *Động cơ:20V không chổi than* *Trọng lượng: 1.83 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
17	**Bộ Máy Cưa Kiếm 20V KB20CK1**	KB20CK1	2.790.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-3050/m* *Độ dài cắt tối đa(mm):* *Gỗ:130/Thép:18/Ống:220* *Pin: 20V-4.0Ah* *Động cơ: không chổi than* *Trọng lượng: 2.45 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
18	**Máy Siết Bulon 20V KB20SE**	KB20SE	1.910.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-1600/1900/2200/2500r/m* *Tốc độ búa: 0-2000/2300/2700/3000/m* *Momen xoắn siết: 400/460/560/650N.m* *Momen xoắn mở: 860N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ 20V không chổi than* *Trọng lượng: 1.78 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
19	**Bộ Máy Siết Bulon 20V KB20SE1**	KB20SE1	2.810.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-1600/1900/2200/2500r/m* *Tốc độ búa: 0-2000/2300/2700/3000/m* *Momen xoắn siết: 400/460/560/650N.m* *Momen xoắn mở: 860N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Pin: 20V-4.0Ah* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 2.4 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
20	**Máy Bắn Vít 20V KB20VD**	KB20VD	1.580.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn: 350N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Động cơ: 20V-không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
21	**Bộ Máy Bắn Vít 20V KB20VD1**	KB20VD1	2.480.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn: 350N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Pin: 20V-4.0Ah* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 1.7 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
22	**Máy Siết Bulon 20V KB20SD**	KB20SD	1.560.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ búa không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn siết: 400N.m max* *Momen xoắn mở: 560N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
23	**Bộ Máy Siết Bulon 20V KB20SD1**	KB20SD1	2.460.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ búa không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn siết: 400N.m max* *Momen xoắn mở: 560N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Pin: 20V - 4.0Ah* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 1.7 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
24	**Máy Siết Bulon KB20SC**	KB20SC	1.040.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2300r/m* *Tốc độ búa: 0-3300/m* *Momen xoắn siết: 330N.m max* *Momen xoắn mở: 450N.m max* *Đầu siết bulon+gài: 1/2"-6.35mm* *Động cơ 20V không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
25	**Bộ Máy Siết Bulon 20V KB20SC1**	KB20SC1	1.840.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2300r/m* *Tốc độ búa: 0-3300/m* *Momen xoắn siết: 330N.m max* *Momen xoắn mở: 450N.m max* *Đầu siết bulon+gài: 1/2"-6.35mm* *Pin: 20V-4.0Ah* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 1.7 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-4Ah, Sạc, Túi)* ***Mua 6 tặng 1***
26	**Bộ Máy Siết Bulon 20V KB20S121**	KB20S121	4.600.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-1100/1300/1500/1800r/m* *Tốc độ búa: 0-1700/1900/2000/2200/m* *Momen xoắn siết: 1500N.m max* *Momen xoắn mở: 1800N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Pin: 20V-5.0Ah* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng: 3.6 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-5Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***
27	**Bộ Máy Siết Bulon 20V KB20S341**	KB20S341	4.600.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-1100/1300/1500/1800r/m* *Tốc độ búa: 0-1700/1900/2000/2200/m* *Momen xoắn siết: 1500N.m max* *Momen xoắn mở: 1800N.m max* *Đầu siết bulon: 3/4"* *Pin: 20V-5.0Ah* *Động cơ không chổi than* *Trọng lượng:3.72 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* *(Combo gồm 1 thân máy, 1 pin 20V-5Ah, Sạc, Túi kháng nước)* ***Mua 6 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
28	**Máy Cưa Đĩa 2in 1 dùng Pin 18V KM18CD**	KM18CD	**1.940.000**	2.000.000	1c/H	4c/T		*Máy cưa đĩa 2 chức năng: Cưa gỗ và cưa kim loại* *Động cơ không chổi than* *Kích thước lưỡi cưa: 150mm-190mm* *Độ sâu cắt tối đa: 63mm* *Tốc độ không tải: 5000r/m* *Điện áp pin: 18V* *Máy có kèm theo 1 lưỡi cưa X1-180* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
29	**Máy Cưa Xích dùng Pin 18V KM18CX**	KM18CX	**1.720.000**	1.800.000	1c/H	6c/T		*Loại motor: không chổi than* *Bơm nhớt tự động* *Tốc độ không tải: 0-6000rpm* *Chiều dài thanh dẫn: 10"(25cm)* *Xích: 1/4 56*(10")* *Tốc độ xích: 7.6m/s(10")* *Điện áp pin: 18V* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
30	**Máy Siết Bulon 18V KM18SM**	KM18SM	**1.560.000**	1.620.000	1c/H	10c/T		*Đường kính bulon: 1/2"* *Tốc độ không tải: 0-1600-1900-2000-2400 vòng/phút* *Momen siết tối đa: 500Nm* *Momen mở tối đa: 630Nm* *Điện áp pin: 18V-20V* *Điện áp sạc: 100V-240V* *Động cơ không chổi than* *Sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao* *Công nghệ mới nhất* *Sử dụng linh kiện & vật liệu cao cấp* *Cò Omron Nhật Bản* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
31	**Máy Khoan 3 Chức Năng 18V KM18QD**	KM18QD	**1.620.000**	1.680.000	1c/H	10c/T		*Đường kính bulon: M13 - M16/Đầu kẹp* *Tốc độ không tải : 0 -550/ 0-2000/phút* *Momen xoắn: 100Nm* *Điện áp pin: 18V-20V* *Điện áp sạc: 110V - 240V* *Dung lượng pin: 4.0Ah/5.0Ah/6.0Ah/7.5Ah* *Động cơ không chổi than* *Sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao* *Công nghệ mới nhất* *Sử dụng linh kiện & vật liệu cao cấp* *Cò Omron Nhật Bản* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
32	**Máy Siết Bulon 18V KM18SF**	KM18SF	**2.380.000**	2.480.000	1c/H	10c/T		*Đường kính bulon: M12 - M30* *Trục vuông 1/2* *Tốc độ không tải : 0 -1200 -1500- 1800 - 2200 /phút* *Momen xoắn: 1000Nm(siết)-1200Nm(mở)* *Dung lượng pin: 5.0Ah/6.0Ah/7.5Ah* *Điện áp pin: 18V-20V* *Động cơ không chổi than* *Sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao* *Công nghệ mới nhất* *Sử dụng linh kiện & vật liệu cao cấp* *Cò Omron Nhật Bản* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
33	**Máy Siết bulon 2in1 18V KM18SV**	KM18SV	**1.420.000**	1.480.000	1c/H	10c/T		*Đường kính bulon: M12 - M26* *Trục vuông/lục giác: 1/2 1/4* *Tốc độ không tải : 0 - 1600 - 1900 - 2000 - 2500 vòng/phút* *Momen xoắn: 350Nm* *Dung lượng pin: 4.0Ah/5.0Ah/6.0Ah/7.5Ah* *Điện áp sạc: 110V - 240V* *Động cơ không chổi than* *Sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao* *Công nghệ mới nhất* *Sử dụng linh kiện & vật liệu cao cấp* *Cò Omron Nhật Bản* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
34	**Máy Bắn Vít 18V KM18VF**	KM18VF	**1.320.000**	1.380.000	1c/H	10c/T		*Đường kính bulon: M5 - M16* *Trục vuông/lục giác: 1/4* *Tốc độ không tải : 0 - 1600 - 2000 - 2400 - 3500 vòng/phút* *Momen xoắn: 230Nm* *Dung lượng pin: 2.0Ah/4.0Ah/5.0Ah* *Điện áp sạc: 110V - 240V* *Động cơ không chổi than* *Sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao* *Công nghệ mới nhất* *Sử dụng linh kiện & vật liệu cao cấp* *Cò Omron Nhật Bản* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
35	**Máy Cưa Kiếm 18V KM18CK**	KM18CK	**1.920.000**	1.980.000	1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-3050/m* *Độ dài cắt tối đa(mm):* *Gỗ:130/Thép:18/Ống:220* *Động cơ: 18V-không chổi than* *Trọng lượng: 1.83 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
36	**Máy Khoan Pin 18V KM18QB**	KM18QB	**840.000**	900.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-500/1750r/m* *Thiết lập cấp trượt: 20+1* *Momen xoắn: 50N.m* *Đầu kẹp: 10mm* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 0.85 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
37	**Máy Khoan Bê Tông 18V KM18QF**	KM18QF	**1.920.000**	1.980.000	1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-1400r/m* *Tốc độ búa: 0-4500/m* *Lực đập: 1.7J* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.98 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
38	**Máy Mài Góc 18V KM18MG**	KM18MG	**1.200.000**	1.200.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-8500r/m* *Đường kính đĩa mài: 100mm* *Đường kính ren trục: M10* *Công tắc: công tắc trượt* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.58 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
39	**Máy Khoan 3 chức năng 18V KM18QE**	KM18QE	**1.920.000**	1.980.000	1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-500/2200r/m* *Tốc độ búa: 0-8250/31500/m* *Thiết lập cấp trượt: 21+3* *Momen xoắn: 130N.m* *Đầu kẹp: 13mm - Autolock* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.98 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
40	**Máy Bắn Vít 18V KM18VC**	KM18VC	**1.030.000**	1.090.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2300r/m* *Tốc độ búa: 0-3300/m* *Momen xoắn: 250N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
41	**Máy Siết Bulon 18V KM18SD**	KM18SD	**1.540.000**	1.600.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn siết: 400N.m max* *Momen xoắn mở: 560N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
42	**Máy Bắn Vít 18V KM18VD**	KM18VD	**1.560.000**	1.620.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn: 350N.m max* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
43	**Máy Siết Bulon 2 in 1 KM18SC**	KM18SC	**1.030.000**	1.090.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2300r/m* *Tốc độ búa: 0-3300/m* *Momen xoắn siết: 330N.m max* *Momen xoắn mở: 450N.m max* *Đầu siết bulon + gài: 1/2" - 6.35mm* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
44	**Máy siết bulon 18V KM18SE**	KM18SE	**1.900.000**	1.980.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-1600/1900/2200/2500r/m* *Tốc độ búa: 0-2000/2300/2700/3000/m* *Momen xoắn siết: 400/460/560/650N.m* *Momen xoắn mở: 860N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.78 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
45	**Máy siết bulon 18V KM18S12**	KM18S12	**3.600.000**	3.680.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-1100/1300/1500/1800r/m* *Tốc độ búa: 0-1700/1900/2000/2200/m* *Momen xoắn siết: 1500N.m max* *Momen xoắn mở: 1800N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ 18V- không chổi than* *Trọng lượng: 2.98 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
46	**Máy siết bulon 18V KM18S34**	KM18S34	**3.600.000**	3.680.000	1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-1100/1300/1500/1800r/m* *Tốc độ búa: 0-1700/1900/2000/2200/m* *Momen xoắn siết: 1500N.m max* *Momen xoắn mở: 1800N.m max* *Đầu siết bulon: 3/4"* *Động cơ 18V- không chổi than* *Trọng lượng: 3.1 kg* *Phần đầu chụp thiết kế dày hơn, tăng hơn 20% hiệu suất so với mẫu cũ* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 10 tặng 1***
47	**Máy Bắn Vít 18V K18VFS**	K18VFS	**1.400.000**	1.450.000	1c/H	10c/T		*Động cơ không chổi than - Mạch thông minh* *Điện áp pin: 18V/21V - sử dụng pin chân phổ thông* *Tốc độ không tải: 0-1600/2000/2400/3500 vòng/phút* *Tốc độ búa: 0-2000/2500/3000/4000 lần/ phút* *Momen xoắn cực đại: 230Nm* *Đầu kẹp: chuẩn lục giác 1/4"* *Tính năng: 4 cấp chỉnh lực, bắn vít gỗ, auto stop, bắn vít trên sắt mỏng hoặc sắt dày* *Trọng lượng: 1,08kg* *Bộ sản phẩm gồm: Thân máy, móc treo* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
48	**Máy siết Bulon 18V 2in1 K18SVS**	K18SVS	**1.480.000**	1.530.000	1c/H	10c/T		*Động cơ không chổi than- Mạch thông minh* *Điện áp pin: 18V/21V - sử dụng pin chân phổ thông* *Tốc độ không tải: 0-1600/1900/2200/2600 vòng/phút* *Momen xoắn cực đại: 350Nm* *Đầu kẹp: 2 in 1 (vừa bulon vừa vít)* *Tính năng: 4 cấp chỉnh lực, bắn vít gỗ, auto stop, bắn vít trên sắt mỏng hoặc sắt dày* *Trọng lượng: 1,08kg* *Bộ sản phẩm gồm: Thân máy, móc treo* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
49	**Máy Khoan 3 Chức Năng 18V K18QES**	K18QES	**2.160.000**	2.200.000	1c/H	10c/T		*Máy khoan 3 chức năng: Khoan, khoan búa và bắn vít* *Động cơ không chổi than - Mạch thông minh* *Điện áp pin: 18V/21V- sử dụng pin chân phổ thông* *Đầu kẹp: 13mm, auto lock, có khóa trục* *Tốc độ không tải: 0-550/2200 vòng/phút* *Tốc độ búa: 0-8250/31500 lần/phút* *Momen xoắn: 165Nm* *Tính năng nổi bật: chế độ tạo xung, chống lật cổ tay, điều chỉnh 4 tốc độ, ...* *Kích thước: 20*23(cm)* *Trọng lượng: 1,75kg* *Bộ sản phẩm gồm: thân máy, tay cầm phụ, móc treo* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
50	**Máy Mài Góc 18V K18MGS**	K18MGS	**1.220.000**	1.260.000	1c/H	10c/T		*Động cơ không chổi than- Mạch thông minh* *Điện áp pin:18V/ 21V - sử dụng pin chân phổ thông* *Đường kính đĩa: 100mm, trục cốt M10* *Tốc độ không tải: 0-5000/6000/7000/9000 vòng/phút* *Tính năng nổi bật: 4 cấp chỉnh tốc độ, chống lật cổ tay, chống khởi động lại,...* *Trọng lượng: 1,2kg* *Bộ sản phẩm: Thân máy, chụp bảo vệ, tay cầm phụ, khóa mở đĩa* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
51	**Máy Khoan Bê Tông 18V KD18QF**	KD18QF	1.920.000		1c/H	5c/T		*Điện áp định mức: 20V* *Tốc độ không tải: 0-1400 vòng/phút* *Tốc độ búa: 0-4500 vòng/phút* *Lực đập: 1,7J* *Động cơ không chổi than* *Sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cao* *Công nghệ mới nhất* *Sử dụng linh kiện & vật liệu cao cấp* *Cò Omron Nhật Bản* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
52	**Máy Khoan 3 Chức Năng 18V KD18QE**	KD18QE	1.920.000		1c/H	5c/T		*Tốc độ không tải: 0-500/2200r/m* *Tốc độ búa: 0-8250/31500/m* *Cấp chỉnh lực: 21+3* *Momen xoắn: 130N.m* *Đầu kẹp: 13mm - Autolock* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.98 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***

STT	TÊN SP	MÃ HÀNG	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
53	**Máy bắn vít 18V KD18VD**	KD18VD	1.580.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn: 350N.m* *Đầu gài: 6.35mm-1/4"* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
54	**Máy siết bulon 18V KD18SD**	KD18SD	1.560.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-2700r/m* *Tốc độ búa: 0-3500/m* *Momen xoắn siết: 400N.m max* *Momen xoắn mở: 560N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.08 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
55	**Máy siết bulon 18V KD18SE**	KD18SE	1.920.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-1600/1900/2200/2500r/m* *Tốc độ búa: 0-2000/2300/2700/3000/m* *Momen xoắn siết: 400/460/560/650N.m* *Momen xoắn mở: 860N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ 18V không chổi than* *Trọng lượng: 1.78 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
56	**Máy siết bulon 18V KD18S12**	KD18S12	3.600.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-1100/1300/1500/1800r/m* *Tốc độ búa: 0-1700/1900/2000/2200/m* *Momen xoắn siết: 1500N.m max* *Momen xoắn mở: 1800N.m max* *Đầu siết bulon: 1/2"* *Động cơ 18V- không chổi than* *Trọng lượng: 2.98 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
57	**Máy siết bulon 18V KD18S34**	KD18S34	3.600.000		1c/H	10c/T		*Tốc độ không tải: 0-1100/1300/1500/1800r/m* *Tốc độ búa: 0-1700/1900/2000/2200/m* *Momen xoắn siết: 1500N.m max* *Momen xoắn mở: 1800N.m max* *Đầu siết bulon: 3/4"* *Động cơ 18V- không chổi than* *Trọng lượng: 3.1 kg* *Sản phẩm được bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

PHỤ KIỆN MÁY PIN

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

PHỤ KIỆN MÁY PIN						
STT	**TÊN SP**	**MÃ HÀNG**	**GIÁ MUA KÈM MÁY**	**GIÁ BÁN LẺ**	**HÌNH ẢNH**	**GHI CHÚ**
1	**Pin B2016**	B2016	**320.000**	350.000		*Điện thế pin: 16V* *Dung lượng pin: 2.0Ah* *Trọng lượng; 0.23Kg* *Bảo hành 16 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
2	**Pin M1840**	M1840	**750.000**	850.000		*Điện thế pin: 18V* *Dung lượng pin: 4.0Ah* *Trọng lượng; 0.62Kg* *Bảo hành 06 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
3	**Pin B2020**	B2020	**350.000**	400.000		*Điện thế pin: 20V* *Dung lượng pin: 2.0Ah* *Trọng lượng; 0.345Kg* *Bảo hành 16 tháng*
4	**Pin B2040**	B2040	**600.000**	700.000		*Điện thế pin: 20V* *Dung lượng pin: 4.0Ah* *Trọng lượng; 0.62Kg* *BH 16 THÁNG đổi mới không sửa chữa* ***Mua 6 tặng 1***
5	**Pin B2050**	B2050	**780.000**	900.000		*Điện thế pin: 20V* *Dung lượng pin: 5.0Ah* *Trọng lượng; 0.85Kg* *BH 16 THÁNG đổi mới không sửa chữa* ***Mua 6 tặng 1***
6	**Pin MP4018**	MP4018	**660.000**	690.000		*Dòng xả 60A* *BH 16 THÁNG đổi mới không sửa chữa* ***Mua 8 tặng 1***
7	**Pin MP6018**	MP6018	**950.000**	990.000		*Dòng xả 90A* *BH 16 THÁNG đổi mới không sửa chữa* ***Mua 8 tặng 1***
8	**Sạc MS2A18**	MS2A18	**260.000**	280.000		*BH 3 THÁNG đổi mới không sửa chữa* ***Mua 8 tặng 1***

PHỤ KIỆN MÁY PIN						
STT	**TÊN SP**	**MÃ HÀNG**	**GIÁ MUA KÈM MÁY**	**GIÁ BÁN LẺ**	**HÌNH ẢNH**	**GHI CHÚ**
9	**Sạc pin B2A16**	B2A16	**200.000**	240.000		*Điện thế pin: 16V* *Điệp áp: 100-240V* *Đầu ra: 16V-2A* *Bảo hành 06 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
10	**Sạc pin M4A18**	M4A18	**400.000**	450.000		*Điện thế pin: 20V* *Điệp áp: 100-240V* *Đầu ra: 18V-4A* *Bảo hành 06 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
11	**Sạc pin B2A20**	B2A20	**240.000**	280.000		*Điện thế pin: 20V* *Điệp áp: 100-240V* *Đầu ra: 20V-2A* *Bảo hành 06 tháng* ***Mua 6 tặng 1***
12	**Sạc nhanh KM08AI (18V - 21V)**	KM08AI	**690.000**	720.000		*Dùng để sạc cho pin 4.0Ah (sạc đầy 35-40p) và 6.0Ah (sạc đầy 50p-55p)* *Sạc AI thông minh, tự cân bằng và điều chỉnh dòng sạc, giúp sạc nhanh và tăng tuổi thọ pin, tự ngắt khi đầy pin (có nhạc báo)* *Input: 100-240V, 50Hz* *Output: 18-21V, 8A, 150W* *Trọng lượng: 0,62kg* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng* ***Mua 8 tặng 1***
13	**Bộ chuyển đổi chân pin KingBlue**	BOCHUYEN CHANSAC	**150.000**	220.000		*Đế chuyển pin Makita phổ thông sang Dewalt, Milwakee* *Chất liệu: nhựa ABS đúc nguyên khối bền bỉ* **** Giá mua kèm máy hút chân không***

KING BLUE®

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

CÔNG CỤ CẦM TAY

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.Com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Máy rung ốp lát gạch KM18-HR1**	KM18-HR1	đường kính cốc hút: 122mm	**1.380.000**	1.440.000	1c/H	5c/T		*Màn hình điện tử kỹ thuật số* *Tần số rung: 3000-6000 lần/phút* *chân sạc phổ thông/Pin: 18V-2.0Ah* *Thời gian sạc: 2 tiếng* *Thời gian làm việc: 1 ngày* *Điều chỉnh độ rung: 6 cấp độ* *Thích hợp cho gạch men dưới 1 mét 2* *Trọng lượng cả hộp: 2.3kg* *Trọng lượng máy (cả pin): 1.2 kg* *Phụ kiện: thân máy, 1 pin, sạc, hộp nhựa* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 6 tháng*
2	**Pin máy rung gạch 2.0Ah**	PIN- 2.0AH		**400.000**	420.000	1c/H	50c/T		*Pin lithium 21V - 2.0Ah - 42Wh* *Phụ kiện dành cho khách mua Máy rung ốp lát gạch KM18- HR1 khi cần mua thêm pin*
3	**Kéo cắt cành pin KBE-BL2816**	KBE-BL2816	Kích thước cắt: 28mm	**1.600.000**	1.760.000	1/H	10/T		*Lưỡi kéo thép SK5 Nhật Bản nhập khẩu Đài Loan* *Động cơ không chổi than* *Đầu áp: 16.8V* *công suất: 42 wh* *Dung lượng pin: 2500mAh* *Thời gian sử dụng: 3-3.5h* *Đóng gói gồm: Thân máy=1 / Pin=2 (2.0Ah)/ Sạc nhanh=1 / Sách hướng dẫn=1/ Tua vít=1 / cầu trượt=1 / Lục giác bi=2 / Tuýp=1 (13mm)* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 60 ngày đầu tiên nếu sản phẩm bị lỗi do nhà sản xuất)*
4	**Súng bắn đinh bê tông KFF-73**	KFF-73	7.3mm	**660.000**	690.000	1/H	10c/T		*chất liệu:cao su, thép cacbon* *kích thước đầu đạn: 7.3mm* *công dụng: bắn đinh bê tông (đinh đầu nổ)* *Bộ sản phẩm gồm: 1 hộp nhựa, 1 máy bắn đinh, 1 kính bảo hộ, 1 bộ phụ kiện thay thế, 1 bộ bịt tai, 1 đôi găng tay.* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng*
5	**Bộ loe ống đồng KingBlue**	KB-C1323	Khối lượng: 820g	**1.140.000**	1.200.000	1c/H	10c/T		*chất liêu: Hợp kim nhôm cao cấp, gọn nhẹ dễ thao tác* *6 kích cỡ ống loe: 1/4", 5/16", 3/8",1/2"5/8", 3/4" (6-8-10-12-16-19)* *có thanh trượt định vị ống loe* *Sử dụng để loe ống đồng bằng tay*
6	**Bộ loe ống đồng 2 chức năng KingBlue**	KB-R1323	Khối lượng: 990g	**1.720.000**	1.780.000	1c/H	10c/T		*chất liêu: Hợp kim nhôm cao cấp , gọn nhẹ dễ thao tác* *6 kích cỡ ống loe: 1/4", 5/16", 3/8",1/2"5/8", 3/4" (6-8-10-12-16-19)* *có thanh trượt định vị ống loe* *Sử dụng để loe ống đồng bằng tay hoặc bằng máy khoan , máy vặn vít (chuôi lục giác 1/4)*
7	**Máy hút chân không dùng pin**	KB-2.5CFM	203*105*200 Khối lượng: 3,4kg	**3.280.000**		1c/H	4c/T		*Sử dụng pin 18V chân phổ thông* *công suất: 1/4HP, 2 cấp* *Tốc độ hút: 2,5 cFM (70 lít/phút)* *Độ chân không tối đa: 15 micron* *cổng kết nối:1/4"* *Dung tích dầu: 240ml* *Bộ sản phẩm gồm: Thân máy, bình dầu* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* ***Mua 9 tặng 1***

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

ĐÈN LED

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Đèn Led công trình dùng pin LED7000**	LED7000	190*145*440mm TL: 2850g	**3.200.000**	3.500.000	1C/H	2C/T		*Pin AC và pin dụng cụ điện bóng đèn khu vực: COB LED* *Pin: Pin dụng cụ 18V-2.0A (Milwaukee, Bosch, MAKITA, DEWALT)* *Chất liệu: Nhôm Stretch* *Chế độ: Nhấn lên/xuống: thấp/cao* *Bộ đổi nguồn AC: chế độ cao/thấp 18V2A 4000lm/1500lm* *Nguồn điện bằng pin và thời gian sử dụng :* *(cao) 7000lm - 2.5 giờ / (thấp) 2000lm - 9 giờ* *Bộ đổi nguồn pin dụng cụ điện của nhiều nhà sản xuất, nhận pin từ 4 thương hiệu dụng cụ điện hàng đầu* *Kết cấu nhôm chắc chắn với nam châm siêu mạnh* *Đèn báo nguồn hiển thị dung lượng pin* *Chống nước và chống va đập: IPX4 & IK07* *Dùng cho công trình,nhà xưởng* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*
2	**Đèn Led công trình dùng pin LED6500**	LED6500	250*145*300mm TL: 2400g	**1.800.000**	1.950.000	1C/H	4C/T		*Pin AC và pin dụng cụ điện Bóng đèn chiếu điểm: COB LED* *Pin: Pin dụng cụ 18V 6000mAh (Milwaukee, Bosch, MAKITA, DEWALT)* *Các chế độ: Nhấn lên/xuống: thấp/cao* *Bộ đổi nguồn AC: chế độ cao/thấp 18V2A 3200lm/900lm* *Nguồn điện bằng pin và thời gian sử dụng:* *(cao) 6500lm - 3 giờ / (thấp) 1000lm - 26 giờ* *Bộ chuyển đổi pin dụng cụ điện của nhiều nhà sản xuất,* *nhận pin từ 4 thương hiệu dụng cụ điện hàng đầu* *Thiết kế độc lập, di động với nhiều tùy chọn lắp đặt* *Kết cấu nhôm chắc chắn với nam châm siêu mạnh* *Đèn báo nguồn hiển thị dung lượng pin* *Chống nước và chống va đập: IP54* *Dùng cho công trình, nhà xưởng* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*
3	**Đèn Led soi sửa chữa máy móc LED600**	LED600	186*53.5*36mm TL: 245g	**650.000**	690.000	1C/H	10C/T		*Bóng đèn: COB+SMD* *Pin: 3.7V 4000 mAh* *CRI: 70* *Màu sắc ánh sáng: 5500-7500K* *Có 4 đèn báo nguồn* *Chức năng: thấp - cao - đèn led trên cùng - tắt* *Công suất tối đa và thời gian sử dụng:* *(thấp) 200 lumen- 9 giờ* *(cao) 600 lumen - 3 giờ* *(SMD) 200 lumen - 9 giờ* *Thời gian sạc: ~ 4,5 giờ* *Chống nước: IPX6/IK07* *Dùng cho xưởng sửa chữa oto - máy móc, sử dụng trong gia đình* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
4	**Đèn Led cài áo LED750**	LED750	140*32*22mm TL:105 g	**490.000**	540.000	1C/H	24C/T		*Đèn làm việc mini* *LED: COB(trắng+đỏ) +CREE XTE* *Pin: 1*901775 3.7V 1500MAH* *Chế độ: Nút A COB thấp - COB cao - Đèn đỏ bật - Tắt Khi đèn sáng, Tiếp tục nhấn để chuyển sang chế độ tăng áp* *Nút B: CREE XTE thấp-cao-tắt, tiếp tục nhấn để chuyển sang chế độ mờ* *Công suất phát sáng và thời gian sử dụng:* *COB:120lm-4.5h/350lm-1.5h/200lm-15h/500lm-30s* *SMD:200lm-4.5h/600lm-1.5h/750lm-30s* *CRI và màu sắc ánh sáng : SMD70 / 550-7500k, COB90 / 4000-5000k* *Thời gian sạc: 2.5 giờ* *Dùng cho xưởng sửa chữa oto - máy móc, sử dụng trong gia đình* *IPX4/IK07* *Thiết kế dạng kẹp bút di động và siêu gọn nhẹ, vỏ nhôm cao cấp có độ bền cao, nam châm ở phía dưới.* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*
5	**Đèn Led đội đầu LED500**	LED500	68*39*40 mm TL: 113g	**440.000**	490.000	1c/H	24c/T		*LED: COB+SMD* *Pin: 3.7V 1000mAh Li-polymer / (3xAAA) (có thể sử dụng hai loại pin)* *Quang thông: 500lm* *Chế độ: Cao - Thấp - COB BẬT - Tất cả BẬT - TẮT (Cảm biến ở bất kỳ chế độ nào)* *Độ sáng và thời gian sử dụng:* *400 Lumens - 2 giờ/120 Lumens - 10 giờ/* *200 Lumens - 4 giờ/500 Lumens - 1,2 giờ* *IP64* *Thời gian sạc: 1.5-2h (1h 80%)* *Dùng cho xưởng sửa chữa oto - máy móc, sử dụng trong gia đình* *Thiết kế dạng có nam châm ở mặt sau* *Khả năng chống va đập: 1,5m* *Tầm chiếu sáng tối đa: 55m* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*
6	**Đèn Led đội đầu LED800**	LED800	81,5*43*45mm TL: 105 g	**430.000**	480.000	1c/H	50c/T		*Đèn LED: COB + đèn LED SMD Pin: 2000mAh,* *Chức năng: 1: nhấn nút BẬT/TẮT: đèn LED SMD thấp-đèn LED SMD cao-COB thấp-COB cao-COB đỏ - tất cả bật - TẮT 2: Tiếp tục nhấn nút BẬT/TẮT, mờ dần từ 10%-100% ở bất kỳ chức năng nào, 3: nhấn nút cảm biến, cảm biến vẫy tay chạy ở bất kỳ chức năng nào* *Màu sắc ánh sáng: 5500-7500k* *Độ sáng và thời gian sử dụng:* *200 lms (thấp)- 8 giờ/* *500 lms (cao)-3 giờ/* *800lm (tất cả bật) - 2 giờ* *Thời gian sạc: 3 giờ Bộ đổi nguồn: 5V 1A* *IPX6* *Dùng cho xưởng sửa chữa oto - máy móc, sử dụng trong gia đình* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*
7	**Đèn Pin đội đầu LED1000H**	LED1000H	thân đèn: 72*29*58mm pin: 31.5*32*39mm TL: 138.5g	**620.000**	680.000	1C/H	50C/T		*Đèn LED: COB + đèn LED SMD Thân đèn và pin tách rời* *Pin: 2600mAh - 3.7V* *Chế độ chiếu sáng: 1 lần nhấn-SMD sáng mạnh/2 lần nhấn-SMD* *sáng yếu/3 lần nhấn-COB trắng/4 lần nhấn-COB trắng + SMD/5* *lần nhấn-COB đỏ/Nút trên (Mode): chuyển đổi chế độ/Nút bên* *(Sensor): bật/tắt cảm biến vẫy tay/Nhấn giữ để giảm độ sáng* *(Dimmer)* *Độ sáng: 500lm – 200lm – 80lm – 1000lm – 50lm* *Thời lượng sử dụng: 5h – 8h – 4.5h – 3.5h – 3h* *Tầm chiếu xa tối đa: 92 mét* *Thời gian sạc: 4 giờ (Có đèn báo pin) Cổng sạc: USB-C* *Kháng nước/va đập: IPX4 / IK07* *dùng cho xưởng sửa chữa oto - máy móc, sử dụng trong gia đình* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
8	**Đèn Led cắm trại LED2000**	LED2000	180*155*59mm TL: 706g	**920.000**	990.000	1C/H	10C/T		*Đèn làm việc có thể sạc lại* *LED: COB* *Pin: Pin Li-ion 4000mAh 3.7V* *Chế độ: COB Thấp- COB Trung bình- COB Cao- Đỏ- Tắt Nhấn* *và giữ để bật chế độ tăng áp. Khi nhấp đúp, chế độ nhấp nháy sẽ* *bật.* *Độ sáng và thời gian sử dụng: 2000lm -2 giờ/ 1200lm -5 giờ / 600lm -9 giờ* *Thời gian sạc: 5 giờ* *Đèn báo pin* *Pin dự phòng* *IPX6* *Dùng cho công trình, nhà xưởng, cắm trại,* *sử dụng trong gia đình* *Thiết kế có chân để đa chức năng* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*
9	**Đèn Led cắm trại LED1500**	LED1500	128*99.5*46mm	**1.060.000**	1.160.000	1C/H	20C/T		*Bóng đèn: COB trắng/ấm + đèn đỏ* *Chất liệu: Nhựa ABS + PC, Nhôm, Thép* *Công suất: COB trắng: 1500lm/ 900lm/ 600lm/ 300lm* *Màu sắc ánh sáng: 6500k/4500k/3500k/2700k* *Cob đỏ: on-stobe* *Thời gian chạy:* *Cob trắng: 3 giờ/5 giờ/8 giờ/12 giờ* *Cob đỏ: 65 giờ/100 giờ* *Pin: 2*21700 3.7V 8000MAH Li-ion* *Thời gian sạc: 6 giờ* *Bộ sạc: 5V 2A* *Có đèn báo nguồn* *Dùng cho công trình,* *nhà xưởng, cắm trại, sử dụng trong gia đình* *IK07-IP54* *Hộp màu* *Cáp USB* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*
10	**Đèn Pin siêu sáng LED1000**	LED1000	53*31*192.5mm TL: 343g bao gồm cả pin	**730.000**	780.000	1C/H			*LED: SMD5050* *Pin: 1*21700 3.7V 4000mAh* *Chế độ: với chức năng thấp - trung bình - cao bằng cách bật công tắc, nhấp đúp vào nút cao su để nhấp nháy chức năng.* *Ở bất kỳ chế độ nào, hãy tiếp tục nhấn để chuyển sang chế độ tăng áp, chế độ Turbo 30s, siêu sáng* *Độ sáng và thời gian sử dụng: 1000lm - 30s/600lm -3 giờ/* *300lm -6 giờ/30lm - 68 giờ* *Khoảng cách chùm tia: 920m* *Thời gian sạc: 4 giờ* *Cổng sạc type C Với bộ sạc dự phòng để sạc các thiết bị khác* *Đèn báo sạc, đèn đỏ chuyển sang xanh lục khi đầy.* *Chống nước: IPX7 (Bảo vệ khỏi tác động trong việc ngâm trong nước dưới độ sâu 1 mét trong 30 phút)* *Khả năng chiếu xa 900m và ngâm nước ở độ sâu 1m* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 12 tháng*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ
MÁY RỬA XE

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC	HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Máy rửa xe King Blue**	KBA-U1200	TL/KT: 5.5/5.0 kg	**1.100.000**	1.180.000	1C/H		*Điệp áp: 220V 50Hz* *Công suất: 1200W* *Động cơ: Động cơ chổi than* *Tiêu chuẩn chống nước: IPX5* *Áp lực/ áp lực tối đa: 60/90Bar* *Dòng phun: 5.0 lít/phút* *Phụ kiện đi kèm: 01 cuộn dây hút nước 2m/ 01 bộ lọc nước đầu vào/01 cút lọc nước đầu vào/01 đầu nối nhanh/01 ống phun cao áp 6m/ 01 chai tạo bọt tuyết* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 30 ngày*
2		KBA-I1500	TL/KT: 11.4/10.6kg	**1.920.000**	1.980.000	1C/H		*Điệp áp: 220V 50Hz* *Công suất: 1500W* *Động cơ: Động cơ từ* *Tiêu chuẩn chống nước: IPX5* *Áp lực/ áp lực tối đa: 75/100Bar* *Dòng phun: 5.4 lít/phút* *Phụ kiện đi kèm: 01 cuộn dây hút nước 2m/ 01 bộ lọc nước đầu vào/01 cút lọc nước đầu vào/01 đầu nối nhanh/01 ống phun cao áp 8m/ 01 chai tạo bọt tuyết* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng - 1 đổi 1 trong vòng 30 ngày*
3		KBC-I1800	TL/KT: 17/15.5kg	**3.120.000**	3.200.000	1C/H		*Điệp áp: 220V 50Hz* *Công suất: 1800W* *Động cơ: Động cơ từ* *Tiêu chuẩn chống nước: IPX5* *Áp lực/ áp lực tối đa: 100/140Bar* *Dòng phun: 6.0 lít/phút* *Phụ kiện đi kèm: 01 cuộn dây hút nước 2m/ 01 bộ lọc nước đầu vào/01 cút lọc nước đầu vào/01 đầu nối nhanh/01 ống phun cao áp PVC 8m/ 01 chai tạo bọt tuyết* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng - 1 đổi 1 trong vòng 30 ngày* ***Mua 8 tặng 1***
4		KBC-I2400	TL/KT: 34.5/30.5kg	**7.900.000**	7.980.000	1C/H		*Điệp áp: 220V 50HZ* *Công suất: 2400W* *Động cơ: không chổi than* *Tiêu chuẩn chống nước: IPX5* *Áp lực tối đa: 180 Bar* *Dòng phun 6.0 lít/phút* *Áp suất đầu vào tối đa: 0.7MPa* *Phụ kiện đi kèm: 01 cuộn dây hút nước 3m/05 bép phun với 05 chế độ/ 01 bộ lọc nước đầu vào/01 ống phun cao áp PVC 15m/ 01 bình tạo bọt tuyết.* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng - 1 đổi 1 trong vòng 30 ngày* ***Mua 8 tặng 1***

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

DỤNG CỤ KHÍ NÉN

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Súng bắn đinh hơi KBO- FG30**	KBO-FG30	255*55*168mm TL: 1.1 kg	**426.000**	545.000	1C/H	30C/T		*Thân nhôm hợp kim, đinh F30, đầu chống kẹt đinh* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng*
2	**Súng Bắn Đinh KBO-F3050**	KBO-F3050	TL: 1.4 kg	**935.000**	1.076.000	1C/H	10C/T		*Thân hợp kim nhôm, tay bọc cao su.* *Cân nặng: 1.4kg* *Áp suất tối đa: 8.3 bar* *Chiều dài đinh: 15-50mm* *Cổng xả 360 độ.* *Phụ kiện gồm: dầu bôi trơn, lục giác, sách hướng dẫn* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng*
3	**Súng bắn đinh bê tông KBO-ST64**	KBO-ST64	320*85*260 mm TL: 3.2 kg	**946.000**	1.088.000	1C/H	6C/T		*Chiều dài: 320mm* *Chiều cao: 260mm* *Chiều rộng: 85mm* *Trọng lượng: 3,2kg* *Áp suất vận hành tối đa: 120ps (0,8MPa)* *Áp suất vận hành đề xuất: 60-100psi(0,4-0,7MPa)* *Công suất: 100 kim bấm* *Loại đinh: ST 64* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng*
4	**Súng phun sơn KBO-W71**	KBO-W71		**317.000**	381.000	1C/H	20C/T		*Đầu phun tiêu chuẩn: 1.5mm* *Thể tích bình sơn: 400cc* *Sản phẩm được bảo hành 3 tháng*
5	**Súng Phun Sơn KBO-R500**	KBO-R500	TL: 0.35 kg	**889.000**	1.254.000	1C/H	10C/T		*Đầu phun tiêu chuẩn: 1.3mm-chuyên dụng cho xe hơi* *Áp suất max: 6.8 bar* *Thể tích bình sơn: 600cc* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng*
6	**Súng Xịt Hơi KBO-X0215**	KBO-X0215		**97.000**	121.000		30C/T		*Thép carbon*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

DỤNG CỤ ĐO

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Máy cân bằng 2 tia**	KB-02X	6.5*7.2*8cm	**700.000**	780.000	1C/H	40C/T		*Bước sóng laser: 515nm* *Loại laser: loại laser 2 tia* *Độ chính xác laser: ± 2.5mm/5m* *Chiều rộng laser: 2.5mm/5m* *Phạm vi tự cân bằng: 3°* *Cấp bảo vệ: IP54* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 30 ngày đầu tiên nếu sản phẩm bị lỗi do nhà sản xuất)*
2		KB-02XS	7.1*5.4* 7.1 cm Kích thước ren chân đế 1/4 inch (chuẩn gắn tripod)	**890.000**	950.000	1C/H	4C/T		*Bước sóng laser: 510nm–530nm* *Loại laser: loại laser 2 tia* *Bóng laser OSRAM kép cao cấp* *Chiều rộng laser: 2.5mm/5m* *Phạm vi tự cân bằng: 3° ± 1°* *Phạm vi làm việc Trong nhà: 100 feet (~30 mét)* *Cấp bảo vệ: IP54* *Nguồn điện Pin (1 pin lithium 1000 MAh và pin tiểu) sạc Lithium* *Phạm vi hoạt động trong nhà: 20 mét* *Bộ sản phẩm gồm: máy cân bằng, chuôi đầu nối 2 pin tiểu, đế treo hít nam châm, cáp sạc typeC, 2 pin tiểu, 1 pin lithium, cục chuyển 5/8 sang 1/4* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng*
3	**Máy cân bằng 5 tia**	KB-05X (NEW)	20*13*13cm	**1.350.000**	1.430.000	1C/H	8C/T		*Thông số máy 05XS NEW:* *-Độ chính xác tia ngang: ± 1.5mm/7m* *-Độ chính xác tia thẳng đứng: ± 1.5mm/7m* *-Băng thông laser: 2.5mm/7m* *-Bước sóng laser: 515nm* *-Thời gian hoạt động liên tục trong 6 giờ (mở full 5 tia), 15 giờ (nếu chỉ mở 2 tia)* *-Dung lượng pin: 4000mAh* *-Thời gian phủ tia: 5s* *-Tự hiệu chuẩn trong phạm vi góc: ± 2.5°* *-Số lương: 01 pin* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 30 ngày đầu tiên nếu sản phẩm bị lỗi do nhà sản xuất)*
4		KB-05XS	20*13*13cm	**2.090.000**	2.160.000	1C/H	6C/T		*Thông số máy 05XS:* *-Độ chính xác tia: ±1.5mm/7m* *-chiều rộng tia laze: <=2.5mm/7m* *-Thời gian hoạt động: 5h (mở full 5 tia), 13h (nếu chỉ mở 2 tia)* *-Bảo vệ: chống nước và chống va đập* *-Thời gian phủ tia: 5s* *-Tự hiệu chuẩn trong phạm vi góc: ±3°* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 60 ngày đầu tiên nếu sản phẩm bị lỗi do nhà sản xuất)*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
5	**Máy cân bằng 12 tia**	KB-12XS	TL: 665g	**1.600.000**	1.680.000	1C/H	6C/T		*Thông số máy 12XS:* *-Độ chính xác tia: ±1.5mm/7m* *-Bước sóng laser: 520NM* *-Thời gian hoạt động: tối đa 6 giờ* *-Pin điện tử có hiển thị %* *-Thời gian phủ tia: 5s* *-Tự hiệu chuẩn trong phạm vi góc: ±3°* *-Bảo vệ: Chống nước và chống bụi cấp IP54* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 30 ngày đầu tiên nếu sản phẩm bị lỗi do nhà sản xuất)*
6		KB-12XV	TL: 800g ± 10g	**2.300.000**	2.380.000	1C/H	6C/T		*Bước sóng Laser: 520± 10nm* *Độ chính xác tia: ±1.5Mm/5m* *Khoảng cách tia max: <40m* *Khoảng cách phủ tia: làm việc trong nhà <25m* *Pin: pin Lithium 5200mAH chuyên dụng* *Thời gian hoạt động: 8 - 9.5h khi mở full tia* *Nhiệt độ hoạt động: -10 ~ 50ºC* *Môi trường làm việc: trong nhà/ngoài trời* *Hiệu chuẩn cân bằng: ±3º ±1º* *Bảo vệ: Chống nước và chống bụi* *Phụ kiện gồm: 1 hộp đựng máy/1 remote/ 2 pin Lithum/1 đế xoay bi/ 1 đế nâng/1 giá treo tường/1 khớp nối/1 dây sạc/1 cốc sạc* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 60 ngày đầu tiên nếu sản phẩm bị lỗi do nhà sản xuất)*
7	**Máy cân bằng 16 tia**	KB-16XV	TL: 800g ± 10g	**2.560.000**	2.640.000	1C/H	6C/T		*Bước sóng Laser: 520± 10nm* *Độ chính xác tia: ±1.5Mm/5m* *Khoảng cách tia max: <40m* *Khoảng cách phủ tia: làm việc trong nhà <25m* *Pin: pin Lithium 5200 mAH chuyên dụng* *Thời gian hoạt động: 5 - 6.5h khi mở full tia* *Nhiệt độ hoạt động: -10 ~ 50ºC* *Môi trường làm việc: trong nhà/ngoài trời* *Hiệu chuẩn cân bằng: ±3º ±1º* *Bảo vệ: Chống nước và chống bụi* *Phụ kiện gồm: 1 hộp đựng máy/1 remote/ 2 pin Lithum/1 đế xoay bi/ 1 đế nâng/1 giá treo tường/1 khớp nối/1 dây sạc/1 cốc sạc* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng* *(1 đổi 1 trong vòng 60 ngày đầu tiên nếu sản phẩm bị lỗi do nhà sản xuất)*
8	**Thước đo khoảng cách laser**	KNZ-50X	120*50* 25mm TL: 92g	**555.000**	611.000	1C/H	40C/T		*Thước đo khoảng cách* *- Tia laser đỏ , laser thông minh tự động tắt sau 30 giây.* *- Hiển thị 4 dòng thông tin, lưu trữ lên đến 99 dữ liệu.* *- Màn hình hiển thị HD độ sắc nét cao.* *- Tự động tắt máy sau 3 phút.* *- Với rất nhiều kiểu đo: đo khoảng cách (cộng, trừ), đo diện tích, đo thể tích, đo theo định lý Pytago I, II.* *- Nhỏ gọn, bền chắc và độ chính xác cao.* *1 đổi 1 trong vòng 30 ngày nếu lỗi thuộc về nhà sản xuất* *Sản phẩm được bảo hành 06 tháng*
9	**Thước đo khoảng cách laser**	KNZ-100X	120*50* 25mm TL: 92g	**725.000**	798.000	1C/H	40C/T		
10	**Thước đo khoảng cách laser KNZ-80R**	KNZ-80R	120*50* 25mm TL: 92g	**1.080.000**	1.188.000	1C/H	40C/T		*Thước đo khoảng cách 80m* *-Tia laze xanh, độ chính xác cao (±2mm), có thể đo ngoài trời nắng* *-Chế độ tự động tắt màn hình giúp kéo dài tuổi thọ của pin* *- Lưu trữ đến 99 dữ liệu, với 5 chức năng* *-Có thể đo được cộng và trừ thể tích khoảng cách theo định lý Pitago* *1 đổi 1 trong vòng 30 ngày nếu lỗi thuộc về nhà sản xuất* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng*

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ

Ổ KHÓA

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
1	**Ổ khóa KYX**	KYX40	40mm	**90.000**	113.000	6c/H	72c/T		*Chất liệu khoá đồng 100%* *Mua 6 tặng 1*
2		KYX50	50mm	**130.000**	163.000	6c/H	72c/T		*Chất liệu khoá đồng 100%*
3		KYX60	60mm	**176.000**	220.000	6c/H	48c/T		*Chất liệu khoá đồng 100%* *Mua 6 tặng 1*
4	**Ổ khóa chống cắt KYG**	KYG70	70mm	**198.000**	248.000	6c/H	48c/T		*Chất liệu khoá đồng 100%* *Mua 6 tặng 1*
5		KYG80	80mm	**218.000**	273.000	6c/H	36c/T		
6	**Ổ khóa chống cắt KYS**	KYS60	60mm	**109.000**	136.000	6c/H	48c/T		*Chất liệu: Hợp kim chất lượng cao* *Chống cắt, khóa bấm*
7	**Ổ khóa chống cắt KYZ**	KYZ50	50mm	**152.000**	190.000	6c/H	48c/T		*Chất liệu: Đồng 100%* *Chống cắt, khóa bấm* *Mua 6 tặng 1*
8	**Ổ khóa chống cắt KYZ**	KYZ60	60mm	**209.000**	262.000	6c/H	36c/T		
9	**Ổ khóa KYV**	KYV40	40mm	**62.000**	77.000	6c/H	96c/T		*chất liệu khoá đồng 100%* *Mua 6 tặng 1*
10		KYV50	50mm	**73.000**	91.000	6c/H	72c/T		*chất liệu khoá đồng 100%*
11		KYV60	60mm	**83.000**	103.000	6c/H	48c/T		*chất liệu khoá đồng 100%*
12	**Ổ khóa KYT**	KYT40	40mm	**108.000**	135.000	6c/H	72c/T		*chất liệu khoá đồng 100%* *Mua 6 tặng 1*
13		KYT50	50mm	**141.000**	176.000	6c/H	48c/T		
14		KYT60	60mm	**182.000**	227.000	6c/H	36c/T		

KING BLUE®

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI KING BLUE
Trụ sở chính: 284/5 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
CN Miền Bắc: C16-NV5 ô số 1, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
CN Miền Trung: Đường Ngọc Hồi (Khu dân cư Thanh Lộc Đán), Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG BÁO GIÁ
ĐỒ NGHỀ KING BLUE

Website: www.kingblue.vn/email: kingblue.kd@gmail.com
CSKH: 0901 810 111 ADMIN: 0848 313 323

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
BÀN CẮT GẠCH									
1	**Bàn Cắt Gạch CG-800**	CG-800	800mm	**2.090.000**	2.178.000	1C/H	2C/T		*Sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Bản* *Chất liệu: thép hợp kim* *Kích thước: 800mm/1000mm* *Độ dày cắt: 6-17mm* *Công dụng: Cắt gạch thẳng và cắt gạch chéo* *Có thể cắt nhiều loại gạch lát nền, đá gốm, đá hoa cương.* *Trên khung có thước, tiện lợi cho việc đo đạc.*
2	**Bàn Cắt Gạch CG-1000**	CG-1000	1000mm	**2.420.000**	2.508.000	1C/H	2C/T		
3	**Bàn cắt gạch CG-1200**	CG-1200	Kích thước: 1200mm Cắt gạch độ dày: 6-16mm, dài 1200mm	**2.706.000**	2.805.000	1C/H	2C/T		*Chất liệu: Thép hợp kim* *Laser định vị đường cắt* *Sử dụng pin AAA* *Lưỡi dao tiêu chuẩn cắt đến 8.000m gạch* *Cắt gạch thẳng/chéo nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu suất.* *Trên khung có thước, tiện lợi cho việc đo đạc*
4	**Bàn cắt gạch cao cấp CGS-2400**	CGS-2400	Kích thước: 1200/2400mm Cắt gạch độ dày: 6-12mm, dài 20-1200-2400mm	**3.960.000**	4.048.000	1C/H	1C/T		*Chất liệu: Thép hợp kim siêu nhẹ* *Laser định vị đường cắt* *Sử dụng pin Li-on/cổng sạc: type C* *Lưỡi dao tiêu chuẩn cắt đến 50.000m gạch* *Cắt gạch thẳng/chéo nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu suất.* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 6 tháng*
BỘ LỤC GIÁC									
1	**Bộ lục giác bông - KL2**	KL2-09		**132.000**	158.000	6C/H	48C/T		*Đầu hoa thị , Thép S2 siêu cứng*
2	**Bộ lục giác bi - KL4**	KL4-09		**132.000**	165.000	6C/H	48C/T		*Đầu bi, Thép S2 siêu cứng*
3	**Bộ lục giác màu - KL6**	KL6-09	1.5 / 2.0 / 2.5 / 3.0 / 4.0 / 5.0 / 6.0 / 8.0 / 10mm	**167.000**	209.000	6C/H	48C/T		*Đầu bi , Thép S2 siêu cứng* *có bọc nhựa chống trơn trượt*
4	**Bộ lục giác KL7-09 (đầu bi)**	KL7-09	Kích cỡ: 1.5-10mm (size: 1.5 / 2 / 2.5 / 3 / 4 / 5 / 6 / 8 / 10mm).	**204.000**	270.000	6C/H	36C/T		*Chất liệu: Thép S2 cao cấp, có độ bền cao.* *Đầu bi giúp thao tác dễ dàng ở các góc nghiêng.* *Chống trượt.*
5	**Bộ lục giác KL9-09 (đầu hoa thị có lỗ)**	KL9-09	Kích cỡ: 1-5mm hoa thị có lỗ (size: 1 / 1.5 / 2 / 2.5 / 2.7 / 3 / 4 / 4.5 / 5mm).	**209.000**	275.000	6C/H	36C/T		*Chất liệu: Thép S2 cao cấp, có độ bền cao.* *Đầu lục giác hoa thị giúp thao tác dễ dàng ở các góc nghiêng. Có khả năng chống trượt, cân nặng 625g*
6	**Bộ lục giác KL5-09 (đầu bi)**	KL5-09	Kích cỡ: 1.5-10mm (size: 1.5 / 2 / 2.5 / 3 / 4 / 5 / 6 / 8 / 10mm).	**99.000**	132.000	6C/H	36C/T		*Chất liệu: Thép Cr-V* *Đầu bi: Dùng để thao tác ở các vị trí nghiêng/tầm khó với góc nghiêng đến 25°* *Chống trượt.*
7	**Bộ lục giác KL018**	KL018	9 đầu lục giác: 1.5/ 2.0/ 2.5/ 3.0/ 4.0/ 5.0/ 6.0/ 8.0/ 10mm 9 đầu hoa thị: T50, T45, T40, T30, T27, T25, T20, T15, T10	**361.000**	433.000	3C/H	24C/T		*Có đầu hoa thị và Đầu lục giác, Thép S2 siêu cứng (HRC 58-62)* *Mua 6 tặng 1*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
8	**Bộ lục giác gập KL-008**	KL-008	gồm 8 cây Các size lục giác:1.5/2/2.5/3/4/5/6/8mm	**95.000**	121.000	12C/H	72H/T		*Chất liệu: Thép Cr-V độ cứng cao, chống mài mòn* *Đầu lục giác chống trượt*
					THIẾT BỊ NÂNG HẠ				
1	**Tời điện nâng hạ KCR-200**	KCR-200	TL: 2kg	**9.600.000**		1C/H			*Thiết bị: Tời nâng hạ dùng máy khoan* *Tải trọng: 30 - 200kg* *Tỉ số truyền: 95:10* *Đường kính dây tời: 10 ~ 11 mm (Tiêu chuẩn EN1891A)* *Mô-men xoắn của máy khoan: 90~160 Nm (khuyến nghị sử dụng máy khoan không chổi than, không dùng chế độ búa)* *Tốc độ nâng/hạ: 0,2-0,5m/s* *Độ cao chống rơi: ≤ 1 m* *Nhiệt độ hoạt động: -15°C ~ 45°C* *Tuổi thọ sử dụng: 6 năm* *Bộ sản phẩm gồm: tời, móc khóa, 2 đầu nối máy khoan, hộp đựng*
2	**Tời điện nâng hạ KCS-200**	KCS-200	TL: 1.6kg	**14.600.000**		1C/H			*Thiết bị: Tời nâng hạ dùng máy khoan* *Đường kính dây tời: ø9.5 ~ 11 mm (Tiêu chuẩn EN1891A)* *Tải trọng tối đa: Dây ø9.5-10mm < 100kg* *Dây ø10.5-11mm < 200kg* *Tỉ số truyền: 8:1* *Mô-men xoắn máy khoan: 120-160 Nm (khuyến nghị máy khoan không chổi than, không sử dụng máy bắn vít)* *Tốc độ nâng/hạ: 0,2-0,5m/s* *Độ cao chống rơi: ≤ 1 m* *Phạm vi nhiệt độ hoạt động: -15°C ~ 45°C* *Bộ sản phẩm gồm: tời, móc khóa, 4 đầu nối máy khoan, hộp đựng*
3	**Tời điện nâng hạ KCS-200ULTRA**	KCS-200ULTRA	TL: 1.65kg	**15.800.000**		1C/H			*Thiết bị: Tời nâng hạ dùng máy khoan* *Đường kính dây tời: ø9.5 - 11 mm (Tiêu chuẩn EN1891A)* *Tải trọng tối đa: Dây ø9.5 - 10mm < 100kg* *Dây ø10.5 - 11mm < 200kg* *Tỉ số truyền: 8:1* *Mô-men xoắn của máy khoan: 120-160 Nm (khuyến nghị máy khoan không chổi than, không sử dụng máy bắn vít)* *Tốc độ nâng/hạ: 0,2-0,5m/s* *Độ cao chống rơi: ≤ 1 m* *Có khớp xoay đa dụng* *Nhiệt độ hoạt động: -15°C ~ 45°C* *Bộ sản phẩm gồm: tời, móc khóa, 4 đầu nối máy khoan , hộp đựng*
4	**Dây 10,5mm/100m**	10,5mm/100m	Kích thước dây tời: ø10.5mm - 1 cuộn dài 100m	**39.000**		mét			*Bán lẻ theo mét*
					DỤNG CỤ ĐIỆN LẠNH				
1	**Bộ lấy ốc gãy**	KBYT6	Ø3/6/8/11/14/18/25	**68.000**	86.000	6C/B	100B/T		*Chất liệu: Thép CRV* *dùng lấy ốc vít gãy có kích thước từ M3- M25*
2	**Mũi nong ống đồng KingBlue**	KB-1304	100*20mm Khối lượng:60g	**215.000**	230.000	48C/H	192C/T		*Chất liêu: Hợp kim nhôm cao cấp , gọn nhẹ dễ thao tác* *6 kích cỡ ống loe: 1/4", 5/16", 3/8",1/2"5/8", 3/4" (6-8-10-12-16-19)* *Có thanh trượt định vị ống loe* *Sử dụng để loe ống đồng bằng tay hoặc bằng máy khoan , máy vặn vít (chuôi lục giác 1/4)*
3	**Dụng cụ vát mép (ba via) ống đồng KingBlue**	KB-1301	140*28mm Khối lượng: 55g	**135.000**	150.000	20C/H	80C/T		*Chất liệu: cán được làm từ nhựa bọc cao su bền bỉ* *Lưỡi dao mạ cobalt giúp tăng độ bén và bền* *Dùng để nạo ba via ống đồng, nhôm, nhựa* *Kèm 1 lưỡi dao thay thế*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
34	**Bộ cờ lê lực H03LT1722 gồm đầu 17mm và 22mm**	KLC17/22	KLC17: Momen xoắn/ Độ mở: 18Nm/17mm TL: 0.41kg KLC22 Momen xoắn/ Độ mở: 42Nm/22mm TL: 0.45kg	**1.990.000**	2.060.000	1B/H	10C/T		*Xuất xứ Đài Loan* *Chất liệu: Thép hợp kim cao cấp* *Bộ sản phẩm gồm: Hộp nhựa, cờ lê* *Momen xoắn/Độ mở:* *Độ chính xác: ± 4%* *Ứng dụng: Dùng để siết rắc co trong ngành điện lạnh, giúp hạn chế việc quá lực gây cháy ren*
35	**Cờ lê lực 17mm**	KLC17	Momen xoắn/ Độ mở: 18Nm/17mm TL: 0.38kg	**990.000**	1.040.000	1C/H	20C/T		
36	**Cờ lê lực 22mm**	KLC22	Momen xoắn/ Độ mở: 42Nm/22mm TL: 0.41kg	**1.040.000**	1.100.000	1C/H	20C/T		
37	**Cờ lê lực 24mm**	KLC24	Momen xoắn/ Độ mở: 55Nm/24mm TL: 0.60kg	**1.100.000**	1.180.000	1C/H	20C/T		
38	**Cờ lê lực 26mm**	KLC26	Momen xoắn/ Độ mở: 55Nm/26mm TL: 0.62kg	**1.200.000**	1.280.000	1C/H	20C/T		
39	**Cờ lê lực thao tác nhanh 17mm**	KLC17H	Momen xoắn/ Độ mở: 18Nm/17mm TL: 0.41kg	**1.600.000**	1.660.000	1C/H	20C/T		*Xuất xứ Đài Loan* *Chất liệu: Thép hợp kim cao cấp* *Bộ sản phẩm gồm: Hộp nhựa, cờ lê* *Momen xoắn/Độ mở:* *Độ chính xác: ± 4%* *Ứng dụng: Dùng để siết rắc co trong ngành điện lạnh, giúp hạn chế việc quá lực gây cháy ren*
40	**Cờ lê lực thao tác nhanh 22mm**	KLC22H	Momen xoắn/ Độ mở: 42Nm/22mm TL: 0.45kg	**1.700.000**	1.760.000	1C/H	20C/T		
41	**Cờ lê lực thao tác nhanh 24mm**	KLC24H	Momen xoắn/ Độ mở: 55Nm/24mm TL: 0.47kg	**1.800.000**	1.860.000	1C/H	20C/T		
42	**Cờ lê lực thao tác nhanh 26mm**	KLC26H	Momen xoắn/ Độ mở: 55Nm/26mm TL: 0.55kg	**1.900.000**	1.960.000	1C/H	20C/T		
				BÚT THỬ ĐIỆN					
1	**Bút thử điện KIC140**	KIC140		**14.000**	20.000	30C/H	480C/T		*Mua 6 tặng 1*
2	**Bút thử điện KID160**	KID160		**43.000**	61.000	24C/H	240C/T		*Bút thử điện điện tử* *Dải đo điện áp: 12V-250V* *Màn hình kép,LCD và đèn(hiển thị số)* *Mua 6 tặng 1*
3	**Bút thử điện KIE154**	KIE154		**61.000**	81.000	12C/H	96C/T		*Bút thử điện cảm ứng*
4	**Bút thử điện KIF160**	KIF160		**121.000**	157.000	12C/H	96C/T		*Dải điện áp: 12-1000v và 48-1000v* *Tần số: 50hz/ 60hz* *Đèn và âm thanh: có* *Tự động tắt máy: có* *Độ nhạy: 3 chế độ* *Cấp độ an toàn: CE CAT III1000V/CAT IV 600V* *Nhiệt độ hoạt động: 0 đến 40 độ* *Nhiệt độ bảo quản: -10 đến 50 độ* *Pin: AAA 2x1.5V* *Mua 6 tặng 1*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
BỘ BƠM LỐP KÍCH BÌNH									
1	**Bộ bơm lốp, kích bình đa năng K10000**	K10000	Kích thước: 112*212*62mm TL: 1.019 kg	**1.500.000**	1.580.000	1C/H	8C/T		*Dung lượng pin: 10.000 mAh* *Áp suất khí nén tối đa: 150 psi* *Điện áp vào: 5V/3A 9V/2A* *Điện áp ra: USB 1: 5V/3A 9V/2A 12V/1,5A USB 2: 5V/3A* *Độ chính xác của áp suất lốp: ± 0.1BAR* *Thời gian sạc: 4-5 giờ-thời gian bơm đầy lốp: 5 phút* *Nhiệt độ làm việc: -20ºC~60ºC* *Chức năng: Kích bình điện ô tô, bơm lốp, sạc dự phòng, đèn led, đèn cảnh báo* *Phụ kiện đi kèm: Hộp đựng bằng vải dù, dây kích bình, vòi bơm lốp, đầu bơm đa năng, dây sạc, hướng dẫn sử dụng.* *Sản phẩm được bảo hành 12 tháng*
CẢO									
1	**Cảo chữ F**	KFC8.150	80*150mm	**210.000**	252.000	4C/H	24C/T		*Cảo F đúc liền khối, tay bọc nhựa , thân dày 0,75x1,55 cm, chất liệu thép cacbon mạ crom* *Mua 6 tặng 1*
2		KFC8.200	80*200mm	**222.000**	266.000	4C/H	24C/T		
3		KFC8.250	80*250mm	**233.000**	279.000	4C/H	24C/T		
4		KFC8.300	80*300mm	**245.000**	295.000	4C/H	24C/T		
5		KFC8.450	80*450mm	**262.000**	315.000	4C/H	24C/T		
6	**Cảo chữ F**	KFC12.300	120*300mm	**455.000**	547.000	4C/H	16C/T		*Cảo F đúc liền khối, thân dày 1,6x2,2 cm, chất liệu thép cacbon cao cấp mạ crom* *Mua 6 tặng 1*
7		KFC12.400	120*400mm	**490.000**	587.000	4C/H	16C/T		
8		KFC12.500	120*500mm	**525.000**	629.000	4C/H	8C/T		
9		KFC12.600	120*600mm	**572.000**	686.000	4C/H	8C/T		
10	**Cảo nhanh chữ F**	KFCN10.200	100*200mm	**606.000**	727.000	2C/H	20C/T		*Cảo F nhanh , thân dày 0,95x1,95cm , chất liệu thép cabon cao cấp mạ crom* *Mua 6 tặng 1*
11		KFCN10.300	100*300mm	**641.000**	770.000	2C/H	20C/T		
12		KFCN10.400	100*400mm	**700.000**	839.000	2C/H	10C/T		
13	**Cảo chữ C**	KCC2	2"	**68.000**	81.000	12C/H	120C/T		*Thân làm bằng thép dẻo có độ bền cao, bulon làm bằng thép photpho đen.* *Mua 6 tặng 1*
14		KCC3	3"	**99.000**	119.000	12C/H	48C/T		
15		KCC4	4"	**132.000**	158.000	12C/H	36C/T		
16		KCC5	5"	**163.000**	196.000	6C/H	24C/T		
17		KCC6	6"	**204.000**	244.000	6C/H	24C/T		
18	**Cảo 2 chấu**	K2C3	3"	**198.000**	238.000	1C/H	60C/T		*Thép carbon* *Mua 6 tặng 1*
19		K2C4	4"	**264.000**	317.000	1C/H	40C/T		
20		K2C6	6"	**407.000**	488.000	1C/H	20C/T		
21		K2C8	8"	**671.000**	805.000	1C/H	10C/T		
22	**Cảo 3 chấu**	K3C3	3"	**229.000**	275.000	1C/H	40C/T		*Thép carbon* *Mua 6 tặng 1*
23		K3C4	4"	**275.000**	330.000	1C/H	20C/T		
24		K3C6	6"	**385.000**	462.000	1C/H	20C/T		
25		K3C8	8"	**655.000**	785.000	1C/H	10C/T		
CẦN SIẾT									
1	**Cần siết tự động 1/2 (72 răng)**	KLG-01	1/2"	**160.000**	191.000	6C/H	24C/T		*Thép thép CR-V siêu cứng, chịu lực, chịu nhiệt tốt, không rỉ.* *Mua 6 tặng 1*
2	**Cần siết lực (cần nổ)**	KLC-01	465mm	**655.000**	785.000	1C/H	10C/T		*1/2" . 20-150FT/LB . - IB / 27,1-203,5Nm .* *độ chính xác +_4%* *Thép CR-V* *Mua 6 tặng 1*
3	**Cần siết tự động đa năng 8 in 1**	KGX-08	8,10,12 13,14,1,19,21	**319.000**	383.000	4C/H	24C/T		*- Thép CR-V siêu cứng, chịu lực, chịu nhiệt tốt, không rỉ* *- Mỗi đầu cần có cần gạt đổi chiều vặn tùy nhu cầu sử dụng* *Mua 6 tặng 1*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
CỜ LÊ									
1	Cờ lê vòng miệng	KH1-08	8mm	**21.000**	30.000	10C/H	200C/T		*Thép Carbon mạ crom* *Mua 6 tặng 1*
2		KH1-10	10mm	**24.000**	34.000	10C/H	200C/T		
3		KH1-12	12mm	**26.000**	37.000	10C/H	200C/T		
4		KH1-13	13mm	**28.000**	39.000	10C/H	200C/T		
5		KH1-14	14mm	**30.000**	42.000	10C/H	200C/T		
6		KH1-17	17mm	**40.000**	55.000	10C/H	100C/T		
7		KH1-19	19mm	**44.000**	62.000	10C/H	100C/T		
8		KH1-21	21mm	**57.000**	80.000	5C/H	50C/T		
9		KH1-22	22mm	**59.000**	84.000	5C/H	50C/T		
10		KH1-24	24mm	**76.000**	107.000	5C/H	50C/T		
11		KH1-27	27mm	**92.000**	130.000	5C/H	50C/T		
12		KH1-30	30mm	**103.000**	145.000	5C/H	20C/T		
13		KH1-32	32mm	**119.000**	166.000	5C/H	20C/T		
14	Cờ lê vòng miệng	KH2-08	8mm	**26.000**	37.000	10C/H	300C/T		*Thép CR-v* *Tiêu chuẩn DIN3113* *Mua 6 tặng 1*
15		KH2-10	10mm	**30.000**	42.000	10C/H	250C/T		
16		KH2-12	12mm	**34.000**	47.000	10C/H	250C/T		
17		KH2-13	13mm	**35.000**	50.000	10C/H	200C/T		
18		KH2-14	14mm	**42.000**	58.000	10C/H	250C/T		
19		KH2-17	17mm	**48.000**	68.000	10C/H	100C/T		
20		KH2-19	19mm	**58.000**	81.000	5C/H	100C/T		
21		KH2-22	22mm	**86.000**	120.000	5C/H	50C/T		
22		KH2-24	24mm	**97.000**	135.000	5C/H	50C/T		
23		KH2-27	27mm	**128.000**	178.000	5C/H	50C/T		
24	Cờ lê vòng miệng tự động	KH3-08	8mm	**54.000**	76.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v* *Càng cua đảo chiều* *Mua 6 tặng 1*
25		KH3-10	10mm	**62.000**	86.000	10C/H	200C/T		
26		KH3-12	12mm	**70.000**	99.000	10C/H	200C/T		
27		KH3-13	13mm	**75.000**	105.000	10C/H	200C/T		
28		KH3-14	14mm	**79.000**	111.000	10C/H	100C/T		
29		KH3-17	17mm	**97.000**	135.000	5C/H	100C/T		
30		KH3-19	19mm	**108.000**	151.000	5C/H	100C/T		
31	Bộ cờ lê vòng miệng	KH1-B10	8,10,12,13,14,17 ,19,21,22,24mm	**435.000**	521.000	1B/H	10B/T		*Thép Carbon mạ crom*
32	Bộ cờ lê vòng miệng	KH2B9	8,10,12,13,14 17,19,22,24mm	**572.000**	686.000	9C/B			*Thép CR-v* *Tiêu chuẩn 3113*
33	Bộ cờ lê vòng miệng tự động	KH3B7	8,10,12,13 14,17,19mm	**616.000**	739.000	7C/B			*Thép CR-v*
CÔNG CỤ ĐÓNG ĐINH BẮN TỰ ĐỘNG									
1	Công cụ đóng đinh bắn tự động	KB-ST18		**242.000**	303.000	1C/H	50C/T		*Chất liệu: hợp kim nhôm dày.* *Sử dụng cho các đinh Φ 2.2mm, dài 15mm hoặc 18mm.*
DAO RỌC GIẤY									
1	Dao rọc giấy	KJH-01	0.5*18*100mm	**21.000**	30.000	24C/H	144C/T		*Thân nhựa ABS* *01 Lưỡi dao SK4 Japan*
2		KJH-02	0.5*18*100mm	**31.000**	43.000	24C/H	144C/T		*Thân nhựa ABS* *02 Lưỡi dao SK4 Japan* *Mua 6 tặng 1*
3	Dao rọc giấy bản nhỏ	KJH-A1	9mm	**10.500**	15.000	24C/H	288C/T		*Thép SK4 Japan* *Mua 6 tặng 1*
4		KJH-A2	9mm	**18.000**	24.000	24C/H	288C/T		*Thép SK4 Japan* *Thân bọc nhựa ABS*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
5	Dao rọc cáp đa năng	KJH-04	0.61*19*59mm	121.000	164.000	6C/H	72C/T		*Lưỡi dao thép SK4 Japan* *gồm 02 lưỡi phụ* *Mua 6 tặng 1*
6		KJH-05	0.61*19*59mm	119.000	161.000	6C/H	72C/T		*Thân hợp kim mạ chống ghỉ sét* *Lưỡi dao thép SK2 Japan* *gồm 03 lưỡi phụ* *Mua 6 tặng 1*
7		KJH-06	0.61*19*59mm	171.000	196.000	8C/H	48C/T		*Lưỡi dao thép SK4 Japan* *gồm 02 lưỡi phụ* *Dao có 3 chế độ: dao rọc tiêu chuẩn, dao cạo, dao cắt góc vuông*
8	Lưỡi dao rọc giấy	JH-100	0.5*18*100mm	292.000	408.000	20Vi/H	320V/T		*Lưỡi dao thép SK4 Japan* *Mua 6 tặng 1* *(Giá bán theo hộp)*
9		JH-59	0.61*19*59mm	292.000	408.000	20Vi/H	320V/T		
10		JH-80	0.35*9*80mm	242.000	339.000	20Vi/H	400V/T		
11	Lưỡi dao rọc cáp đa năng	JH-06	0,61*19*58mm	22.000	33.000	20Vi/H	200V/T		*Chất liệu: Thép SK4 cao cấp, bền bỉ* **sử dụng cho dao rọc KJH04, KJH05, KJH06* *(Giá bán theo vỉ)*
ĐỒNG HỒ VẠN NĂNG									
1	Đồng hồ kẹp dòng vạn năng	KIG-600	243*88*43mm Kích thước mở miệng: ~45mm TL: 321g (bao gồm cả pin)	585.000	673.000	1C/H	30C/T		*Chế độ hiển thị: Màn hình LCD* *Hiển thị tối đa: 1999 (2000 đếm)* *Tốc độ lấy mẫu: 3 lần/giây* *Tự động tắt: 15 phút* *Nguồn điện: 1.5 AAAx2Pcs* *Môi trường làm việc: (0~40)C, độ ẩm <70%RH* *Phụ kiện gồm: 1 sách hướng dẫn/1 túi đựng máy 1 dây đo/ 2 pin 1.5V* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng* *Mua 6 tặng 1*
2	Đồng hồ vạn năng điện tử	KIW-600	195(C)*94 (R)*54(D)mm TL: 335g (bao gồm cả pin)	320.000	368.000	1C/H	30C/T		*Hiển thị tối đa: 1999 (2000 đếm)* *Tốc độ lấy mẫu: 3 lần /giây* *Tự động tắt: 15 phút* *Chỉ báo quá khoảng đo: CV* *Hệ số nhiệt độ: 0.ls (độ chính xác)/1° C* *Môi trường làm việc: (0~40)C, độ ẩm <75%RH* *Độ cao hoạt động: 2000m* *Loại pin: 1.5V AAAx1PCS* *An toàn/tuân thủ: CAT ll 600V* *Phụ kiện gồm: 1 sách hướng dẫn/1 dây đo/ 2 pin 1.5V* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng* *Mua 6 tặng 1*
HÍT KÍNH									
1	Hít Kính	HK1-50	đường kính cao su: 125mm	182.000	226.000	1C/H	40/T		*Sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Bản* *Chất liệu thân: hợp kim nhôm cao cấp* *Chất liệu tấm hít :cao su NBR* *Lực hút dọc: 50kgs* *Đường kính cao su 125mm* *Công dụng: Hít kính, gạch, đá,... hít các bề mặt phẳng.*
2		HK2-130	đường kính cao su: 118mm	308.000	370.000	1C/H	20C/T		*Sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Bản* *Chất liệu thân: hợp kim nhôm cao cấp* *Chất liệu tấm hít: cao su NBR* *Lực hút dọc: 130kgs* *Đường kính cao su 118mmx2* *Công dụng: Hít kính, gạch, đá,... hít các bề mặt phẳng.*
3	Hít kính căn chỉnh mạch gạch	HK2-118	đường kính cốc hút: 118mm	438.000	505.000	1C/H	20C/T		*Chất liệu cao su: Buna-N tuổi thọ 2 năm* *Chất liệu tay cầm: Nhôm cao cấp có ren vặn căn chỉnh* *Lực hút dọc: 100 kg*
4	Hít kính điện tử	HKE-200	đường kính cốc hút: 200mm	583.000	671.000	1C/H	10C/T		*Chất liệu cao su: Buna-N tuổi thọ 2 năm* *Chất liệu tay cầm: Nhựa cao cấp ABS* *Lực hút dọc: 140 kg* *Màn hình điện tử kỹ thuật số* *Máy bom không khí tự động và đồng hồ đo áp suất* *Cáp sạc: type C* *Điện áp: 3.7V* *Sản phẩm được bảo hành chính hãng 6 tháng*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
KÍCH NÂNG GẠCH									
1	**Kích nâng gạch**	NG107	1-7cm	**105.000**	136.000	1C/H	40C/T		*Thép hợp kim có độ bền cao* *Mua 6 tặng 1*
KÉO									
1	**Kéo cắt ống**	KPC-132	3-32mm	**101.000**	132.000	12C/H	72C/T		*Nhôm đúc cao cấp* *Lưỡi dao thép SK5 Nhật Bản* *Mua 6 tặng 1*
2		KPC-042 (NEW)	chiều dài kéo: 215mm Phạm vi cắt: 3 - 42mm	**106.000**	132.000	10C/H	60C/T		*Cán hợp kim nhôm* *Lưỡi thép Không gỉ* *Chuyên cắt ống PVC, PPR, PE, PEX và các loại ống nhựa khác.*
3		KPC-142 (NEW)	chiều dài kéo: 194mm Phạm vi cắt: 3 - 42mm	**134.000**	168.000	6C/H	48C/T		
4		KPC-242	42mm	**172.000**	215.000	6C/H	24C/T		*Cán hợp kim nhôm* *Lưỡi thép Không gỉ* *Mua 6 tặng 1*
5		KPC-164	64mm	**262.000**	328.000	6C/H	24C/T		*Cán hợp kim nhôm* *Lưỡi SK5* *Mua 6 tặng 1*
6	**Dao cắt ống kim loại**	KPG-032	Phạm vi cắt: 4 - 32mm (1/8" - 1 1/4")	**259.000**	303.000	4C/H	32C/T		*Chất liệu lưỡi dao: Thép SKD11 độ cứng cao, khả năng chịu mài mòn tốt.* *Độ cứng lưỡi dao: 58-61 HRC độ bền cao* *Chất liệu tay cầm: Hợp kim nhôm cao cấp* *Dao cắt được các vật liệu: PVC, PPR, PE, PEX, PU (ống nhựa), nhôm (Al), đồng (Cu)*
7	**Dao cắt ống đồng**	KPG-022	Tổng chiều dài: 50,8m Cắt được vật liệu dày: 3-22mm	**286.000**	319.000	1C/vi 25C/H	100C/T		*Made in Taiwan* *Vật liệu lưỡi dao: Thép SUJ2 độ bền cao* *Vật liệu tay cầm: Hợp kim kẽm* *Có thể cắt các vật liệu: Đồng, đồng thau, nhôm, PVC,...*
8		KPG-042	42mm	**216.000**	270.000	6C/H	24C/T		*Nhôm nguyên khối* *Đường kính cắt 1/4" đến 1-5/8", Có kèm 1 lưỡi phụ* *Mua 6 tặng 1*
9	**Kéo cắt góc nẹp điện**	KPQ-32	35mm	**163.000**	204.000	8C/H	32C/T		*hợp kim thép không gỉ* *lưỡi thép SK5 Nhật Bản* *Mua 6 tặng 1*
10	**Kéo cắt tole**	KCT-250	10"	**105.000**	131.000	6C/H	36C/T	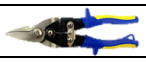	*Cán thép carbon bọc nhựa,* *lưỡi thép CrMo*
11		KDT-250	10"	**116.000**	144.000	6C/H	36C/T		*Thép carbon*
12		KDT-300	12"	**143.000**	179.000	6C/H	30C/T		*Thép carbon* *Mua 6 tặng 1*
13		KET-250S	10"	**108.000**	135.000	6C/H	36C/T		*Thép carbon* *Mua 6 tặng 1*
14		KET-300S	12"	**132.000**	165.000	6C/H	36C/T		
KÌM									
1	**Kìm chết**	KS1-250	10" độ mở: 33mm	**132.000**	165.000	6C/H	36C/T		*Thép Cr- Mo* *(Cờ-rôm Mô-líp-đen)* *có khả năng chống va đập, sức mạnh và độ dẻo dai tuyệt vời*
2		KS2-250	10" độ mở: 48mm	**149.000**	186.000	6C/H	36C/T		*Thép Cr-Mo* *Cán bọc nhựa chống trượt*
3		KS4-260	10" độ mở: 100mm	**270.000**	337.000	6C/H	36C/T		*Thép CRV* *Mỏ cong có điều chỉnh 4 độ mở*
4	**Kìm chết mỏ nhọn**	KS-216	8.5" độ mở: 75mm	**132.000**	165.000	6C/H	48C/T		*Thép Crv* *Độ mở max 70mm* *Mua 6 tặng 1*
5	**Kìm chết ngàm rộng**	KS-264	10" độ mở: 200mm	**352.000**	440.000	1C/H	12C/T		*Thép Carbon*
6	**Kìm chết mỏ dẹt**	KS5-254	10"-254mm	**176.000**	220.000	2C/H	16C/T		*Chất liệu : Thép CVR* *Kích cỡ: 10"-254mm* *Công dụng: Dùng để kẹp tấm kim loại* *Mua 6 tặng 1*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
7	**Kìm chết chữ C**	KS3-208	11"-208mm	**132.000**	165.000	6C/H	24C/T		*Thép carbon*
8	**Kìm chết chữ C ngàm rộng**	KS3-305	12"-305mm	**352.000**	440.000	2C/H	12C/T		*Độ mở rộng: 30.5cm* *Chất liệu: Thép carbon* *Công dụng: Dùng để kẹp, cảo tấm kim loại, gỗ, đá…* *Mua 6 tặng 1*
9	**Kìm cộng lực mini**	KCL200	8"	**116.000**	144.000	6C/H	48C/T		*Thép Cr-Mo* *Mua 6 tặng 1*
10		KCL200 PRO	8"	**209.000**	262.000	6C/H	48C/T		
11	**Kìm cộng lực**	KCL-350	14"	**253.000**	304.000	1C/H	20C/T		*Thép Cr-Mo* *Mua 6 tặng 1*
12		KCL-450	18"	**319.000**	383.000	1C/H	10C/T		
13		KCL-750	30"	**622.000**	746.000	1C/H	5C/T		
14		KCL-900	36"	**858.000**	1.030.000	1C/H	4C/T		
15		KCL-1050	42"	**1.232.000**	1.478.000	1C/H	2C/T		*Thép Cr-Mo*
16	**Kìm rút đinh**	KJ-103	10.5"(2.4,3.2,4.0, 4.8mm)	**94.000**	117.000	6C/H	36C/T		*Thân thép , cán bọc nhựa PVC*
17	**Kìm rút đinh rút trợ lực**	KJ-104	8"(2.4,3.2,4.0,4.8 mm)	**204.000**	254.000	6C/H	36C/T		*Thân nhôm(Al), Cán bọc nhựa PVC*
18	**Kìm rút đinh rút**	KJ-105	10.5"(2.4,3.2,4.0, 4.8mm)	**154.000**	193.000	6C/H	36C/T		*Thân nhôm(Al), Cán bọc nhựa PVC*
19	**Kìm bắn đinh rút**	KJ-105B	10.5"(2.4,3.2,4.0, 4.8mm)	**109.000**	136.000	9C/H	36C/T		*Cán Thép* *Mua 6 tặng 1*
20	**Kìm rút đinh công nghiệp**	KJ-230	3/32"-2.4mm 1/8"-3.2mm 5/32"-4.0mm 3/16"-4.8mm 1/4"-6.4mm	**249.000**	311.000	1C/H	12C/T		*Thân thép , cán bọc nhựa PVC* *Mua 6 tặng 1*
21	**Kìm tuốt dây đa năng**	KND180	7"-180mm	**127.000**	158.000	6C/H	60C/T		*Thép CR-v* *Mua 6 tặng 1*
22		KND205	8"-205mm	**160.000**	199.000	10C/H	40C/T		*Thép A3, cán bọc nhựa PP&TPR độ bền và đàn hồi cao* *Mua 6 tặng 1*
23	**Kìm cắt tuốt đa năng 5 in 1**	KND200		**72.000**	89.000	10C/H	50C/T		*Thép 50# / tay cầm bọc nhựa TPR* *Tuốt vỏ dây điện: 0.5-6.0mm².* *Cắt dây điện: m2.6, m3, m3.5, m4.0, m5.0.*
24	**Kìm cắt chân mạch đa năng**	KND150		**64.000**	80.000	10C/H	50C/T		*Thép 65MN / tay cầm bọc nhựa TPR* *Size từ 0.8-2.6mm²/AWG 10-20.* *Mua 6 tặng 1*
25	**Kìm bấm Cos vuông**	KND185		**182.000**	227.000	10C/H	40C/T		*Thép 45# / tay cầm bọc nhựa PP&TPR* *Phạm vi bấm cos:* *0.25-10mm²/AWG23-7* *Mua 6 tặng 1*
26	**Kìm điện**	KC1-06	6" Đường kính cắt: dây thép Φ 2.2/dây đồng Φ3.0	**97.000**	121.000	6C/H	60C/T		*Tiết kiệm 40% lực* *Chất liệu thép CR-V cao cấp* *Tay cầm bọc cao su TPR Tri color thiết kế công thái học* *Mua 6 tặng 1*
27		KC1-180	7"	**94.000**	117.000	12C/H	72C/T		*Thép CR-v* *Hết hàng sẽ bỏ mẫu*
28		KC1-08	8"	**109.000**	132.000	6C/H	60/T	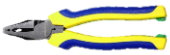	*Thép CR-v* *Mua 6 tặng 1*
29	**Kìm điện đa năng**	KC1-09	9"	**127.000**	167.000	6C/H	60C/T		*Chất liệu thép CR-V cao cấp* *Tay cầm bọc cao su TPR Tri color thiết kế công thái học mang lại cảm giác cầm nắm thoải mái, chống trượt, cách điện* *Công dụng: kẹp giữ, uốn, tuốt, bấm cos, cắt dây điện,…*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
30	**Kìm nhọn**	KC2-150	6"	**91.000**	114.000	12C/H	72C/T		*Thép CR-v* *Mua 6 tặng 1*
31	**Kìm mỏ nhọn đa năng**	KC2-09	9"	**127.000**	167.000	6C/H	60C/T		*Chất liệu thép CR-V cao cấp* *Tay cầm bọc cao su TPR Tri color thiết kế công thái học mang lại cảm giác cầm nắm thoải mái, chống trượt, cách điện* *Công dụng: kẹp giữ, uốn, tuốt, bấm cos, cắt dây điện,…*
32	**Kìm cắt**	KC3-150	6"	**91.000**	114.000	12C/H	72C/T		*Thép CR-v* *Mua 6 tặng 1*
33		KC3-180	7"	**94.000**	117.000	12C/H	72C/T		*Thép CR-v*
34	**Kìm cắt đa năng**	KC3-09	9" Đường kính cắt: dây thép Φ 2.2/dây đồng Φ3.0	**127.000**	167.000	6C/H	60C/T		*Chất liệu thép CR-V cao cấp* *Tay cầm bọc cao su TPR Tri color thiết kế công thái học giúp cầm nắm thoải mái, chống trượt, cách điện* *Công dụng: chuyên cắt, tuốt dây điện…*
35	**Kìm hàn**	KCH-300	300A	**77.000**	97.000		40C/T		*Dòng điện định mức: 300-500A* *-Chiều dài: 20.5cm* *-Trọng lượng:280g* *-Loại que hàn: 2.5mm-4.0mm*
36		KCH-600	600A	**99.000**	124.000		40C/T		*Dòng điện định mức: 600-800A* *-Chiều dài: 24cm* *-Trọng lượng: 440g* *-Loại que hàn: 2.5mm-4.0mm*
37		KCH-800	800A	**127.000**	158.000	10C/H	30C/T		*Dòng điện định mức: 800-1000A* *-Chiều dài: 29.5cm* *-Trọng lượng:550g* *-Loại que hàn: 2.5mm-5.0mm*
38	**Kìm mỏ quạ thép CR-V**	KC4-250	10"	**152.000**	190.000	6C/H	48C/T		*Thép CR-v bền bỉ* *Thanh chỉnh độ mở tự động* *Mua 6 tặng 1*
39		KC4-300	12"	**193.000**	241.000	6C/H	36C/T		
40	**Kìm thẳng phe trong**	KCA 180	7"	**61.000**	76.000	12C/H	72C/T		*Thép carbon*
41	**Kìm thẳng phe ngoài**	KCB 180	7"	**61.000**	76.000	12C/H	72C/T		
42	**Kìm cong phe trong**	KCD 180	7"	**61.000**	76.000	12C/H	72C/T		
43	**Kìm cong phe ngoài**	KCE 180	7"	**61.000**	76.000	12C/H	72C/T		
				MỎ LẾT					
1	**Mỏ lết KD1**	KD1-200	8"-200mm	**86.000**	108.000	6C/H	60C/T		*Thép carbon* *Tay bọc* *Mua 6 tặng 1*
2		KD1-250	10"-250mm	**121.000**	152.000	6C/H	48C/T		
3		KD1-300	12"-300mm	**165.000**	207.000	3C/H	24C/T		
4	**Mỏ lết KD2**	KD2-200	8"-200mm	**86.000**	108.000	6C/H	60C/T		*Thép carbon* *Cán xi mờ lỗ vuông* *Mua 6 tặng 1*
5		KD2-250	10"-250mm	**127.000**	158.000	6C/H	48C/T		
6		KD2-300	12"-300mm	**165.000**	207.000	6C/H	24C/T		
7		KD2-375	15'-375mm	**286.000**	358.000	2C/H	16C/T		
8	**Mỏ lết KD5**	KD5-150	6"-150mm	**149.000**	186.000	6C/H	72C/T		*Thép CRV- Hàng công nghiệp* *Tay bọc cao su mềm* *Mua 6 tặng 1*
9		KD5-200	8"-200mm	**193.000**	241.000	6C/H	48C/T		
10		KD5-250	10"-250mm	**292.000**	364.000	6C/H	36C/T		
11		KD5-300	12"-300mm	**413.000**	516.000	4C/H	24C/T		
12	**Mỏ lết đa năng**	KD3-200	8"-200mm	**108.000**	135.000	6C/H	60C/T		*Thép Carbon* *Tay bọc cao su mềm* *Mua 6 tặng 1*
13		KD3-250	10"-250mm	**163.000**	204.000	6C/H	48C/T		
14		KD3-300	12"-300mm	**204.000**	254.000	6C/H	24C/T		
15	**Mỏ lết răng**	KW-300	12"-300mm	**141.000**	176.000	6C/H	36C/T		*Thân thép carbon , mỏ vặn thép CR-MO* *Mua 6 tặng 1*
16		KW-350	14"-350mm	**174.000**	218.000	4C/H	24C/T		
17		KW-450	18"-450mm	**248.000**	309.000	4C/H	16C/T		
18		KW-600	24"-600mm	**352.000**	440.000	2C/H	10C/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
MỎ HÀN THIẾC									
1	**Mỏ hàn thiếc**	KUC40	40W	**121.000**	157.000	10C/H	80C/T		*Mua 6 tặng 1*
2		KUC60	60W	**132.000**	172.000	10C/H	80C/T		
3		KUC80	80W	**154.000**	200.000	10C/H	80C/T		
SÚNG BẮN GHIM									
1	**Súng bắn ghim**	KF-101		**127.000**	158.000	10C/H	40C/T		*Đinh dày 0.7mm* *Cỡ ghim 16/6-16/8*
2		KF-103		**143.000**	179.000	6C/H	24C/T		*3 chức năng , đinh dày 1.2mm* *Mua 6 tặng 1*
3		KF-201	TL: 200g	**121.000**	154.000	12C/H	72C/T		*Chất liệu: Vỏ kết hợp thép cao cấp + nhựa siêu bền* *Ghim 16/6 và 16/8 (bản đinh rộng 0.7mm)* *Ứng dụng: Bấm ghim giấy, vải, gỗ mỏng, trang trí nội thất, đóng thùng carton…* **kèm 2 thanh ghim*
4		KF-301		**242.000**	303.000	6C/H	18C/T		*Chất liệu: Nhựa ABS cao cấp* *Sử dụng : tiết kiệm 40% lực, dùng đinh 13/6- 16/6-16/8, bản đinh rộng 0.7mm* *Xuất xứ: Đài Loan* *Mua 6 tặng 1*
5	**Ghim KFG**	KFG-1.2/8/11.3	1.2/8/11.3	**52.000**	73.000	1 Hộp 5000pcs	25C/T	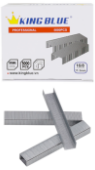	*Dùng cho KF 103* *Mua 6 tặng 1*
6		KFG-13/6	0.7/6/10.6	**26.000**	37.000	1 Hộp 5000pcs	50C/T		*Dùng cho KF 101* *Mua 6 tặng 1*
7		KFG-16/6	0.7/6/11.3	**27.000**	37.000	1 Hộp 5000pcs	50C/T		
8		KFG-16/8	0.7/8/11.3	**31.000**	43.000	1 Hộp 5000pcs	40C/T		
SÚNG BẮN KEO NẾN									
1	**Súng bắn keo nến**	KAC100		**149.000**	186.000	12C/H	48C/T		*-Chất liệu thân: nhựa nguyên sinh, lõi bằng sứ làm nóng keo nhanh chóng* *-Đầu xịt keo được làm bằng đồng* *-Chống chảy keo* *-Điện áp sử dụng: 100v-240v* *-Công suất: 100W* *-Thời gian làm nóng: 2 phút* *Mua 10 tặng 2*
2		KAC20		**87.000**	109.000	16C/H	64C/T		*-Chất liệu thân: nhựa nguyên sinh, lõi bằng sứ làm nóng keo nhanh chóng* *-Đầu xịt keo được làm bằng hợp kim nhôm* *-Chống chảy keo* *-Điện áp sử dụng: 100v-240v* *-Công suất: 20W* *-Thời gian làm nóng: 1 phút 30 giây* *Mua 10 tặng 2*
KHÒ GAS									
1	**Dụng cụ khò gas mini**	K54M	11.5*3*150mm TL: 161g	**209.000**	264.000	1C/H	50C/T		*Chất liệu: Nhựa cao cấp, hợp kim kẽm* *Nhiệt độ ngọn lửa: 2327 độ F* *Mua 10 tặng 1*
2	**Đầu khò gas**	K49M	111*51*222mm TL: 125.5g Kích thước đầu: 28mm	**154.000**	193.000	10C/H	100C/T		*Chất liệu: Thép không gỉ, nhựa chịu nhiệt* *Công suất: 6000 Kcal/h* *Nhiệt độ đầu khò: 1400ºC*
3		K45M	190*37*67mm TL: 148.1g Kích thước đầu: 22mm	**149.000**	185.000	10C/H	100C/T		*Chất liệu: Thép không gỉ, nhựa chịu nhiệt* *Công suất: 132g/h* *Nhiệt độ đầu khò: 1300ºC*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
					TUỐC NƠ VÍT				
1	**Tuốc nơ vít 2 đầu**	KV1-6*100	6*100mm	**22.000**	29.000	12C/H	240C/T		*Thép CR-v 2 đầu*
2		KV1-6*150	6*150mm	**25.000**	33.000	12C/H	240C/T		
3		KV1-6*200	6*200mm	**29.000**	37.000	12C/H	240C/T		
4	**Tuốc nơ vít 2 đầu S2**	KV2-6*100	6*100mm	**44.000**	57.000	12C/H	240C/T		*Tu vít 2 đầu , thép s2 cao cấp*
5		KV2-6*150	6*150mm	**46.000**	61.000	12C/H	240C/T		*Tu vít 2 đầu , thép s2 cao cấp*
6		KV2-6*200	6*200mm	**48.000**	63.000	12C/H	240C/T		*Tu vít 2 đầu , thép s2 cao cấp* *Mua 10 tặng 2*
7	**Tua vít hai đầu KVS2**	KVS2-6*100	6*100mm	**33.000**	44.000	12C/H	144C/T		*Tua vít 2 đầu nam châm - Bake & dẹp: hút chắc, tiện lợi* *Thép S2 có độ cứng cao, chống mài mòn và chịu va đập tốt* *Cán thiết kế công thái học, êm ái, chống trượt, chống dính dầu mỡ*
8		KVS2-6*150	6*150mm	**37.000**	51.000	12C/H	144C/T		
9		KVS2-6*200	6*200mm	**44.000**	61.000	12C/H	144C/T		
10	**Tuốc nơ vít 2 đầu tịnh tiến S2**	KV3-6*150	6*150mm	**51.000**	66.000	12C/H	240C/T		*- Thép S2 siêu cứng* *- Có 1 đầu dẹp và 1 đầu bake có thể tịnh tiến từ 100-150mm* *Mua 10 tặng 2*
11	**Tuốc nơ vít tự động 3 chức năng S2**	KV4-6*38	6*38mm	**68.000**	89.000	12C/H	240C/T		*- Thép S2 siêu cứng* *- Có 1 đầu dẹp và 1 đầu bake, tự động điều chỉnh với 3 chức năng* *Mua 10 tặng 2*
12		KV4-6*150	6*150mm	**83.000**	108.000	12C/H	240C/T		
13	**Tuốc nơ vít tự động 3 chức năng chữ T**	KV5-6*150	6*150mm	**76.000**	99.000	6C/H	240C/T		*- Thép S2 siêu cứng* *- Có 1 đầu dẹp và 1 đầu bake , tự động điều chỉnh với 3 chức năng*
14	**Tuốc nơ vít ren/đóng**	KV6-6*150	6*150mm	**29.000**	37.000	12C/H	240C/T		*Đầu vít dẹp, Thép CR-v* *Mua 10 tặng 2*
15		KV6+6*150	6*150mm	**29.000**	37.000	12C/H	240C/T		*Đầu vít bake, Thép CR-v*
16		KV6-6*200	6*200mm	**40.000**	52.000	12C/H	240C/T		*Đầu vít dẹp, Thép CR-v* *Mua 10 tặng 2*
17		KV6+6*200	6*200mm	**40.000**	52.000	12C/H	240C/T		*Đầu vít bake, Thép CR-v* *Mua 10 tặng 2*
18		KV6-8*200	8*200mm	**46.000**	61.000	12C/H	144C/T		*Đầu vít dẹp, Thép CR-v* *Mua 10 tặng 2*
19		KV6+8*200	8*200mm	**46.000**	61.000	12C/H	144C/T		*Đầu vít bake, Thép CR-v*
20	**Bộ tua vít điện**	KB-E5701	Khối lượng: 70g/475g	**968.000**	1.056.000	18C/H	36C/T		*Bộ sản phẩm gồm: 1 tua vít điện, 52 đầu vít, 1 dây sạc type C, 1 nhíp gắp, 1 cây tách 2 đầu, 1 bộ nạp/khử từ* *-Chi tiết sản phẩm:* *-Tua vít điện chất liệu: Hợp kim nhôm/ màn hình OLED hiển thị cấp độ/đèn trợ sáng/cổng sạc type C tiện lợi.* *Thông số kỹ thuật sản phẩm* *• Dung lượng pin: 500mAh* *• Loại pin: Pin Lithium* *• Điện áp: 3.7V - DC* *• Tốc độ không tải: 150 ± 10 vòng/phút (rpm)* *• Mô-men xoắn điện (Electric torque): 0.1 – 0.3 N.m* *• Mô-men xoắn bằng tay (Manual torque): 3 N.m* *• Thời gian sạc: 2 tiếng* *• Thời gian sử dụng liên tục: 2.5-3h, 1-2 ngày nếu chạy ngắt quãng* *-52 đầu vít chất liệu đầu vít: Thép cao cấp S2 (S2 Premium Steel* *Ứng dụng: phù hợp cho sửa chữa thiết bị điện tử, điện thoại, laptop, đồ gia dụng nhỏ* *SẢN PHẨM ĐƯỢC BẢO HÀNH 6 THÁNG (chi tiết tua vít điện)*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
21	**Bộ tuốc nơ vít đa năng 36 chi tiết**	KV7-036		**176.000**	220.000	12/H	72/T		*Thép hợp kim cao cấp S2-PH2*
22	**Bộ tuốc nơ vít đa năng cao cấp 113 chi tiết - KV8.**	KV8-113		**372.000**	465.000	1C/H	21C/T		*Thép hợp kim cao cấp S2-PH2* *Mua 6 tặng 1*
23	**Bộ tua vít đóng**	KV10-13	Có 4 đầu lục giác: S4, S5, S6, S8 Có 4 đầu bake: PH1, PH2, PH3, PH4 Có 4 đầu dẹp: 5mm, 6mm, 8mm, 10mm	**220.000**	275.000	1C/H	20C/T		*Chất liệu: Thép S2* *Gồm:thân tua vít đóng, có thể đảo chiều siết và mở & 12 mũi đóng các loại* *Đầu trừ, đầu lục giác, đầu bake* *Mua 6 tặng 1*
				TUÝP					
1	**Bộ cần tuýp tự động 12 chi tiết**	KLG12	8, 9, 10, 12 13, 14, 17 19, 22, 24	**424.000**	508.000	2C/H	12C/T		*Thép CR-v* *Mua 6 tặng 1*
2	**Bộ tuýp cần tự động 12 chi tiết KLG-12S**	KLG12s	1/4"	**253.000**	304.000	1C/H	40C/T		*Bộ 12 chi tiết, thép CrV gồm: 10 tuýp, 1 cần tự động 1/4, 1 cần nối* *Mua 6 tặng 1*
3	**Bộ tuýp cần 16 chi tiết**	KLG 16	13 Tuýp: 8,10,11,12,13,14, 15,17,19, 21,22,24,27	**792.000**	950.000	1C/H	16C/T		*Thép CR -v gồm:* *- 13 túy đuôi 1/2* *- 1 tay vặn 1/2 thẳng 15"* *- 1 cần nối 5"* *- 1 tay vặn tự động 1/2* *Mua 6 tặng 1*
4	**Bộ tuýp cần tự động 21 chi tiết KLG-21**	KLG21	1/2"	**814.000**	977.000	1B/H	4B/T		*Bộ 21 chi tiết, thép CrV gồm: 18 tuýp, 1 cần nối chữ L, 1 cần nối 5", 1 cần tự động 1/2"* *Mua 6 tặng 1*
5	**Bộ tuýp cần tự động 24 chi tiết KLG-24**	KLG24	1/2"	**1.045.000**	1.254.000	1B/H	4B/T		*Bộ 24 chi tiết, Thép CrV gồm: gồm 18 tuýp, 1 cần tự động 1/2",1 cần thủ công,2 cần nối 5' và 10", 1 đầu nối quay tay, 1 khớp nối chuyển hướng* *Mua 6 tặng 1*
6	**Tuýp**	KM08	8	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v* *Mua 8 tặng 2*
7		KM09	9	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
8		KM10	10	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
9		KM11	11	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
10		KM12	12	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
11		KM13	13	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
12		KM14	14	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
13		KM15	15	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
14		KM16	16	**17.000**	23.000	10C/H	200C/T		
15		KM17	17	**18.000**	24.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v*
16		KM18	18	**19.000**	26.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v* *Mua 8 tặng 2*
17		KM19	19	**19.000**	26.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v*
18		KM21	21	**23.000**	32.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v* *Mua 8 tặng 2*
19		KM22	22	**25.000**	35.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v*
20		KM23	23	**28.000**	39.000	10C/H	200C/T		*Thép CR-v* *Mua 8 tặng 2*
21		KM24	24	**28.000**	39.000	10C/H	100C/T		*Thép CR-v*
22		KM27	27	**34.000**	47.000	10C/H	100C/T		*Thép CR-v* *Mua 8 tặng 2*
23		KM30	30	**42.000**	58.000	10C/H	100C/T		
24		KM32	32	**44.000**	62.000	10C/H	80C/T		

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
25	Tay vặn tuýp chữ T	KT-08	8	42.000	58.000	20C/H	80C/T		*Thép CR-v*
26		KT-10	10	42.000	58.000	20C/H	80C/T		
27		KT-12	12	43.000	61.000	20C/H	80C/T		*Thép CR-v* *Mua 6 tặng 1*
28		KT-13	13	43.000	61.000	20C/H	80C/T		
29		KT-14	14	43.000	61.000	20C/H	80C/T		
30		KT-17	17	59.000	84.000	15C/H	80C/T		
31		KT-19	19	65.000	91.000	15C/H	80C/T		
THƯỚC									
1	Thước kéo LA	LA-35.16	3.5m*16mm	20.000	25.000	12C/H	168C/T		*Nhựa ABS* *màu trắng* *Mua 9 tặng 3*
2		LA-50.19	5m*19mm	29.000	37.000	12C/H	120C/T		
3		LA-75.25	7.5m*25mm	48.000	63.000	12C/H	48C/T		
4		LA-100.25	10m*25mm	64.000	83.000	6C/H	48C/T		
5	Thước kéo LA (NEW)	LA-50.19 (new)	5.0m*19mm	33.000	43.000	6C/H	60C/T		*màu trắng* *Mua 6 tặng 1*
6		LA-50.25 (new)	5.0m*25mm	37.000	48.000	6C/H	60C/T		
7		LA-75.25 (new)	7.5m*25mm	55.000	72.000	6C/H	48C/T		
8		LA-100.25 (new)	10m*25mm	75.000	97.000	6C/H	36C/T		*màu trắng*
9	Thước kéo LB	LB-35.16	3.5m*16mm	22.000	29.000	12/H	168C/T		*Nhựa ABS (Hàng cao cấp)* *màu trắng* *Mua 9 tặng 3*
10		LB-50.19	5m*19mm	36.000	47.000	12/H	120C/T		
12		LB-100.25	10m*25mm	75.000	97.000	6C/H	48C/T		
13	Thước kéo LC	LC-20.13	2m*13mm	25.000	33.000	50C/H	200C/T		*Thước kéo bọc cao su cao cấp* *màu vàng*
14		LC-50.19	5m*19mm	50.000	65.000	12C/H	120C/T		*Nhựa ABS (Hàng cao cấp)* *màu trắng* *Mua 9 tặng 3*
15		LC-75.25	7.5m*25mm	90.000	118.000	12C/H	48C/T		
16	Thước kéo 2 mặt MB	MB-50.19	5m*19mm	48.000	63.000	12C/H	120C/T		*Nhựa ABS 2 mặt , có luban* *(Hàng cao cấp)* *màu vàng*
17		MB-50.25	5m*25mm	64.000	83.000	12C/H	96C/T		
18		MB-75.25	7.5m*25mm	79.000	103.000	12C/H	48C/T		
19	Thước kéo 2 mặt MA	MA-50.19	5m*19mm	33.000	43.000	12C/H	120C/T		*Thước kéo 2 mặt: 1 mặt số, 1 mặt luban* *màu vàng*
20		MA-50.25	5m*25mm	40.000	52.000	12C/H	120C/T		
21		MA-75.25	7.5m*25mm	54.000	70.000	6C/H	72C/T		
22	Thước Cuộn MC	MC-30.16	3m*16mm	37.000	53.000	12C/H	144C/T		*Thước 2 mặt lỗ ban* *màu vàng*
23		MC-50.25	5m*25mm	59.000	84.000	12C/H	72C/T		
24		MC-80.25	8m*25mm	79.000	111.000	12C/H	48C/T		
25	Thước Cuộn tự hãm MD	MD-50.25	5m*25mm	64.000	89.000	12C/H	72C/T		*Thước có chế độ Autolock (tự hãm)* *Thước 2 mặt lỗ ban, khóa chống trượt chắc chắn* *màu vàng*
26		MD-80.25	8m*25mm	81.000	114.000	12C/H	48C/T		
27	Thước thủy	KTT-25A	225mm	35.000	44.000		100C/T		*Thước công nghiệp mini 3 bọt thuỷ* *Mua 6 tặng 1*
28		KTT-30A	300mm	79.000	99.000		60C/T		*Khung nhôm dày 0,85mm* *Có 3 bọt thuỷ , có từ* *Độ chính xác 0.7mm/1m* *Mua 6 tặng 1*
29		KTT-45A	450mm	101.000	127.000		60C/T		
30		KTT-60A	600mm	128.000	160.000		60C/T		
31		KTT-80A	800mm	163.000	204.000		30C/T		*Khung nhôm dày 0,85mm* *Có 3 bọt thuỷ , có từ* *Độ chính xác 0.7mm/1m*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC		HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
32	Thước thủy công nghiệp	KTT-30B	300mm	108.000	135.000		40C/T		*Khung nhôm dày 1.1mm* *Có 3 bọt thủy và 1 lăng kính , có từ* *Độ chính xác* *0.5 mm/1m* *Mua 6 tặng 1*
33		KTT-40B	400mm	132.000	165.000		40C/T		
34		KTT-50B	500mm	150.000	187.000		40C/T		
35		KTT-60B	600mm	182.000	227.000		40C/T		
36		KTT-80B	800mm	231.000	289.000		40C/T		
37		KTT-100B	1000mm	262.000	328.000		40C/T		
38	Thước thủy công nghiệp	KTT-25C	250mm	149.000	186.000		60C/T		*Khung nhôm đúc nguyên khối , 3 bọt thuỷ* *Độ chính xác 0.5mm/1m* *Mua 6 tặng 1*
39		KTT-40C	400mm	149.000	186.000		60C/T		*Khung nhôm đúc nguyên khối* *Có 2 bọt thuỷ* *Độ chính xác 0.5mm/ 1m* *Mua 6 tặng 1*
40		KTT-50C	500mm	152.000	190.000		60C/T		
41		KTT-60C	600mm	163.000	204.000		60C/T		
42	Thước Cuộn Thép	KMC-30	30m	193.000	241.000	1C/H	20C/T		*Mua 6 tặng 1*
43		KMC-50	50m	256.000	320.000	1C/H	20C/T		
44	Thước kẹp cơ	TK-150	0-150mm	182.000	227.000	1C/H	50C/T		*Dải đo: 0-150mm/ 0-6inch* *Mua 6 tặng 1*
45		TK-200	0-200mm	286.000	358.000	1C/H	50C/T		*Dải đo: 0-200mm/ 0-8inch* *Mua 6 tặng 1*
46	Thước kẹp điện tử	TKE-150	0-150mm	539.000	674.000	1C/H	50C/T		*Dải đo: 0-150mm/ 0-6inch* *Độ chính xác: ± 0,02mm/0,001" (<100mm)* *Màn hình: LCD* *Pin: 3V (2 pin)* *Sản phẩm được bảo hành 6 tháng*
47	Thước Panme	TK-025	0-25mm	396.000	495.000	1C/H	50C/T		*Chất liệu: thép titan chống mài mòn, chống rỉ đen* *Phạm vị đo: 0-25mm* *Độ chia: 0.01mm* *Mua 6 tặng 1*
THÙNG ĐỰNG ĐỒ NGHỀ									
1	Thùng đựng đồ nghề KHD4212	KHD4212	420*340*120mm TL: 1.996kg	429.000	490.000	6C/T			*Vật liệu: nhựa ABS* *Chống nước, chống va đập*
2	Phụ kiện thùng đồ nghề KHD4212	H4212		110.000		1C			*Tấm chắn nắp trên* *Chất liệu nhựa cao cấp* *Số lượng:* *Ốc vít: 9C* *Tấm to (1 miếng) : dài: 39,6cm - rộng 29,6cm*
3		D4212				8C			*Tấm chia vách sử dụng cho khớp thùng đựng đồ nghề KHD4212* *Chất liệu nhựa cao cấp* *Số lượng:* *Tấm dài (2 miếng): dài 28,8cm - rộng 8,7cm* *Tấm ngắn (6 miếng): dài 12,5cm - rộng 8,7cm*
4	Thùng đựng đồ nghề KHD4216	KHD4216	420*340*160mm TL: 2.065kg	484.000	528.000	6C/T			*Vật liệu: nhựa ABS* *Chống nước, chống va đập*

STT	TÊN SP	MÃ SP	SIZE	GIÁ SỈ	GIÁ LẺ	QC	HÌNH ẢNH	GHI CHÚ
5	**Thùng đựng đồ nghề KHD4233**	KHD4233	420*340*330mm TL: 3.1kg Tải trọng max: 50kg	**825.000**	869.000	2C/T		*Vật liệu: nhựa nguyên sinh ABS độ bền cao* *Chống nước, chống va đập*
6	**Thùng đựng đồ nghề KHD20**	KHD20	460*260*200mm TL: 2.9kg	**396.000**	440.000	4C/T		*Có thể kết nối nhiều thùng, khoá inox, bản lề inox có răng chống tuột, tay xách hợp kim nhôm siêu cứng* *Vật liệu: nhựa nguyên sinh ABS độ bền cao* *Chống va đập, độ bền cao*

<u>LƯU Ý</u>: ĐỂ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI KHÁCH HÀNG VÀ SỰ BỀN VỮNG CỦA THỊ TRƯỜNG
CÁC ĐƠN VỊ BÁN LẺ KHÔNG BÁN THẤP HƠN GIÁ BÁN LẺ TỐI THIỂU THEO QUY ĐỊNH